

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHAN HOÀNG QUỲNH

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ
CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

PHAN HOÀNG QUỲNH

**ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ
CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI HIỆN NAY**

**Ngành : Chính trị học
Chuyên ngành : Công tác tư tưởng
Mã số : 9 31 02 01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

**Người hướng dẫn khoa học: 1. GS,TS. Lê Văn Lợi
2. TS. Lê Đức Hoàng**

HÀ NỘI - 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về văn hóa chính trị	10
1.2. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam về văn hóa chính trị ...	13
1.3. Nhận xét kết quả của các công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu	30
Chương 2 ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	38
2.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên	38
2.2. Chủ thể, nguyên tắc, yêu cầu của đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên	59
2.3. Sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên	68
Chương 3 THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC 79 Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	79
3.1. Các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội	79
3.2. Thực trạng đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên trong các trường đại học ở thành phố Hà Nội	91
3.3. Nguyên nhân của thực trạng đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội và những vấn đề đặt ra hiện nay	109

Chương 4 QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỜI GIAN TỚI	124
4.1. Quan điểm tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội	124
4.2. Giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội	132
KẾT LUẬN.....	164
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN.....	166
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	167
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	185

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và đã được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Phan Hoàng Quỳnh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
NXB	Nhà xuất bản
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
PL	Phụ lục
ĐHĐN	Đại học Đại Nam
TS	Tiến sĩ
PGS	Phó giáo sư
GS	Giáo sư
NCS	Nghiên cứu sinh
PVS	Phòng văn sâu
LLCT	Lý luận chính trị
VHCT	Văn hóa chính trị
CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị
HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
ĐHNT	Đại học Nguyễn Trãi
ĐHKHXHNV	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
KTX	Ký túc xá

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn hoá chính trị (VHCT) là bộ phận của văn hóa, là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của nền chính trị quốc gia. Với cách hiểu là một biểu hiện đặc biệt của văn hóa dân tộc, VHCT ngày càng có vai trò quan trọng. Các nhà khoa học đã tiếp cận VHCT từ những góc độ khác nhau, song điểm thống nhất trong các quan điểm ấy là những yếu tố tiêu biểu, cốt lõi làm nên nội hàm của VHCT, đó là tri thức chính trị, ý thức chính trị, niềm tin chính trị, tình cảm chính trị, bản lĩnh chính trị và hành vi trong thực tiễn chính trị. Các yếu tố này chính là thành tố cấu trúc của VHCT, tạo thành đặc trưng VHCT của một cá nhân, một dân tộc hoặc một quốc gia, để giúp cá nhân, dân tộc hoặc quốc gia đó thực hiện mục đích chính trị xác định, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ổn định, bền vững. Hiện nay, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến động khôn lường, khó đoán định về nhiều mặt. Việc chủ động nhận diện tình hình chính trị để có chiến lược xây dựng, phát triển đất nước ổn định và bền vững là hết sức cần thiết, nhằm củng cố tri thức và niềm tin vào hệ tư tưởng chính trị, củng cố tình cảm chính trị cho mọi tầng lớp nhân dân. Giáo dục VHCT là để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước bằng tất cả sức mạnh nội sinh của văn hóa, để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Sinh viên là tinh hoa trong thế hệ trẻ, họ có bản lĩnh chính trị và có khả năng nhận thức nhanh, vì thế chăm lo giáo dục sinh viên là điều quan trọng. Khi họ được hưởng nền giáo dục tốt, họ sẽ trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng, thành lực lượng lao động chất lượng cao trong tương lai. Vì thế giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh đất nước đang chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, khoa học công nghệ phát triển như vũ bão. Văn kiện của Đảng đã chỉ rõ việc cần thiết phải “tăng cường giáo

dục sinh viên về thể lực, về tri thức, về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống để hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”[36, tr.243]. Đây là chủ trương đúng đắn của Đảng, yếu tố tạo ra động lực để sinh viên phát huy được khả năng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Theo đó, việc trang bị, giáo dục VHCT cho sinh viên luôn là một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết, cấp bách và lâu dài, cần sự chung tay của cả hệ thống chính trị, của cả cộng đồng.

Sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội có nhiều lợi thế để được giáo dục VHCT, các trường đại học cũng luôn cố gắng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong điều kiện có thể để nâng cao chất lượng hoạt động này. Tuy nhiên, các trường chỉ chủ yếu giáo dục VHCT cho sinh viên thông qua giảng dạy lý luận chính trị (LLCT) trong chương trình đào tạo. Mặc dù nó quan trọng, nhưng đây chỉ là một trong các phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội mà thôi. Phương pháp, hình thức giáo dục chưa đa dạng, phương tiện giáo dục chưa đồng bộ, nội dung VHCT được chuyển tải chưa đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Một số chủ thể giáo dục không muốn đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vì ngại thay đổi phương pháp quen thuộc, vì không nắm rõ công nghệ thông tin, không sử dụng thành thạo phương tiện hiện đại.

Giáo dục VHCT cho sinh viên luôn là vấn đề cơ bản, lâu dài, nhằm hình thành nhân quan VHCT và xây dựng lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Tuy nhiên, hiện nay một bộ phận sinh viên khá thờ ơ việc học LLCT, thiếu ý thực phấn đấu, rèn luyện, cống hiến. Một số sinh viên không có niềm tin chính trị, không có lý tưởng chính trị, tri thức chính trị không đầy đủ, không tự giác trong việc nâng cao trình độ VHCT của mình, trong khi VHCT là một bộ phận của văn hóa rất cần được nhận thức đầy đủ, sâu sắc. Tình trạng một bộ phận

sinh viên, thanh niên sống thiếu lý tưởng, hoài bão, thờ ơ với chính trị, sa vào lối sống thực dụng những năm gần đây đang gióng lên hồi chuông báo động về giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, xuất phát từ chính vai trò của phương thức giáo dục VHCT và yêu cầu nhiệm vụ giáo dục VHCT cho sinh viên trong thời đại công nghệ số. Đồng thời phù hợp với đặc thù nền chính trị Việt Nam trong bối cảnh các thế lực thù địch không ngừng chống phá cách mạng nước ta, đòi xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng, phủ nhận con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Trong những năm qua, đã có một số công trình khoa học liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém của lĩnh vực này. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay trong bối cảnh mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, với kỹ thuật, công nghệ giáo dục mới, sáng tạo, hiện đại mới rất cấp thiết, vừa cơ bản, lâu dài, vừa mang tính thời sự cấp bách hiện nay. Tác giả luận án mong muốn tìm được giải pháp khả thi để khắc phục những hạn chế, tiếp tục đổi mới hơn nữa phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học, góp phần đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đời sống chính trị- xã hội. Đó là “không chỉ hóa giải các nguy cơ, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch COVID-19”[39, t.2, tr. 93].

Xuất phát từ những vấn đề trên, NCS chọn đề tài *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay* để nghiên cứu trong luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên và thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, luận án đề xuất *quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn*.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu trong luận án.
- Luận giải một số vấn đề lý luận về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; xác định nguyên tắc, nội dung, yêu cầu của đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay.
- Phân tích, đánh giá thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết.
- Luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Luận án nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

Giáo dục VHCT là khái niệm rộng. Trong luận án, NCS tiếp cận khái niệm này ở phạm vi cụ thể, đó là giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Trong hoạt động này, NCS chủ yếu tiếp cận vấn đề giáo dục VHCT cho sinh viên theo nghĩa hẹp, đó là hoạt động giảng dạy các môn LLCT liên quan trực tiếp đến VHCT (bao gồm hoạt động dạy học, hoạt động ngoại khóa và hoạt động tự học của sinh viên) và một số hoạt động của các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học trong phạm vi khảo sát.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2016 đến nay. Đây là thời điểm cả nước thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, tích cực chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ XIII và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào cuộc sống.

- Phạm vi đối tượng: Sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Trong quá trình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, luận án dựa trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm đường lối của Đảng về giáo dục LLCT, các chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục VHCT cho sinh viên.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp cơ bản sau:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Để phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu, NCS tiến hành tìm kiếm và phân tích một số nguồn tài liệu có liên quan đến phương thức giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; Trường Đại học Đại Nam, Trường Đại học Nguyễn Trãi... Đây là những cơ sở đào tạo đại diện cho khối các trường đại học công

lập và ngoài công lập trên địa bàn Thủ đô. Từ đó, luận án rút ra những luận điểm cần thiết cho vấn đề nghiên cứu là đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: Từ những nghiên cứu, phân tích tài liệu, NCS tổng hợp, đánh giá để lý giải những vấn đề, xác định những luận điểm, luận cứ liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; phân tích các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Phương pháp này giúp NCS thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu liên quan đến thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học, từ đó nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- *Phương pháp lịch sử và logic*: Dùng phương pháp lịch sử để phân tích các công trình khoa học làm cứ liệu cho việc vận dụng phương pháp logic để đánh giá, rút ra bản chất của sự việc. Phương pháp này được sử dụng trong luận án nhằm đánh giá khách quan thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian qua.

- *Phương pháp điều tra bảng hỏi*: Để có cơ sở đánh giá thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát, NCS tiến hành điều tra xã hội học đối với 250 sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; 250 sinh viên Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; 250 sinh viên Trường Đại học Nguyễn Trãi; 250 sinh viên Trường Đại học Đại Nam. NCS đã điều tra xã hội học với 1.000 phiếu phát ra, phiếu thu về hợp lệ là 962 phiếu [Phụ lục 1]. NCS đã lựa chọn sinh viên đa ngành để tăng tính khách quan trong điều tra.

- *Phương pháp tích hợp*: phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khoa học, làm cho vấn đề nghiên cứu được soi rọi dưới nhiều góc cạnh, nâng cao tính khách quan, hiệu quả nghiên cứu. Trong luận án, NCS sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã

hội học...để phân tích, đánh giá thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, làm cơ sở đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới.

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, NCS chọn sinh viên khoa Quan hệ quốc tế. Đối tượng thứ hai là sinh viên khoa Tuyên truyền, chuyên ngành Quản lý hoạt động Tư tưởng - Văn hóa. Trong chương trình đào tạo, các sinh viên chuyên ngành này đều được học môn VHCT với thời lượng 3 TC. Tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, NCS chọn sinh viên khoa Quan hệ công chúng, khoa Văn hóa học và khoa Xã hội học. Tại Trường Đại học Đại Nam và Trường Đại học Nguyễn Trãi, NCS chọn sinh viên các khoa Quan hệ công chúng, khoa Đông phương học. Đây là một kênh tham chiếu giúp NCS rút ra luận điểm cho luận án của mình.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Sử dụng các câu hỏi phỏng vấn sâu dành cho các cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục; các giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn; Trường Đại học Đại Nam, Trường Đại học Nguyễn Trãi và sinh viên các trường nhằm tìm hiểu thêm các thông tin quan trọng như đánh giá về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, những vấn đề đặt ra cần giải quyết, giải pháp tiếp tục đổi mới. NCS đã phỏng vấn sâu 10 người [Phụ lục 2]. Nội dung phỏng vấn sâu được NCS sử dụng trong phân tích thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

- *Phương pháp dự báo*: Để có thêm cơ sở đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới, luận án sử dụng phương pháp dự báo, trên cơ sở phân tích khoa học về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên và xu hướng phát triển của các trường đại học. Luận án áp dụng phương pháp định lượng kết hợp với phương pháp định tính để dự

báo về các điều kiện đảm bảo cho thành công của đổi mới phương thức giáo dục VHCT phù hợp với thực tế, đảm bảo tính khả thi của các giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án góp phần làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận về phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay;

- Luận án đánh giá đúng thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong phạm vi khảo sát.

- Trên cơ sở đó, luận án đề xuất được một số giải pháp có tính khả thi để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án nghiên cứu về VHCT và giáo dục VHCT, phương thức giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, từ đó làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu là đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp luận cứ khoa học cho các ngành, các cấp trong việc hoạch định chính sách giáo dục VHCT cho sinh viên thông qua phân tích thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy về VHCT và giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên các trường đại học tại Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính luận án được kết cấu thành 4 chương, 11 tiết:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay – Một số vấn đề lý luận

Chương 3: Thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội và những vấn đề đặt ra

Chương 4: Quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về văn hóa chính trị

Trong văn hóa nhân loại ở cả phương Đông và phương Tây, VHCT đều xuất hiện sớm, gắn liền với sự xuất hiện của xã hội có giai cấp, có Nhà nước. Trong văn hóa phương Đông, các nhà tư tưởng lớn như Khổng Tử, Lão Tử, Hàn Phi Tử, đều có những điều răn, những phương châm hành động, những chuẩn mực liên quan đến VHCT như “Tam cương, ngũ thường” của Khổng Tử, Lão Tử với “vô vi trị”, Hàn Phi Tử với “Pháp – Thuật – Thế”..... Đó chính là đặc trưng VHCT đã được các nhà tư tưởng chính trị thời Xuân Thu chiến quốc khái quát thành mô hình Nhà nước Đức trị của hệ phái tư tưởng Nho gia, Vô vi trị của hệ phái tư tưởng Đạo gia, Pháp trị của hệ phái tư tưởng Pháp gia. Như vậy, VHCT được tiếp cận từ góc độ tư tưởng chính trị, được sử dụng để tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Trong văn hóa phương Tây, VHCT cũng đã xuất hiện từ rất sớm, với tư cách là đối tượng của Triết học. Nội dung VHCT đã có trong tác phẩm *Nền cộng hoà* của Platôn (428 - 348 TCN), *Chính trị* của Aristotêlê (384 – 322 TCN). Những tư tưởng của các nhà triết học cổ đại sẽ được kế thừa và phát triển trong các tác phẩm của các nhà xã hội học của nước Pháp trong thời kỳ Khai sáng như S. Môngtécxkiơ (1689 - 1775) với tác phẩm *Tinh thần pháp luật* và J. Rút-xô (1712 - 1778) với tác phẩm *Bàn về kế ước xã hội*... Trong các tác phẩm của J. Lôccơ, Đidơrô, S.L.Môngtécxkiơ, J. Rút-xô..., VHCT được nhìn nhận như là đặc trưng chính trị xã hội của quốc gia.

VHCT ra đời sớm nhưng khái niệm VHCT với tư cách là đối tượng nghiên cứu chỉ được đề cập đến trong các công trình khoa học ở phương Tây khoảng giữa thế kỷ XX. Khái niệm này lần đầu tiên sử dụng vào những năm

1950, bắt đầu từ nghiên cứu tâm huyết của hai nhà chính trị học người Mỹ là G.Almond và S.Verba. Một số công trình tiêu biểu nghiên cứu về VHCT mà nghiên cứu sinh bao quát là:

- Almond G. (1956), “Comparative Political System”, in: The journal of Politics (8), pp.12-15.

- Almond G. and Verba S. (1963), The Civic Culture – Political attitudes and Democracy in Five Nations, Boston: Little, Brown & Co.

- Ball A.R. (1977), Modern Politics and Government, 2nd ed, London, Macmillan.

- Harrigan J.J. (1995), “Political Culture and Public opinion” in: Politics and the American future, Dilemmas of Democracy, The McGraw – Hill Companies, Inc, pp.80-105.

- I.X.Pirôvarôp (1994), “Văn hoá chính trị, phương pháp nghiên cứu”, Mátxcova, Inhion.

- Pye L. (1968), “Political Culture”, in: International Encyclopedia of the Social Sciences, 12, London, Macmillan.

- Row E. (1974), Modern Politics, London, Routledge and Kegan Paul. 158. Sodaro M.J. (1995), “Political Culture and Political Psychology”, in Comparative politics: A global Introduction, The George Washington University, The McGraw – Hill Companies. Inc., Aims Custom Publishing, pp. 361-385.

- Tocqueville A. (1996), Democracy in America, ed. By J.P. Mayer, trans. By George Lawrence, New York: Harper & Row.

- Walter A. Rosenbaum (1975), Political Culture, London: Nelson. 161. Wildavsky, Aaron (1987), Choosing Preferences by Constructing Institutions: A cultural Theory of Preference Formation, in: American Political Science Review, (81), No.1 March.

Tuy số lượng không nhiều, nhưng nghiên cứu sinh cũng nhận thấy các nhà khoa học phương Tây quan niệm VHCT khá đầy đủ. Trước hết, VHCT biểu hiện qua hành vi chính trị là một phần của hành vi xã hội. Họ cho rằng khi phân tích hành vi chính trị phải xem xét các nhân tố văn hoá, tâm lý của cá nhân và xã hội, phân tích động cơ hành động chính trị, định hướng chính trị: “Mỗi một hệ thống chính trị đều bắt rễ từ trong một loại định hướng xác định riêng; tôi phát hiện thấy điều này rất hữu dụng và gọi nó là văn hoá chính trị”[119, pp.15]. G.Almond và S.Verba cho rằng VHCT là “một loại thái độ đối với hệ thống chính trị và thái độ đối với vai trò của mình trong hệ thống chính trị đó”; “Văn hoá chính trị của một dân tộc là cách chia sẻ riêng của các thành viên của dân tộc ấy những dạng thức của sự định hướng quan tâm tới các khách thể chính trị”[119, pp.12-15]. Theo nhà chính trị học người Anh L.Pye, thì: “Văn hoá chính trị là hệ thống thái độ, niềm tin và tình cảm, nó đem lại ý nghĩa và trật tự cho quá trình chính trị; nó đưa ra tiền đề cơ bản và quy tắc, chế ước hành vi của hệ thống chính trị; nó bao gồm lý tưởng chính trị và quy phạm vận hành của một chính thể”[124, pp.218]. Phạm trù VHCT cũng được các nhà chính trị học Nga nghiên cứu. Theo I.X.Pirôvarốp: “văn hoá chính trị là quá trình xã hội hoá chính trị, suy cho cùng là quá trình phổ cập những giá trị và những quy tắc chính trị nhất định” và “quá trình xã hội hoá trong chừng mực nào đó đưa đến sự ra đời các thiết chế xã hội, các giá trị và những chuẩn mực hành vi phù hợp với tiến trình phát triển”[123].

Như vậy, VHCT ra đời sớm nhưng khái niệm VHCT với tư cách là đối tượng nghiên cứu chỉ được đề cập đến trong các công trình khoa học ở phương Tây khoảng giữa thế kỷ XX. Khái niệm này lần đầu tiên sử dụng vào những năm 1950, bắt đầu từ nghiên cứu tâm huyết của hai nhà chính trị học người Mỹ là G.Almond và S.Verba. Trong phạm vi bao quát của luận án, các công trình khoa học ở nước ngoài nghiên cứu về VHCT không nhiều, vì thế luận án chỉ điếm qua nội dung các công trình khoa học đó, những trích

dẫn cụ thể được sử dụng trong nội dung chương 2 của luận án. Về cơ bản, VHCT được các nhà khoa học hiểu là các chiều cạnh chủ quan của những cơ sở xã hội của các hệ thống chính trị, đây là một khái niệm dùng để chỉ những giá trị chính trị quan trọng, tri thức, quan niệm và thái độ trong một xã hội; những dạng thức được bộc lộ thông qua hoạt động chính trị; những quy tắc công khai hay mặc nhiên được thừa nhận của quá trình chính trị và những cơ sở thường nhật của các hệ thống chính trị. VHCT là một khái niệm tập hợp dùng để chỉ những giá trị chính trị quan trọng, tri thức, quan niệm và thái độ trong một xã hội; những dạng thức được bộc lộ thông qua hoạt động chính trị; những quy tắc công khai hay mặc nhiên được thừa nhận của quá trình chính trị và những cơ sở thường nhật của các hệ thống chính trị. VHCT liên quan tới các bộ phận khác nhau của ý thức chính trị, bao gồm tất cả những đặc tính chính trị cá nhân của từng cá thể, tiềm ẩn trong những thái độ và các giá trị, bắt rễ trong những động cơ bẩm sinh của hành vi chính trị và cả trong những hình thức bộc lộ có tính chất biểu tượng và những ứng xử chính trị cụ thể.

1.2. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam về văn hóa chính trị

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về văn hóa chính trị và giáo dục văn hóa chính trị

VHCT đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam. Trong phạm vi bao quát của NCS, có các công trình tiêu biểu sau:

- Hoàng Chí Bảo (2003), *Văn hóa chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Có thể nói đây là công trình khoa học công phu, đề cập đến nhiều chiều cạnh của VHCT, từ khái niệm đến cấu trúc, từ vai trò của VHCT đến các yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển của VHCT... Theo nhà nghiên cứu, không nên quan niệm giản đơn coi VHCT như một tổng số hợp thành giữa văn hóa và chính trị. Trong công trình này, tác giả cũng phân tích quan niệm của Hồ Chí Minh về VHCT, những nội dung cấu thành VHCT, những đặc

trung trong VHCT theo quan niệm của Hồ Chí Minh. Đây là những gợi mở cho NCS trong triển khai đề tài nghiên cứu của mình.

- Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, 2 tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Theo tác giả cuốn sách, VHCT là một nội dung trong công tác tư tưởng của Đảng. Trong cuốn sách, vấn đề VHCT không được đề cập riêng như một nội dung nghiên cứu độc lập, nhưng tác giả công trình khoa học đã luận chứng giáo dục VHCT như là một quá trình đồng thời diễn ra hoạt động truyền bá và tiếp thu lý luận chính trị (LLCT), thuộc phạm trù công tác tư tưởng của Đảng. Cuốn sách giúp tác giả tiếp cận vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay trên góc độ công tác tư tưởng, vì LLCT và VHCT có quan hệ mật thiết, cùng tác động đến công tác tư tưởng của Đảng.

- Nguyễn Văn Huyền (2009), *Bước đầu tìm hiểu những giá trị văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách được kết cấu thành 11 chương, mỗi chương là một chuyên đề, dài 224 trang, nêu và phân tích những giá trị VHCT Việt Nam cốt lõi nhất, tiêu biểu nhất của lịch sử tư tưởng chính trị truyền thống Việt Nam, cũng là những giá trị đặc sắc nhất của hoạt động chính trị của các thế hệ ông cha ta trong quá khứ. Nội dung cuốn sách đề cập đến những khái niệm cốt lõi như chính trị, VHCT, giá trị và những giá trị VHCT Việt Nam như lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống nhân nghĩa trong văn hóa Việt Nam, giá trị dân là gốc... Những phân tích trong cuốn sách đã gợi cho tác giả luận án hướng đi khi triển khai nội dung nghiên cứu của mình về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, cụ thể là kế thừa các giá trị VHCT truyền thống.

- Phan Xuân Sơn (2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội. Nội dung cuốn sách đề cập đến các vấn đề như: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của chính

trị học; lịch sử tư tưởng chính trị trước chủ nghĩa Mác; một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị; quyền lực chính trị; hệ thống tổ chức quyền lực chính trị; thủ lĩnh chính trị; động lực chính trị; chính trị với kinh tế... Trong nội dung các chuyên đề của cuốn sách, tác giả đã khẳng định thời điểm ra đời của VHCT gắn liền với sự hình thành và phát triển của Nhà nước. Đồng thời tác giả cũng khẳng định vai trò quyết định của VHCT đối với sự phát triển của xã hội. Đây là những gợi mở quan trọng đối với tác giả luận án.

- Hoàng Chí Bảo (2016), *Văn hóa trong chính trị vì mục tiêu phát triển con người*, Báo Quân đội nhân dân, tháng 10/2016. Bài viết đã chỉ ra các giải pháp xây dựng VHCT vì mục tiêu phát triển con người. Đó là vấn đề nhận thức về VHCT và giải pháp xây dựng VHCT; đó là đổi mới sự nghiệp giáo dục; xây dựng nền đạo đức công vụ; xây dựng chuẩn mực văn hóa giao tiếp ứng xử; đổi mới công tác cán bộ ... Theo nhà nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp này là xây dựng VHCT vì mục tiêu phát triển con người, vấn đề rất cần thiết khi Việt Nam hội nhập quốc tế.

- Nguyễn Thị Ứng (2018), *Tư tưởng yêu nước trong văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam*, Tạp chí Mặt trận (tháng 8/2018). Bài viết khẳng định: yêu nước là biểu hiện cao quý của tư tưởng và tâm hồn Việt Nam, là giá trị nhân cách của con người Việt Nam, được tôi luyện và hun đúc qua biết bao biến cố của lịch sử và đã mãi trường tồn tỏa sáng cùng với sự đi lên của dân tộc. Đó chính là truyền thống văn hóa, là biểu hiện của VHCT gắn liền với văn hóa đạo đức của dân tộc Việt Nam. Trong các giá trị truyền thống như lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa, hòa hiếu..., tư tưởng yêu nước là tư tưởng cốt lõi, mang đậm những giá trị VHCT truyền thống Việt Nam, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Cho đến hôm nay, tư tưởng yêu nước vẫn tiếp tục được khẳng định trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng của Đảng ta.

- Nghiêm Thị Thu Nga (2018), *Văn hóa chính trị thời thịnh Trần*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về VHCT, phân tích diện mạo, giá trị của VHCT thời thịnh Trần, làm rõ hơn lịch sử VHCT Việt Nam, phân tích cấu trúc và vai trò của VHCT. Những luận điểm được tác giả rút ra là cơ sở lý luận mà NCS sẽ kế thừa có sáng tạo khi triển khai nhiệm vụ nghiên cứu của mình. Kết quả nghiên cứu của luận án là nguồn tư liệu tham khảo trong nghiên cứu đề tài đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Nguyễn Trọng Chuẩn (2020), *Bàn về văn hóa chính trị* - Tạp chí Tuyên giáo số 7 (350), tr.19-20. Bài viết bàn về vai trò của VHCT: nếu nhà lãnh đạo không hội đủ tri thức chính trị, thiếu tầm nhìn xa, không hiểu biết sâu sắc và thiếu sự nhạy bén mang tầm chiến lược thì rất dễ rơi vào tình thế bị động, không tiên liệu được những hệ lụy từ những biến cố chính trị trên thế giới. Theo tác giả bài báo, một trong những thành tố quan trọng của VHCT là ý thức chính trị. Bài viết cho thấy ý thức chính trị có khả năng làm tăng thêm vốn hiểu biết, kinh nghiệm VHCT, vì thế cần nâng cao ý thức chính trị trong giáo dục VHCT cho cán bộ, đảng viên.

- Nguyễn Trung, Hà Bình, Lan Ngọc (2021), *Văn hóa chính trị và góc nhìn đạo đức người cán bộ*, Tạp chí Xây Dựng Đảng. Đây là một tuyển bài viết gồm 5 bài viết: Bài 1: Nhận diện những thách thức; Bài 2: Trách nhiệm “công bộc”; Bài 3: “Bệnh” tham nhũng băng hoại nhân cách; Bài 4: Nêu gương - nhân tố tiên quyết; Bài 5: Xây dựng nền văn hóa chính trị xứng tầm. Nội dung các bài viết đề cập đến việc xây dựng VHCT là phải có chiến lược quan trọng cho sự phát triển của đất nước, phải làm sao có nhiều người tài tham gia vào bộ máy cầm quyền. Tuyển bài viết đã thể hiện được những suy nghĩ của các nhà nghiên cứu, phân tích khái niệm VHCT có hai mặt đối lập là: dùng quyền lực để phụng sự đất nước, nhân dân và dùng quyền lực để

muu lợi ích cho cá nhân, gia đình, phe nhóm mình. Điều đó ngày càng đòi hỏi phải đề cao hơn việc xây dựng VHCT, tăng cường giáo dục VHCT để nâng cao đạo đức cán bộ.

- Trần Viết Lưu (2021), *Văn hóa chính trị - ngọn đuốc thắp sáng tương lai dân tộc*, báo Hà Nội mới, ngày 29/11/2021. Bài viết đề cập đến VHCT là những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo, thông qua thực tiễn chính trị. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, VHCT hướng đến các giá trị phổ quát giàu tính nhân bản. VHCT hiện đại vượt lên tiên phong, dẫn hướng cho tương lai dân tộc. Bài viết khẳng định: Hồ Chí Minh là nhịp cầu nối giữa VHCT truyền thống với VHCT hiện đại; VHCT là ngọn đuốc thắp sáng tương lai dân tộc Việt Nam. Vì thế, giáo dục VHCT là nhiệm vụ quan trọng cả trên phương diện lý luận và thực tiễn.

- Đình Hiệp – Khánh ly (2021), *Tiếp tục giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “soi đường cho quốc dân đi”*, đăng trên báo Hà Nội mới ngày 24/11/2022. Thông qua nội dung bài viết, nhóm tác giả khẳng định sự cần thiết phải giáo dục VHCT; khẳng định VHCT hiện nay là sự kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, vì ngay từ khi ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã xác định 3 mặt trận quan trọng của cách mạng nước ta là chính trị, kinh tế và văn hóa có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng VHCT chính là đề Tiếp tục giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “soi đường cho quốc dân đi” như nội dung của bài báo.

- Bùi Đình Phong (2021): *Văn hóa nói chung, văn hóa chính trị nói riêng phải lấy dân làm gốc*- Báo điện tử dangcongsan.vn. Bài viết chỉ rõ: hơn 90 năm qua, đặc biệt qua 35 năm đổi mới, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng quy tụ vun bồi được sức dân, trí dân, lòng dân. Văn hóa nói chung, VHCT nói riêng trước hết và xuyên suốt là sự hoàn thiện nhân cách, tu dưỡng bản thân của những cán bộ, đảng viên có chức có

quyền, lãnh đạo, đứng đầu để xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đủ sức cầm quyền và lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong bối cảnh nhiều thách thức như hiện nay, phải bắt đầu từ nhận thức: dân là gốc.

- Phạm Hồng Tung (2021), *Văn hoá chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hoá chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách tái bản lần thứ ba, có sửa chữa, bổ sung. Đây là một tập hợp có hệ thống của 31 chuyên luận, đề cập tới những vấn đề căn bản của VHCT, được chia làm hai nhóm lớn. Phần một đề cập tới những vấn đề cơ bản của VHCT, tập trung làm sáng tỏ một số khái niệm công cụ cơ bản được sử dụng phổ biến trong khoa học chính trị ở phương Tây như chính trị, VHCT, hệ thống chính trị, quá trình chính trị, môi trường chính trị... Chuyên luận giới thiệu một số lý thuyết khoa học, cách tiếp cận và các luận điểm cơ bản của giới khoa học phương Tây về VHCT, phân tích đặc trưng lối sống và VHCT phương Đông. Phần hai đề cập một số vấn đề của lịch sử Việt Nam cận đại được tiếp cận chủ yếu từ khía cạnh VHCT, khám phá các sự kiện và quá trình lịch sử từ góc độ VHCT, mang lại những nhận thức mới về các hiện tượng và quá trình đó, thông qua một số sự kiện và quá trình lịch sử liên quan tới cuộc vận động giải phóng dân tộc và duy tân đất nước trong thời kỳ từ năm 1900 đến năm 1945. Tập chuyên luận này là khám phá bước đầu về VHCT, một thử nghiệm vận dụng cách tiếp cận VHCT vào nghiên cứu một số vấn đề lịch sử Việt Nam. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị đối với NCS khi triển khai nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

- Khuất Trọng Nam (2021), *Xây dựng văn hóa chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trước tác động của hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường hiện nay*, tạp chí Cộng sản điện tử ngày 01/5/2021. Bài viết đề cập đến sự cần thiết phải xây dựng VHCT cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trước trong bối cảnh Việt Nam đang chịu tác động của hội nhập quốc tế; phân tích mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động đến đạo đức, lối sống của con

người; biện pháp để xây dựng VHCT cho đội ngũ cán bộ chủ chốt để nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng ta, đó là xây dựng đạo đức, lối sống, xây dựng lý tưởng cách mạng...

- Cao Văn Dũng (2022), *Xây dựng văn hóa chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Báo Đồng khởi ngày 07/2/2022. Tác giả bài viết đã phân tích vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xây dựng Đảng và phát triển đất nước hiện nay, thực trạng VHCT của đội ngũ cán bộ, đảng viên và giải pháp xây dựng VHCT cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để xây dựng nền chính trị vững mạnh. Dù bài viết không đề cập trực tiếp đến giáo dục VHCT cho sinh viên, nhưng những vấn đề đặt ra trong bài viết về vai trò của VHCT trong bối cảnh xã hội hiện nay có giá trị tham khảo với NCS khi triển khai nội dung nghiên cứu của mình.

- Phạm Duy Đức và Vũ Thị Phương Hậu (2022): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam- một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. Công trình khoa học nhấn mạnh các giải pháp xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, chú trọng đến giáo dục VHCT cho cá nhân và cộng đồng. Trong công trình này, nhóm tác giả không trực tiếp bàn về xây dựng VHCT như một nội dung độc lập, song cấu trúc VHCT, vai trò của VHCT và những biểu hiện của VHCT trong thực tiễn chính trị Việt Nam đã được các tác giả phân tích từ góc độ lý luận. Nhiều dẫn chứng từ thực tiễn đời sống chính trị đương đại cũng được nhóm tác giả phân tích, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, sự cần thiết phải xây dựng VHCT để văn hóa thấm thâu trong chính trị và trong kinh tế ở Việt Nam.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về phương thức giáo dục và đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (2003), *Thực trạng và giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn khoa học Mác -*

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia. Đây là vấn đề NCS quan tâm vì các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong nội dung giáo dục VHCT, có liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay. Trong giảng dạy các môn lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học xã hội nhân văn, phương tiện kỹ thuật là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy chứ không thể thay thế được vai trò của giảng viên. Chất lượng giảng dạy và học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng chính là chất lượng VHCT của sinh viên, muốn nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên, phải đổi mới phương thức giáo dục. Bởi vì giảng viên là chủ thể của quá trình hoạt động giáo dục, là lực lượng có vai trò trực tiếp to lớn trong định hướng, điều khiển toàn bộ hoạt động tiếp thu lĩnh hội tri thức của sinh viên, lực lượng cơ bản giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục VHCT cho sinh viên.

- Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách trình bày các vấn đề lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học nhằm trang bị tri thức chính trị cho sinh viên. Tác giả cũng phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học, chính là đề cập đến nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên. Trong công trình này, đặc điểm của sinh viên với tư cách là đối tượng của hoạt động giáo dục VHCT thông qua việc truyền giảng tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và là chủ thể tự giáo dục VHCT thông qua ý thức tự giác đã được tác giả phân tích khá sâu, gợi mở cho NCS khi triển khai nhiệm vụ nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (chủ trì - 2006), *Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các trường đại học, cao đẳng khối ngành kỹ thuật*, Báo cáo tổng hợp Đề tài NCKH cấp Bộ. Đây là hướng tiếp cận chuyên sâu, các tham luận trong Báo cáo tổng hợp đã phân tích điều kiện đổi mới, nội dung đổi mới, cách thức đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở nghiên cứu khá kỹ nội dung, chương trình giảng dạy, liên quan đến mục tiêu giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối ngành kỹ thuật. Nghiên cứu cho thấy đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là tất yếu, khách quan.

- Ngô Văn Thạo (2008), *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội. Cuốn sách bàn về phương pháp giảng dạy LLCT nói chung, không bàn về giáo dục VHCT nhưng những phân tích của tác giả đã cho thấy vai trò của phương pháp giảng dạy; hệ thống các phương pháp giảng dạy LLCT, ưu thế và hạn chế của từng phương pháp giảng dạy, sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT truyền thống và cách thức đổi mới chúng. Đó cũng là những gợi mở cho NCS khi nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, bởi vì phương pháp giảng dạy LLCT và phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học tuy có khác biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng.

- Nguyễn Phước Dũng (2011), *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Tạp chí Khoa học chính trị, (3), Hà Nội. Bài viết đề cập đến vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT: sự cần thiết phải đổi mới, cách thức đổi mới, nội dung đổi mới, nguyên tắc đổi mới... Mặc dù chỉ đề cập đến đổi mới phương pháp giảng dạy, chưa đề cập đến hình thức, phương tiện giảng dạy nhưng tác giả đã phân tích khá kỹ cách đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT

truyền thống như phương pháp thuyết trình kết hợp nêu vấn đề, xây dựng tình huống, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại trong giảng dạy... Những phân tích của tác giả là gợi mở cho NCS về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Học viện Kỹ thuật Quân sự (2011), *Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội. Cuốn sách phân tích hệ thống phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn đang được áp dụng trong các trường đại học, ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp, vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn theo cách kế thừa có sáng tạo, tăng cường vận dụng linh hoạt các phương tiện dạy học, khơi dậy năng lực sáng tạo của sinh viên... Những phân tích của công trình khoa học này có ý nghĩa với hướng nghiên cứu của NCS khi triển khai nội dung đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, nhất là ở nội dung phương pháp giảng dạy.

- Bùi Thị Ngọc Lan (2012), *Phương pháp giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường cao đẳng, đại học*, Tạp chí Thiết bị dạy học, (86). Bài viết đề cập đến phương pháp giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường cao đẳng, đại học nhằm giáo dục VHCT cho sinh viên. Mặc dù bài viết chưa đi sâu về đổi mới phương pháp, nhưng bước đầu đã nhận diện các phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên, trang bị cho sinh viên tri thức về VHCT.

- Vũ Thanh Bình (2012), *Vấn đề chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên LLCT, Hà Nội. Từ những phân tích đó, tác giả xác định quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta.

Chất lượng đội ngũ giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng góp phần quyết định hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên, vì thế những phân tích của luận án là những gợi mở cho NCS khi triển khai nhiệm vụ của mình.

- Nguyễn Thị Thu Thủy (2014), *Quản lý đào tạo giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Đại học Giáo dục, Hà Nội. Luận án đã xây dựng các khái niệm cơ bản để phân tích thực trạng quản lý đào tạo giảng viên LLCT đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới. Trong các giải pháp tăng cường quản lý đào tạo giảng viên LLCT, luận án đề cập đến đổi mới phương pháp, hình thức giảng dạy của đội ngũ giảng viên khi tham gia giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học. Những phân tích của tác giả luận án là gợi mở để NCS tiếp tục đi sâu trong nghiên cứu của mình về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay trong phần chủ thể giáo dục.

- Vũ Đình Bảy - Nguyễn Phước Dũng (2015), *Đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị ở đại học, cao đẳng theo định hướng năng lực*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, (4). Bài biết đề cập đến nhiều nội dung liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học các môn LLCT cho sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy học các môn LLCT là gì, cách thức và quy trình đổi mới như thế nào... là những gợi ý quan trọng để NCS triển khai nội dung nghiên cứu của mình về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Đoàn Đức Hiếu - Phùng Thế Anh (2015), *Đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Chính trị, (6). Nhóm tác giả khẳng định: nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng lớn đến chất lượng bài giảng của giảng viên và kết quả học tập của sinh viên. Hiện nay chương trình còn nặng về lý thuyết, phương pháp giảng dạy vẫn nặng về truyền thụ một chiều, thầy đọc, sinh viên ghi, ít phát huy tính

chủ động, sáng tạo của sinh viên. Phương pháp giảng dạy theo lối truyền thống đã làm cho sinh viên thiếu sự tìm tòi, sáng tạo, khiến cho bài học nhàm chán, không lôi cuốn, giảng viên mất rất nhiều sức nhưng hiệu quả lại không cao. Đây cũng là vấn đề đặt ra trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Phạm Huy Kỳ (2015), *Từng bước đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, (4). Tác giả bài viết đề cập đến việc đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị, quá trình thay đổi từ nội dung đến phương pháp nhằm ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên LLCT, phù hợp với sự tiến bộ của khoa học và hiện thực xã hội. Thực chất của sự đổi mới là từng bước đổi mới, nghĩa là việc đổi mới cần được triển khai ở từng mức độ, phạm vi khác nhau. Đây là quan điểm về đổi mới mà NCS sẽ tiếp thu, kế thừa khi triển khai nội dung liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Trần Thú Vân (2015), *Vấn đề xây dựng văn hóa chính trị cho sinh viên hiện nay*, Báo An ninh thủ đô, tháng 9 năm 2015. Bài viết đã chỉ rõ đặc điểm của sinh viên, vai trò quan trọng của sinh viên trong bảo vệ và xây dựng đất nước; sự cần thiết phải giáo dục VHCT cho sinh viên. Muốn vậy, tất yếu phải xây dựng VHCT cho sinh viên Việt Nam. Mặc dù chỉ là một bài nghiên cứu, nhưng tác giả đã đề cập đến đặc điểm sinh viên và sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giáo dục để xây dựng VHCT cho sinh viên.

- Nguyễn Quang Trung (2015), *Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên trong đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Để phát huy vai trò đó, luận án đề xuất các giải pháp, trong đó có giải pháp cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy để nâng cao tính chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên trong việc tiếp cận

tri thức mới. Điều này hữu ích với NCS khi nghiên cứu về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, dù luận án phân tích kỹ về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn LLCT, vấn đề đổi mới hình thức giáo dục cho sinh viên các trường đại học chưa được bàn sâu.

- Đỗ Minh Tuấn (2016), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Nhận thấy vai trò cũng như tầm quan trọng của giáo dục LLCT cho sinh viên, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục LLCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sự vận dụng đó. Tác giả nhấn mạnh đến giải pháp đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục VHCT theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động giáo dục LLCT nhằm giáo dục VHCT cho sinh viên, cập nhật kiến thức mới cho sinh viên, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa học tập LLCT với rèn luyện, thử thách trong thực tiễn để nâng cao bản lĩnh chính trị; bồi đắp tri thức chính trị cho sinh viên. Luận án có nhiều gợi mở cho NCS khi nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vì khách thể nghiên cứu cũng là sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

- Quang Hùng (2016), *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội. Luận án đề cập đến niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay từ cơ sở lý luận đến thực tiễn, xác định các nguyên nhân của tình trạng suy giảm niềm tin chính trị trong một số sinh viên. Niềm tin chính trị là một thành tố trong cấu trúc VHCT, vì thế giáo dục niềm tin chính trị cho sinh viên cũng chính là giáo dục VHCT cho sinh viên. Các giải pháp tăng cường giáo dục

niềm tin chính trị cho sinh viên được nghiên cứu kế thừa có chọn lọc và sáng tạo để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay như hướng triển khai của NCS.

- Phạm Đình Khuê (2016), *Ý thức chính trị của sinh viên nước ta hiện nay - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội. Ý thức chính trị là hợp phần của VHCT, vì thế nghiên cứu thực trạng và những vấn đề đặt ra về ý thức chính trị của sinh viên nước ta hiện nay là những gợi mở hữu ích đối với NCS. Phương thức giáo dục ý thức chính trị cũng chính là giáo dục VHCT cho sinh viên, đổi mới phương pháp giáo dục ý thức chính trị cũng chính là góp phần đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

- Nguyễn Thanh Thảo (2016), *Nhu cầu và điều kiện học tập lý luận chính trị của sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Luận án đề cập đến nhu cầu học tập LLCT của sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay và các điều kiện để đáp ứng nhu cầu chính đáng đó của sinh viên, nhất là sinh viên các trường đại học ở Hà Nội. Đây cũng là nội dung NCS quan tâm khi nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Trần Thanh Giang (2017), *Tăng cường giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, (2), tr.73 - 78. Bài viết khẳng định tầm quan trọng của giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên, giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng cho sinh viên; giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên hiện nay được thể hiện ở những tiêu chí về nhận thức chính trị, tình cảm, niềm tin ý chí chính trị và sự phát triển ấy được thông qua hành vi chính trị của họ. Đây cũng là nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay.

- Trần Thị Tùng Lâm (2017), *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay* (khảo sát một số trường đại học đào tạo các ngành kỹ thuật) - Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Luận án không nghiên cứu trực tiếp đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, nhưng cũng giúp NCS nhiều nội dung về đặc điểm và nhu cầu của sinh viên, đời sống của sinh viên, các hoạt động chính khóa và ngoại khóa của sinh viên ... để NCS có thêm cơ sở đề xuất giải pháp đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, vì giáo dục văn hóa học đường cũng chính là giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

- Phạm Văn Linh (chủ biên - 2017), *Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. Cuốn sách khẳng định việc nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT ở bất kỳ thời điểm nào, giai đoạn nào tại các trường đại học, cao đẳng cũng hết sức cần thiết. Tác giả đã phân tích thực trạng chất lượng giảng dạy, học tập các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng; đánh giá chất lượng từ chủ thể đến đối tượng giáo dục, từ nội dung đến phương pháp giáo dục. Tác giả nhấn mạnh vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy môn LLCT được xem là khâu trọng tâm của một số trường đại học, cao đẳng. Điều này cũng đúng với nhiệm vụ đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay.

- Vũ Quốc Cường (2018), *Xây dựng văn hóa chính trị của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay*, Đề tài Nghiên cứu khoa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội. Đề tài đã phân tích và làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận chung về VHCT, xây dựng VHCT cho sinh viên, đi sâu phân tích nội dung, hình thức xây dựng VHCT cho sinh viên, nghiên cứu một cách có hệ thống về VHCT của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Trên cơ sở khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng VHCT cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đề tài đề xuất một số phương hướng

và giải pháp có tính khả thi nhằm xây dựng, củng cố và nâng cao VHCT của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền thời gian tới, trong đó nhấn mạnh giải pháp đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

- Vũ Xuân Cảnh (2018), *Xây dựng văn hóa chính trị cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 406, tháng 4-2018. Bài viết đề cập đến bối cảnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc đang diễn ra trong khi thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Vì thế, đặt ra việc xây dựng VHCT cho sinh viên hiện nay vừa mang tính cấp bách trước mắt, vừa mang tính chiến lược lâu dài để họ thực sự trở thành những chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận, bảo vệ tính cách mạng, khoa học của đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước. Bài viết khẳng định sự cần thiết phải giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học; vấn đề đổi mới giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay vừa mang tính cấp bách trước mắt, vừa mang tính chiến lược lâu dài để họ thực sự trở thành những chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận, bảo vệ tính cách mạng, khoa học của đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước.

- Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. Cuốn sách có độ dài 462 trang, đề cập đến nhiều nội dung quan trọng, trong đó có vấn đề chăm lo cho thanh niên. Tác giả khẳng định: “cần phải tiếp tục đổi mới hơn nữa, nâng cao hơn nữa chất lượng, nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả phong trào hành động cách mạng, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên... Tiếp tục kiên trì, coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập, nghiên cứu và vận dụng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn; sáng tạo và thực chất trong việc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cần coi trọng giáo dục qua thực tiễn phong trào, lựa chọn phương thức giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi” [101, tr.311]. Đây chính là chỉ đạo của Tổng Bí thư về công tác thanh niên nói

chung, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng, bởi sinh viên là bộ phận của thanh niên, rất cần được quan tâm giáo dục VHCT.

- Nguyễn Văn Lượng, Hà Thị Bích Thủy (2022), *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*, Tạp chí Tuyên giáo, ngày 24/11/2022. Bài viết đã phân tích khá rõ đặc điểm xã hội trong bối cảnh hiện nay, sự cần thiết phải tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT nhằm nâng cao tri thức chính trị, niềm tin chính trị cho sinh viên. Đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT gắn liền với đổi mới phương pháp giáo dục VHCT, vì LLCT và VHCT là những lĩnh vực có nhiều điểm tương đồng. Một trong số giải pháp tăng cường đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên chính là đổi mới phương pháp giáo dục LLCT đã được nhóm tác giả phân tích trong bài viết.

- Đào Duy Quát (2022), *Xây dựng văn hóa học đường, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 25/8/2022. Bài viết đã phân tích thực trạng văn hóa học đường và giải pháp xây dựng văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học hiện nay, khi văn hóa học đường đang bộc lộ nhiều hạn chế, bạo lực học đường có xu thế gia tăng đến mức đáng báo động như hiện nay. Tác giả bài báo đã nhấn mạnh đến đổi mới phương pháp giáo dục văn hóa học đường, mà môi trường văn hóa học đường lại có tác động lớn đến giáo dục VHCT của sinh viên các trường đại học.

- Nguyễn Thị Toàn Thắng (2022), *Xây dựng nhân cách văn hóa chính trị*, Báo điện tử Sài Gòn giải phóng ngày 19/12/2022. Bài viết đề cập đến khái niệm nhân cách VHCT, đến vai trò của nhân cách VHCT và sự cần thiết phải giáo dục VHCT để xây dựng nhân cách VHCT hiện nay, khi nội dung và phương thức xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Bài viết đề xuất bộ tiêu chí xây dựng nhân cách VHCT, trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, tiếp thu các giá trị mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, làm phong phú,

lành mạnh đời sống tinh thần, đạo đức xã hội. Tác giả nhấn mạnh: để xây dựng nhân cách VHCT cho cán bộ, đảng viên, cần đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục VHCT cho sát đối tượng.

- Phan Hoàng Quỳnh (2022), *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị số 536 (10-2022). Bài viết khẳng định phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên có vai trò quan trọng trong giáo dục VHCT, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đó là đổi mới có nguyên tắc, đổi mới có lộ trình phù hợp, có điều kiện để thực hiện nội dung đổi mới, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục VHCT cho sinh viên. Tác giả bài báo đã phân tích các phương pháp, hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học, ưu thế và hạn chế của từng phương pháp, hình thức giáo dục; đề xuất nguyên tắc và quy trình đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học hiện nay.

1.3. Nhận xét kết quả của các công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu

1.3.1. Nhận xét kết quả của các công trình khoa học đã tổng quan

Một là, các công trình khoa học đã nghiên cứu khá kỹ về VHCT. Những nghiên cứu của các nhà khoa học về VHCT được NCS kế thừa có chọn lọc để làm cơ sở triển khai nội dung nghiên cứu của mình, xây dựng khung lý thuyết cho luận án. Khảo sát cho thấy các nhà khoa học có những quan điểm khác nhau về VHCT tùy góc độ tiếp cận, nhưng nhìn chung đều nhất trí ở các nội dung cơ bản sau:

- VHCT được hiểu là biểu hiện đặc thù của văn hóa, gắn liền với sự xuất hiện của Nhà nước, gắn liền với quyền lợi của giai cấp cầm quyền. VHCT là thước đo trình độ phát triển lịch sử của xã hội và trình độ nhận thức, ứng xử của con người trong xã hội, thông qua cách thức tổ chức đời sống và hành vi ứng xử của cá nhân và cộng đồng. VHCT cũng chứa đựng các giá trị

vật chất và giá trị tinh thần, được công đồng chấp nhận và trở thành chuẩn mực văn hóa, điều chỉnh hành vi cá nhân, cộng đồng để tạo thành đặc trưng chung của văn hóa dân tộc.

- VHCT có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, gắn liền với văn hóa dân tộc, làm phong phú và sâu sắc thêm cho văn hóa hóa nhân loại trong tiến trình lịch sử. VHCT ngày càng có vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người. Trong bối cảnh hiện nay, VHCT lại càng khẳng định vai trò quan trọng của mình trong điều chỉnh quan hệ xã hội giữa các quốc gia, khi thế giới đang bước vào hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa trong sự thống nhất và khác biệt của các quốc gia.

- Các yếu tố tiêu biểu, cốt lõi trong cấu trúc VHCT gắn bó rất chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau tạo thành phẩm chất chính trị, phát triển năng lực chính trị của một cá nhân, một tổ chức, một đảng phái chính trị; giúp một cá nhân hay một tổ chức, đảng phái hiện thực hóa các mục đích chính trị của mình. Đây là những nội dung được nghiên cứu nhiều trong các công trình khoa học NCS bao quát.

Hai là, VHCT trong Đảng là nội dung được bàn luận trong các công trình khoa học trên. Các nhà khoa học đã xem xét yếu tố VHCT trong Đảng từ góc độ lãnh đạo, cầm quyền. Đây là vấn đề cốt lõi trong xây dựng Đảng vững mạnh, nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng ta hiện nay. Vấn đề đào tạo nhân tài và tạo môi trường cho nhân tài thể hiện cũng là nội dung được bàn luận nhiều trong các công trình khoa học. VHCT trong Đảng là giá trị đặc trưng để Đảng ta thực sự là Đảng văn minh.

Ba là, mối quan hệ giữa VHCT với văn hóa đạo đức, giữa văn hóa với chính trị, văn hóa với kinh tế... được các nhà khoa học đề cập và nghiên cứu sâu. Xây dựng VHCT và đặt VHCT bên văn hóa đạo đức là vấn đề đang được nhắc đến nhiều. Theo các nhà khoa học, VHCT liên quan chặt chẽ đến phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Các nhà khoa học đã đề

xuất nhiều giải pháp để xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong chính trị mà bản chất chính là xây dựng VHCT.

Bốn là, một số công trình khoa học đã bước đầu nghiên cứu về giáo dục VHCT. Giáo dục VHCT được nghiên cứu như là một hợp phần của công tác tư tưởng, vì thế được quan tâm. Các nghiên cứu cũng chú trọng đến giáo dục LLCT nhằm nâng cao VHCT cho cán bộ, đảng viên và người lao động, thông qua các hoạt động thực tiễn. Các nhà khoa học cũng đã quan tâm đến giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Sự quan tâm của các nhà khoa học về vấn đề giáo dục VHCT cho sinh viên tuy mới ở mức độ nhất định, song cũng là gợi mở quan trọng cho hướng đi của NCS trong luận án.

Năm là, các giải pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT trong bối cảnh hiện nay cũng được các nhà khoa học quan tâm, đề xuất. Ví dụ: phát huy vai trò của cấp ủy các cấp, tổ chức đảng trong nâng cao VHCT cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt; nâng cao trình độ tri thức về mọi mặt, đặc biệt về tri thức chính trị cho cán bộ, đảng viên; nâng cao đạo đức cách mạng; chú trọng công tác xây dựng, quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt; tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị, đề cao yếu tố văn hoá đạo đức trong các cấp, các ngành, các lĩnh vực, xây dựng môi trường làm việc, môi trường kinh doanh lành mạnh; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vừa có tài, vừa có đức; tăng cường kiểm tra, giám sát trong Đảng, bảo đảm từng đảng viên, từng tổ chức đảng luôn kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh... Những giải pháp được các nhà khoa học đề xuất chính là gợi mở cho NCS khi triển khai nhiệm vụ nghiên cứu của mình về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu sâu

Theo NCS nhận thấy, các công trình khoa học trên đây đã đề cập đến nhiều khía cạnh, tiếp cận từ những góc độ khác nhau về VHCT và giáo dục VHCT. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu nhiều về phương pháp giáo dục LLCT, chưa có nhiều nghiên cứu về phương thức giáo dục VHCT và đổi mới

phương thức giáo dục VHCT, nhất là đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay. Đó là những khoảng trống khoa học mà NCS xác định tiếp tục nghiên cứu để bổ sung trong luận án của mình. Cụ thể là:

Một là, chưa có công trình khoa học nào trực tiếp bàn về giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học, mà chỉ có các nghiên cứu về giảng dạy, học tập lý luận chính trị của giảng viên, sinh viên. Các công trình khoa học đã đề cập đến cấu trúc, đặc điểm và các giá trị cơ bản của VHCT; nhưng chưa đi sâu phân tích nguyên tắc, mục tiêu, phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay. Có một số công trình nghiên cứu về xây dựng VHCT hay giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên tại một số trường đại học, nhưng vì đối tượng và phạm vi nghiên cứu không phải là giáo dục VHCT cho sinh viên nên các công trình khoa học trên cũng chưa phân tích sâu về giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay, trong khi giáo dục VHCT đang là vấn đề cấp thiết cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, gắn với Nghị quyết số 35-NQ/TW “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Giáo dục VHCT cho sinh viên chính là để nâng cao sức mạnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Hai là, cấu trúc của hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên và mối quan hệ giữa các yếu tố cấu trúc cũng chưa được bàn sâu, vấn đề chưa được nghiên cứu kỹ là chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục và đặc trưng tâm lý, tính cách, năng lực, phẩm chất của chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục, phương thức giáo dục. Đây là những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục VHCT, nhưng lại chưa được nghiên cứu kỹ trong các công trình khoa học trên. Quá trình giáo dục VHCT cho sinh viên là hoạt động mang tính tích cực, chủ động, tự giác của các chủ thể khác nhau và bản thân sinh viên trong việc xây dựng, bồi đắp những tình cảm, niềm tin và ý chí của sinh viên vào sự phát triển đất nước. Đó là sự thống nhất, biện chứng giữa chủ thể và khách thể,

giữa nội dung xây dựng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, giữa nhu cầu, mong muốn chiếm lĩnh những tri thức của nhân loại với khả năng hiện thực của bản thân. Vấn đề đặt ra cho các chủ thể giáo dục là phải lựa chọn các nội dung VHCT cho sinh viên cho phù hợp với các phương pháp, hình thức giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, mới đạt mục tiêu giáo dục.

Ba là, các công trình khoa học đề cập tương đối nhiều về phương pháp giảng dạy các môn LLCT; các môn khoa học xã hội và nhân văn tại các trường đại học, cao đẳng; nhưng chưa đề cập đến phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Các nhà khoa học nói nhiều đến phương pháp giáo dục LLCT, đến việc vận dụng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục LLCT cho sinh viên các trường đại học. Các nghiên cứu chủ yếu đề cập đến thực trạng giảng dạy các môn LLCT chưa hiệu quả, phương pháp giảng dạy chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chất lượng giảng dạy và học tập đạt kết quả chưa cao, nội dung bài giảng phần nhiều còn nặng về lý luận, thời gian trao đổi chưa nhiều, việc gắn giữa lý luận và thực tiễn chưa nhuần nhuyễn, thiếu sinh động; hình thức giảng dạy chủ yếu mang tính truyền thống; năng lực, trình độ chuyên môn của một số giảng viên vẫn còn những hạn chế nhất định; điều kiện vật chất, kỹ thuật ở một số cơ sở giáo dục, đào tạo còn thiếu thốn, lạc hậu... Các nghiên cứu chưa phân tích phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, đặc thù của phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Đây là vấn đề chưa được bàn kỹ trong các công trình khoa học, sẽ được NCS tiếp tục nghiên cứu.

Bốn là, đổi mới phương pháp giáo dục LLCT cho sinh viên các trường đại học đã được nghiên cứu, nhưng vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học nói chung, các trường đại học ở thành phố Hà Nội nói riêng chưa được đề cập, phân tích trong các công trình khoa học. Đây là vấn đề cấp thiết và có tính đột phá hiện nay. Thực tiễn sự nghiệp đổi mới đã được tiến hành hơn 35 năm, đạt được kết quả to lớn trên tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Tuy vậy, vẫn còn những tồn tại nhất định cần được khắc phục;

trong đó có việc đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII cũng đề cập đến vấn đề phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động.... Nhưng triển khai như thế nào, điều kiện thực thi các giải pháp đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay ra sao thì chưa được bàn luận cụ thể trong các công trình khoa học.

Năm là, các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, những vấn đề đặt ra trong thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay, nhất là các trường đại học ở thành phố Hà Nội là những vấn đề chưa cần được nghiên cứu sâu. Hiện nay, giáo dục đại học đang diễn ra trong bối cảnh chuyển đổi số, chịu tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh những tiện ích mang lại giúp hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên thuận tiện hơn nhờ các phương tiện thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục tại các trường đại học vẫn gặp khá nhiều trở ngại và thách thức: các trường đại học cần xây dựng và triển khai được chiến lược chuyển đổi số trong dài hạn; tăng cường chi phí đầu tư như chi phí phần mềm, chi phí cho nguồn lực công nghệ để số hóa dữ liệu dạy và học... Thách thức về thay đổi phương pháp, hình thức giảng dạy; thách thức về bảo mật dữ liệu và các vấn đề pháp lý liên quan cũng là những khó khăn, thách thức lớn trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học hiện nay. Đây cũng là những nội dung sẽ được NCS tiếp tục nghiên cứu trong luận án của mình.

Tiểu kết chương 1

Tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến đề tài *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay* cho thấy VHCT đã thu hút sự quan tâm của giới khoa học. Nghiên cứu của các nhà khoa học đã cung cấp nhiều góc nhìn về VHCT, giúp cho tác giả có thể nhìn nhận được tầm quan trọng của VHCT; vai trò quan trọng của giáo dục VHCT cho cán bộ, Đảng viên, cho toàn thể nhân dân, trong đó có sinh viên. Các công trình khoa học đã cung cấp cơ sở lý luận về cấu trúc VHCT và giáo dục VHCT, về các yếu tố tác động đến giáo dục VHCT, nhấn mạnh đến môi trường giáo dục VHCT. Những phân tích của các công trình khoa học là những gợi mở quý cho NCS trong quá trình triển khai nội dung luận án, đặc biệt trong chương 2 về cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.

Tuy nhiên vấn đề về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên chưa được bàn cụ thể, nhưng trong các công trình bàn về đổi mới phương pháp giáo dục LLCT nói chung, bàn về phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng nói riêng, một số vấn đề đã được gợi mở. Trước hết, cần nâng cao nhận thức về VHCT và giáo dục VHCT cho sinh viên, chú trọng vai trò của tư tưởng, lý luận, ý thức hệ trong xã hội. Cần tăng cường giáo dục nội dung chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên, vì đây là nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Đây là quan điểm nhất quán, cần thường xuyên củng cố sự thống nhất nhận thức trong Đảng và trong xã hội về vấn đề hệ trọng này khi đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

Từ những nội dung quan trọng về phương diện lý luận, các công trình khoa học có liên quan đến đề tài đã cung cấp cho NCS nhiều luận điểm khoa học. Nhưng còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như vấn đề nội dung và yêu cầu đổi mới, nguyên tắc và quy trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT

cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay, khi công nghệ thông tin và các phương tiện giáo dục hiện đại đã thâm nhập sâu vào phương thức giáo dục. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, khi tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cần thấm nhuần các quan điểm của Đảng về giáo dục VHCT theo các đặc trưng Dân tộc - Nhân văn - Dân chủ và Khoa học, xây dựng con người để phát triển VHCT và giáo dục VHCT để hoàn thiện nhân cách. Tập trung đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, giáo dục thái độ, chuẩn mực đạo đức văn hóa trong ứng xử, chuẩn mực pháp luật trong thi hành bổn phận, nghĩa vụ, chức năng của sinh viên trong học tập, trong sinh hoạt các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là những khoảng trống trong các công trình khoa học chưa bao phủ hết, và cũng chính là nhiệm vụ của NCS trong luận án này.

Chương 2

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

2.1.1. Văn hóa, chính trị và văn hóa chính trị

2.1.1.1. Văn hóa

Thuật ngữ *văn hóa* hiện nay đã trở nên quen thuộc trong giới nghiên cứu và trong cả đời sống, dù nội hàm của văn hóa rộng được xem xét từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Theo nghĩa hẹp, văn hóa là sản phẩm sáng tạo của con người, bao gồm các lĩnh vực cụ thể như văn hóa nghệ thuật, văn hóa giáo dục, văn hóa đạo đức... Theo nghĩa rộng, văn hóa được hiểu là “toàn bộ những hoạt động sáng tạo và những giá trị của nhân dân một nước, một dân tộc về mặt sản xuất vật chất và tinh thần trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước”[54, t.4, tr.798]. Nói cách khác, “Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”[96, tr.27]. Tổ chức UNESCO vào những năm 80 của thế kỷ trước cũng nhấn mạnh đến các hoạt động sáng tạo của cá nhân và cộng đồng trong lịch sử đã tạo ra hệ thống giá trị văn hóa, tạo thành bản sắc của mỗi dân tộc. Theo đó, văn hóa thể hiện trình độ phát triển và bản sắc dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt, cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích

ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”[53, t.3, tr.431]. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa phải gắn liền và chi phối mọi lĩnh vực của đời sống: “Văn hóa xa đời sống, xa lao động là văn hóa suông”[53, t.10, tr.59], vì thế cần “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc...xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc và đại chúng”[53, t.6, tr.173].

Đảng ta luôn quan tâm đến vấn đề văn hóa. Sự ra đời của *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 đã nói lên tầm vóc chính trị tư tưởng sâu sắc của một chính Đảng, đây là cương lĩnh về văn hóa. Lần đầu tiên Đảng ta đưa ra quan niệm về văn hóa khi khẳng định phạm vi vấn đề văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta xác định nền văn hóa Việt Nam phải “kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người”[34, tr.10]. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII khẳng định: “Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...”. Đảng chỉ rõ: “Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương...”[112, tr.55]. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI chủ trương: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”, khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”[15, tr.62]. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định văn hóa là nguồn nội lực, trong đó nguồn lực con người là quan trọng nhất. Đây là nhận thức tích cực, phù hợp với khách quan khi phát triển bền vững chỉ “sự phát triển để đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không phương hại đến khả

năng đáp ứng nhu cầu của cả thế hệ tương lai”[54, t.2, tr.424] đã trở thành mối quan tâm của toàn thế giới, là mục tiêu phấn đấu của Việt Nam.

Kế thừa các quan điểm trên, có thể hiểu: *Văn hoá là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần được sáng tạo, tích lũy trong lịch sử nhờ quá trình hoạt động thực tiễn của con người; được vận hành và trao truyền trong đời sống xã hội thông qua nguyên tắc kế thừa và giao lưu tiếp biến, trở thành thước đo trình độ phát triển và bản sắc dân tộc.*

2.1.1.2. Chính trị

Chính trị là mối quan tâm của các nhà khoa học, các chính trị gia. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử là nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc đã tiếp cận vấn đề chính trị thông qua vai trò của bậc chính nhân quân tử với tư cách là người cầm quyền về phương diện chính trị. C.Mác, F.Ăngghen xem xét chính trị trong quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong tất yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa và ra đời của CNXH, trong cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa Mác - Lênin xem xét vấn đề chính trị trong quy luật vận động của lịch sử như một quá trình lịch sử tự nhiên, trong đó các hình thái kinh tế xã hội bị thay thế bằng hình thái kinh tế xã hội khác cao hơn.

Theo Từ điển Tiếng Việt, chính trị là “1. Những vấn đề về tổ chức và điều khiển bộ máy nhà nước, hoặc những hoạt động của một giai cấp, một chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều khiển bộ máy nhà nước... 2. Những hiểu biết hoặc những hoạt động để nâng cao hiểu biết về mục đích, đường lối, nhiệm vụ đấu tranh của một giai cấp, một chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều khiển bộ máy nhà nước”[80, tr.223]. Từ điển Bách khoa định nghĩa chính trị là “toàn bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội, mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước. Bất kỳ vấn đề chính trị nào cũng đều có liên quan đến quyền lợi của các giai cấp và nhà nước. Chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, bao gồm hệ tư tưởng chính

trị, nhà nước và các đảng phái xuất hiện khi xã hội phân chia thành các giai cấp dựa trên cơ sở hạ tầng kinh tế. Chính trị “là sự biểu hiện tập trung nhất của kinh tế” (Lênin), đồng thời chính trị có vị trí độc lập và tác dụng to lớn đối với kinh tế”[54, t.2, tr.603]. Theo đó, chính trị định hướng cho sự phát triển của đất nước, xác định nội dung hoạt động của Nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh: “chính trị là: 1.Đoàn kết. 2.Thanh khiết từ to đến nhỏ”[53, t.5, tr.75]. Theo tác giả Đào Duy Anh, chính trị là “gọi chung những việc sắp đặt và thi hành để sửa trị một nước”[3, tr.174]. Đại từ điển tiếng Việt giải thích chính trị là “1. Những vấn đề về điều hành bộ máy nhà nước hoặc những hoạt động của giai cấp, chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều hành nhà nước; 2. Những hiểu biết về mục đích, đường lối và nhiệm vụ đấu tranh của các chính đảng cũng như đông đảo quần chúng”[117, tr.369]. Theo nghĩa đó, chính trị bao gồm đời sống chính trị và hệ tư tưởng chính trị.

Từ những phân tích trên, luận án có thể đưa ra cách hiểu *chính trị là những hoạt động của cá nhân, tổ chức liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia trong vấn đề giành, giữ chính quyền và thực thi quyền lực Nhà nước để bảo vệ quyền lợi của giai cấp, dân tộc và quốc gia.*

2.1.1.3. Văn hóa chính trị

Thuật ngữ VHCT lần đầu tiên sử dụng vào những năm 1950 của thế kỷ XX, bắt đầu từ nghiên cứu của hai nhà chính trị học người Mỹ là G.Almond và S.Verba. Hai nhà khoa học quan niệm hành vi chính trị là một phần của hành vi xã hội, khi phân tích hành vi chính trị phải xem xét các nhân tố văn hoá, tâm lý của cá nhân và xã hội, phân tích động cơ hành động chính trị, định hướng chính trị: “Mỗi một hệ thống chính trị đều bắt rễ từ trong một loại định hướng xác định riêng; tôi phát hiện thấy điều này rất hữu dụng và gọi nó là văn hoá chính trị”[119, p.15]. Trong một nghiên cứu khác, G.Almond và S.Verba cho rằng VHCT là “một loại thái độ đối với hệ thống

chính trị và thái độ đối với vai trò của mình trong hệ thống chính trị đó”[120, p.102]; “Văn hoá chính trị của một dân tộc là cách chia sẻ riêng của các thành viên của dân tộc ấy những dạng thức của sự định hướng quan tâm tới các khách thể chính trị”[119, p.14-15].

Nhà chính trị học người Anh L.Pye định nghĩa: “Văn hoá chính trị là hệ thống thái độ, niềm tin và tình cảm, nó đem lại ý nghĩa và trật tự cho quá trình chính trị; nó đưa ra tiền đề cơ bản và quy tắc, chế ước hành vi của hệ thống chính trị; nó bao gồm lý tưởng chính trị và quy phạm vận hành của một chính thể” [124. p 218]. VHCT “là một khái niệm tập hợp dùng để chỉ những giá trị chính trị quan trọng, tri thức, quan niệm và thái độ trong một xã hội; những dạng thức được bộc lộ thông qua hoạt động chính trị; những quy tắc công khai hay mặc nhiên được thừa nhận của quá trình chính trị và những cơ sở thường nhật của các hệ thống chính trị”[109, tr.22]. VHCT được hiểu “là khái niệm dùng để chỉ chiều cạnh chủ quan của những cơ sở xã hội của các hệ thống chính trị. Văn hóa chính trị liên quan tới các bộ phận khác nhau của ý thức chính trị, những phong thái, những lối nghĩ và ứng xử điển hình của những nhóm xã hội hoặc toàn xã hội. Văn hoá chính trị bao gồm tất cả những đặc tính chính trị cá nhân của từng cá thể, tiềm ẩn trong những thái độ và các giá trị, bắt rễ trong những động cơ bẩm sinh của hành vi chính trị và cả trong những hình thức bộc lộ có tính chất biểu tượng và những ứng xử chính trị cụ thể”[109, tr.23-24].

Phạm trù VHCT cũng được các nhà chính trị học Nga nghiên cứu. Theo I.X.Pirôvarốp: “văn hoá chính trị là quá trình xã hội hoá chính trị, suy cho cùng là quá trình phổ cập những giá trị và những quy tắc chính trị nhất định” và “quá trình xã hội hoá trong chừng mực nào đó đưa đến sự ra đời các thiết chế xã hội, các giá trị và những chuẩn mực hành vi phù hợp với tiến trình phát triển” [123, tr.64-65]. Chủ nghĩa Mác- Lênin quan niệm VHCT là một phương diện cơ bản thể hiện năng lực của con người xã hội trong quá trình

khám phá thực tiễn để nhận thức và cải tạo hiện thực. VHCT là một lĩnh vực bao trùm của đời sống xã hội, thâm nhập vào mọi phương diện đời sống, trở thành thước đo giá trị. VHCT cung cấp cho con người tri thức, hệ tư tưởng, quan điểm chính trị, tình cảm, niềm tin, nhu cầu về chính trị; tính khoa học và sáng tạo của hoạt động chính trị.

Có nhà nghiên cứu cho rằng VHCT là thuật ngữ được “dùng để nói lên một nội dung văn hóa, đề chỉ về tri thức chính trị (tư tưởng học thuyết chính trị) tích lũy được trong việc điều hành quản lý một xã hội, một cộng đồng hoặc một quốc gia nào đó. Về các quan hệ chính trị giữa các quốc gia các dân tộc, qua hoạt động ngoại giao. Về những kinh nghiệm hoạt động chính trị thực tiễn của các cá nhân và của các tổ chức xã hội nào đó”[29, tr.280]. Nội dung cốt lõi của VHCT là trình độ và hiệu quả của hoạt động chính trị, hướng tới sự phát triển và tiến bộ xã hội. Nhà nghiên cứu Lê Quý Đức quan niệm VHCT “là tổng hợp những giá trị vật chất, tinh thần được hình thành trong thực tiễn chính trị... Văn hóa chính trị góp phần định hướng mục tiêu hoạt động cho các tổ chức chính trị, đặc biệt là Đảng và Nhà nước, cho các phong trào chính trị trong một xã hội nhất định”[114, tr.382]. VHCT là một thành tố của văn hóa tổ chức xã hội, khi chia văn hóa thành các bộ phận: văn hóa sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm vật chất, văn hóa sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm tinh thần và văn hóa tổ chức xã hội. Văn hóa tổ chức xã hội lại được chia ra các tiểu hệ: văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, văn hóa đạo đức, văn hóa truyền thông...

Tác giả Phạm Ngọc Quang cho rằng VHCT “là một phương diện của văn hoá; nó nói lên tri thức, năng lực sáng tạo trong hoạt động chính trị dựa trên sự nhận thức sâu sắc các quan hệ chính trị hiện thực cùng những thiết chế chính trị tiên bộ được lập ra để thực hiện lợi ích chính trị cơ bản của giai cấp hay của nhân dân phù hợp với sự phát triển của lịch sử. Văn hoá chính trị nói lên phẩm chất và hình thức hoạt động chính trị của con người cùng những thiết chế chính trị mà họ lập ra để thực hiện những lợi ích giai cấp cơ bản của

chủ thể tương ứng”[84, tr.19]. Nghĩa là nhà khoa học coi VHCT là một bộ phận của văn hoá dân tộc, bộ phận này thể hiện trong các hoạt động chính trị, có chức năng như văn hóa, giáo dục thái độ và niềm tin chính trị cho cá nhân và cộng đồng, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo góc độ chính trị và theo chuẩn mực văn hoá dân tộc đã được cộng đồng chấp thuận.

Theo tác giả Nguyễn Hồng Phong, VHCT “là một bộ phận cấu thành của văn hoá, kết tinh trong đó cả tri thức, lý tưởng, đạo đức và năng lực hoạt động chính trị, có ảnh hưởng đến thái độ, hành vi chính trị của một cá nhân hay một cộng đồng xã hội nhất định...được hình thành từ kinh nghiệm lịch sử của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá chính trị hiện đại, dưới sự chi phối của hệ tư tưởng chính trị của giai cấp hay đảng cầm quyền”[81, tr.86]. Với tác giả Phan Xuân Sơn, VHCT “là một loại hình văn hoá, ở đó kết tinh toàn bộ giá trị, phẩm chất, năng lực, trình độ và phương thức hoạt động chính trị, được hình thành trên cơ sở một nền chính trị với thể chế, hệ thống và thiết chế đúng đắn, khoa học, thực hiện lợi ích giai cấp, dân tộc quốc gia, phù hợp với tiến bộ xã hội - con người”[91, tr.260]. VHCT “là tổng hợp những giá trị vật chất, tinh thần được hình thành trong thực tiễn chính trị. Nó là cái góp phần chi phối hoạt động của các cá nhân, của các nhà chính trị, góp phần định hướng hoạt động của họ trong việc tham gia vào đời sống chính trị để phục vụ lợi ích căn bản của một giai cấp nhất định. Văn hóa chính trị góp phần định hướng mục tiêu hoạt động cho các tổ chức chính trị, đặc biệt là Đảng và Nhà nước, cho các phong trào chính trị trong một xã hội nhất định”[114, tr.382]. Các định nghĩa trên đã cho thấy VHCT không chỉ là tri thức chính trị, thái độ chính trị mà còn là hành vi chính trị, hoạt động chính trị.

Từ những phân tích trên, trong luận án này, NCS có thể hiểu: *VHCT là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành trong thực tiễn chính trị, được cộng đồng chấp nhận, trở thành chuẩn mực, quy tắc ứng xử, chi phối hoạt động của các nhà chính trị và các tổ chức chính trị, định hướng*

hoạt động của họ trong việc tham gia vào đời sống chính trị để phục vụ lợi ích căn bản của một giai cấp nhất định.

Đặc trưng của VHCT là luôn phục vụ lợi ích giai cấp, nhưng cũng hàm chứa tính dân tộc và tính nhân loại, vì VHCT là một lĩnh vực của văn hóa, do con người sáng tạo qua hoạt động thực tiễn. Trong VHCT, tính dân tộc luôn gắn liền tính nhân loại, tính giai cấp. Mặt khác, VHCT thể hiện mối quan hệ quyền lực giữa giai cấp và chính Đảng, giữa giai cấp và nhà nước; giữa các nhà nước, các quốc gia dân tộc, các tổ chức chính trị với nhau, vì thế VHCT gắn liền với những chuẩn mực, nguyên tắc, cơ chế hoạt động chính trị, gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và các mối quan hệ xác định. VHCT mang tính lịch sử cụ thể, vì nó được ra đời trong thực tiễn đời sống chính trị, được quy định bởi những điều kiện khách quan và chủ quan.

VHCT luôn mang những giá trị cốt lõi và có vai trò huyết mạch trong mỗi hệ thống chính trị. Cấu trúc của VHCT là một hệ giá trị gồm nhiều nhân tố hợp thành, có tác động qua lại và quyết định lẫn nhau. Đó là tổng thể những giá trị được hình thành trong thực tiễn chính trị, thể hiện nhận thức về chính trị, lý tưởng chính trị của cá nhân và cộng đồng.

Về cấu trúc của VHCT, có nhiều quan niệm khác nhau. Có thể chia VHCT thành văn hóa cá nhân và văn hóa cộng đồng. Có thể chia ra theo vị thế của giai cấp thống trị, sẽ có VHCT của giai cấp tư sản, VHCT của giai cấp vô sản... Theo quan điểm của NCS, trong luận án này có thể xác định các yếu tố trong cấu trúc VHCT bao gồm:

- Tri thức chính trị, chỉ sự hiểu biết, giác ngộ khoa học về chính trị. Đây là sự thống nhất hữu cơ giữa tri thức khoa học về mặt lý luận và tri thức kinh nghiệm chính trị. Tri thức khoa học càng đạt tới tính khách quan bao nhiêu càng có vai trò to lớn mở đường cho những hành động đúng bấy nhiêu.

- Ý thức chính trị, là các quan điểm về con đường đi và bản chất của chế độ xã hội; về quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội; về vấn đề nhà nước,

hệ thống chính trị và các đảng phái trong một xã hội. Ý thức chính trị của một xã hội bao gồm ý thức chính trị thường ngày và ý thức chính trị lý luận.

- Niềm tin chính trị là yếu tố giúp cho con người vững vàng trong mọi tình huống, hình thành lý tưởng chính trị, làm cơ sở cho những hoạt động của cá nhân phù hợp với những chuẩn mực và lợi ích cộng đồng, nâng cao tinh thần và tính kiên quyết đấu tranh, bảo vệ hoặc phê phán những hiện tượng, sự kiện trong đời sống xã hội theo quan điểm, lập trường chính trị nhất định.

- Hệ tư tưởng chính trị là toàn bộ những học thuyết, tư tưởng, quan điểm, của một giai cấp về: giành và giữ quyền lực nhà nước; xác định chế độ chính trị; hình thức tổ chức nhà nước; và quan hệ với các giai cấp, tầng lớp khác. Đây là yếu tố cốt lõi trong VHCT.

- Năng lực hành động chính trị thể hiện trước hết trong hoạt động chính trị. Thiếu văn hóa chính trị trong hoạt động chính trị, sẽ khó đảm bảo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong cả hệ thống chính trị, khó phát huy sức mạnh của VHCT trong mỗi cá nhân, tổ chức.

2.1.2. Giáo dục và giáo dục văn hóa chính trị

2.1.2.1. Giáo dục

Giáo dục “là một hoạt động tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đặt ra”[80, tr.510]. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, giáo dục được định nghĩa là “quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho con người tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất, nó được thực hiện bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người”[54, t.2, tr.120]. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, tại Điều 3, chương 1 xác định: nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Hoạt động giáo dục được thực hiện theo

nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội [87].

Có thể hiểu: *Giáo dục là hoạt động có mục đích của các cá nhân, tổ chức sử dụng tri thức, phương pháp, kỹ năng tác động lên thể chất và tinh thần của đối tượng nhằm đạt mục đích là đối tượng có phẩm chất và năng lực như yêu cầu chủ thể đặt ra.*

Nội hàm khái niệm trên cho thấy hoạt động giáo dục được cấu thành từ nhiều thành tố có mối quan hệ biện chứng, quyết định lẫn nhau, tạo thành thể thống nhất. *Chủ thể giáo dục* đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục, là: “Bộ phận chính giữ vai trò chủ yếu” [80, tr.243] trong giáo dục. *Đối tượng giáo dục* là người tiếp nhận tác động của chủ thể giáo dục, nhưng người được giáo dục cũng là chủ thể tự giáo dục. “Đối tượng được hiểu là những người, những sự vật, hiện tượng mà con người tác động tới (trong suy nghĩ và hành động)” [48, tr.95]. *Mục đích giáo dục* được xây dựng từ mẫu nhân cách mà giáo dục cần đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong từng giai đoạn phát triển, nhưng “trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất” [53, t.10, tr.190]. Giáo dục là “nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [87].

Nội dung giáo dục là “mặt bên trong của sự vật hiện tượng được hình thức chứa đựng và biểu hiện” [80, tr.950], “là hệ thống kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, tình cảm, thái độ mà đối tượng giáo dục cần tiếp nhận, nắm vững để đạt mục đích của hoạt động giáo dục” [48, tr.154].

Phương thức giáo dục là sự kết hợp biện chứng giữa phương pháp và hình thức giáo dục. Từ điển tiếng Việt định nghĩa *phương pháp* là “1) cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội. 2) hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó” [80, tr.1020]. Theo Từ điển Tiếng Việt, phương pháp là “1.cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội; 2. hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó” [80, tr. 1020]. Theo đó, *phương pháp giáo dục* là hệ thống các cách sử dụng để tiến hành hoạt động giáo dục, ví dụ có phương pháp giáo dục truyền thống, phương pháp giáo dục hiện đại.

Hình thức là “1. toàn thể nói chung những gì làm thành bề ngoài của sự vật, chứa đựng hoặc biểu hiện của nội dung; 2. cách thể hiện, cách tiến hành một hoạt động nhằm một mục đích cụ thể; 3. hệ thống cơ cấu và các phương tiện ngôn ngữ để diễn đạt nội dung trong một tác phẩm văn học nghệ thuật” [80, tr. 571]. Theo cách hiểu thứ nhất, *hình thức giáo dục* là cách thức tổ chức quá trình giáo dục phù hợp với mục đích, nội dung, phù hợp với đặc điểm của đối tượng và phù hợp với môi trường giáo dục. Các hình thức giáo dục hiện nay được tổ chức đa dạng. Có hình thức cơ bản là *giáo dục trực tiếp*, dạy học cho cùng một đối tượng, cùng trình độ nhận thức và cùng độ tuổi tại một lớp học. Giáo dục gián tiếp là hình thức giáo dục thông qua hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thảo khoa học...để chuyển tải nội dung đến đối tượng. Có hình thức giáo dục chính khóa, ngoại khóa...

Kết quả theo cách định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt là “1) cái đạt được, thu được trong một công việc hoặc một quá trình tiến triển của sự vật. 2) cái do một hay nhiều hiện tượng khác gây ra, tạo ra, trong quan hệ với những hiện tượng ấy” [80, tr.627]. Kết quả giáo dục là tổng hợp của toàn bộ hoạt động giáo dục, thể hiện rõ nhất ở mức độ phát triển nhân cách sau mỗi hoạt động giáo dục. Các yếu tố: mục đích, chủ thể và đối tượng, nội dung và phương thức giáo dục đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giáo dục.

2.1.2.2. Giáo dục văn hóa chính trị

Giáo dục VHCT là dạng đặc thù của giáo dục. Đó là *quá trình sử dụng phương pháp, kỹ năng một cách có tổ chức tác động lên thể chất và tinh thần của đối tượng, giúp đối tượng nâng cao tri thức chính trị, nâng cao ý thức và niềm tin chính trị, hình thành hệ tư tưởng chính trị và năng lực hành động chính trị phù hợp với mục tiêu đặt ra.*

Giáo dục VHCT cũng có *các yếu tố cấu trúc* như giáo dục, nghĩa là có chủ thể và đối tượng giáo dục, nội dung và phương thức giáo dục, mục tiêu và kết quả giáo dục. Các yếu tố này cũng nằm trong một hệ thống chặt chẽ, chúng là một thể thống nhất, tác động và quyết định lẫn nhau, bổ sung cho nhau để tạo ra kết quả giáo dục như mục đích đặt ra. Tuy nhiên, tính đặc thù của giáo dục VHCT xuất phát từ đặc trưng của VHCT. Đây là tri thức mang tính lý luận, tính chính trị sâu sắc. Có thể nói VHCT là sự tổng hòa tất cả các hình thái văn hóa cơ bản của xã hội, bao chứa trong mình không chỉ là yếu tố chính trị mà còn cả đạo đức, khoa học, thẩm mỹ. Vì thế, giáo dục VHCT khác với hoạt động giáo dục chung, chủ thể và đối tượng giáo dục, nội dung và phương thức giáo dục, mục tiêu và kết quả giáo dục VHCT có tính đặc thù, bởi yếu tố chính trị chi phối sâu sắc.

Chủ thể giáo dục VHCT là cá nhân hoặc nhóm người có quyền và trách nhiệm chăm sóc và quản lý hệ thống giáo dục, đồng thời xây dựng và định hình nội dung giáo dục về VHCT. Tùy thuộc vào từng quốc gia hoặc hệ thống giáo dục, chủ thể này có thể là Chính phủ, là các cơ quan trong hệ thống chính trị, các thiết chế văn hóa, các cơ quan quản lý giáo dục, các tổ chức liên kết giáo dục. Nhiệm vụ của chủ thể giáo dục VHCT là đảm bảo hoạt động giáo dục được thực hiện theo các mục tiêu và nguyên tắc đã định sẵn, nhằm truyền đạt kiến thức và giáo dục con người về VHCT.

Đối tượng giáo dục là tất cả mọi công dân trong xã hội, tùy thuộc vào mục đích giáo dục khác nhau. *Mục đích của giáo dục* VHCT là giúp người học hiểu và trang bị kiến thức về VHCT, từ đó phát triển nhận thức xã hội, ý thức công dân và khả năng tham gia vào cuộc sống cộng đồng. Giáo dục

VHCT giúp người học nhận biết và hiểu về quyền và trách nhiệm của công dân trong xã hội, khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng và đóng góp vào việc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Giáo dục VHCT cũng giúp người học hiểu và đánh giá cao giá trị của văn hóa, khám phá và tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong xã hội; giúp họ trao truyền các giá trị văn hóa cho thế hệ sau.

Giáo dục VHCT khuyến khích người học phát triển tư duy phản biện, khả năng đánh giá một cách khách quan những thông tin và ý kiến về VHCT, cung cấp cho họ công cụ để nắm bắt và phân tích các vấn đề xã hội, từ đó tạo ra sự suy nghĩ sâu sắc và phê phán xây dựng. Giáo dục VHCT định hình và truyền tải giá trị đạo đức, khuyến khích người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong việc đối xử với người khác, thể hiện lòng tôn trọng và công bằng. Điều này giúp họ trở thành công dân có phẩm chất và đóng góp tích cực vào xã hội. Như vậy, mục đích của giáo dục VHCT là xây dựng nhân cách, phát triển kỹ năng và nhận thức xã hội của người học, nhằm tạo ra một xã hội công bằng và phát triển.

Nội dung giáo dục VHCT rất đa dạng. Trước hết, nội dung giáo dục VHCT thường truyền tải kiến thức về lịch sử và chính trị của quốc gia, khu vực hoặc thế giới. Điều này có thể bao gồm sự phát triển của các hệ thống chính trị, cuộc cách mạng quan trọng, những sự kiện lịch sử và vai trò của các nhân vật quan trọng. Nội dung giáo dục VHCT là kiến thức về các yếu tố quan trọng của hệ thống chính trị như chính phủ, quốc hội, tư pháp, quân đội và các tổ chức liên quan khác, giúp người học hiểu cách các cơ quan này hoạt động và tương tác trong việc quản lý xã hội. Một phần quan trọng của giáo dục VHCT là giáo dục công dân, người học được trang bị kiến thức về quyền và trách nhiệm của công dân, bao gồm hiểu biết về quyền lợi và tự do cá nhân, đạo đức công dân, quá trình bầu cử và tham gia vào các hoạt động dân chủ. Giáo dục VHCT cung cấp kiến thức về văn hóa và sự đa dạng xã hội,

khuyến khích người học tôn trọng và đánh giá cao sự đa dạng văn hóa, phê phán và phản biện với mọi hình thức phân biệt đối xử và kỳ thị. Nội dung giáo dục VHCT có thể thay đổi tùy thuộc vào quốc gia, hệ thống giáo dục và mục tiêu giáo dục cụ thể, được thiết kế để trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho đối tượng có tri thức chính trị, có ý thức và niềm tin chính trị, nắm chắc hệ tư tưởng chính trị, có năng lực hành động chính trị để tham gia và đóng góp vào xã hội theo một cách nhân bản và chính trực. Nội dung giáo dục VHCT ở Việt Nam là giáo dục lòng yêu nước, yêu CNXH; giáo dục vai trò và trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, phù hợp với đặc thù nền chính trị Việt Nam. Đó cũng là hoạt động giáo dục để cá nhân nhận thức rõ hơn đặc thù chính trị Việt Nam để chủ động tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ chính trị Việt Nam.

Phương thức giáo dục VHCT cũng chính là hệ thống phương pháp, hình thức được sử dụng trong hoạt động giáo dục, nhưng được vận dụng linh hoạt và sáng tạo cho phù hợp với đối tượng, mục đích và nội dung giáo dục VHCT. Bởi vì cả hai hoạt động đều thể hiện sự tương tác một cách có chủ đích, với hình thức, phương pháp và phương tiện thích hợp của người dạy lên người học, song chúng có những điểm khác căn bản. Nếu như giáo dục là để đào tạo con người toàn diện về đức trí thể mỹ, có trí tuệ và kỹ năng nhập thân văn hóa trong mọi điều kiện, thì giáo dục VHCT là để cung cấp tri thức chính trị, khẳng định niềm tin giai cấp vào mục tiêu, lý tưởng chính trị trong từng giai đoạn cách mạng. Do đó, nội dung của giáo dục VHCT thường có tính chuyên sâu, chuyên biệt hơn, tập trung vào các môn khoa học cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính trị học, Tư tưởng học, Văn hóa học... Yêu cầu của giáo dục VHCT chủ yếu trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp họ hình thành niềm tin, lý tưởng, đạo đức và nhân cách. Giáo dục VHCT là

một bộ phận của giáo dục nhưng là bộ phận cốt lõi, trang bị những kiến thức nền tảng cho người học tri thức và kỹ năng chuyên sâu về VHCT. Hình thức và phương pháp giáo dục VHCT đa dạng, phong phú vì tính chất phức tạp, trừu tượng của VHCT đòi hỏi trình độ tư duy cao của cả chủ thể lẫn đối tượng giáo dục, liên quan đến thực tiễn chính trị, phải tiếp cận đa chiều mới có thể giải quyết được. Cho nên trong giáo dục VHCT không chỉ có phương thức chủ yếu là tập trung dạy - học trên giảng đường, mà còn tự nghiên cứu tại nhà, thực hiện trao đổi, thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, tham gia sinh hoạt chính trị; nghe thông báo chính trị - thời sự...

VHCT Việt Nam gắn với lịch sử tư tưởng và những cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân. Những giá trị tiêu biểu của truyền thống VHCT Việt Nam làm nên đặc trưng của giáo dục VHCT, vì VHCT Việt Nam đề cao tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. VHCT Việt Nam luôn kế thừa và phát triển những chuẩn mực truyền thống mang giá trị nhân văn, nhưng cũng tiếp thu phê phán, chọn lọc những giá trị chân chính của nhân loại để bảo tồn và phát triển chính mình. Vì thế, giáo dục VHCT là trao truyền cho đối tượng những hiểu biết về thế giới quan khoa học theo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu biết về quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; về văn hóa truyền thống của dân tộc; về đặc trưng và các yếu tố cấu trúc của VHCT, về lịch sử chính trị Việt Nam và lịch sử chính trị của các quốc gia...

2.1.3. Sinh viên và phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

2.1.3.1. Sinh viên

Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về sinh viên. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa sinh viên là “người học ở bậc đại học” [80, tr.1107]. Theo NCS, quan niệm này không đầy đủ, vì những người học ở các trường cao đẳng vẫn được gọi là sinh viên. Luật Giáo dục Việt Nam số 43/2019/QH14, tại chương V, mục 1, điều 80 có xác định: Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: 1. Trẻ em của

cơ sở giáo dục mầm non; 2. Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, lớp đào tạo nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường dự bị đại học; 3. Sinh viên của trường cao đẳng, trường đại học; 4. Học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ; 5. Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ; 6. Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên [87].

Như vậy, có thể hiểu: *sinh viên là người đang theo học tại các cơ sở đào tạo và được đào tạo theo chương trình cao đẳng hoặc đại học*. Cách hiểu này giúp phân biệt sinh viên với học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ, học viên của Trung tâm giáo dục thường xuyên và nghiên cứu sinh. Điều kiện để trở thành sinh viên là học sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học, bổ túc trung học, hoặc trung học chuyên nghiệp, có đủ sức khỏe để học tập và lao động, đạt điểm tuyển chọn qua kỳ thi tuyển quốc gia; sau đó tham gia học tập tại các trường đại học, cao đẳng.

Trong luận án này, phạm vi nghiên cứu được xác định là sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, vì thế nội hàm khái niệm sinh viên được sử dụng trong luận án là sinh viên các trường đại học, không đề cập đến sinh viên ở các trường cao đẳng.

2.1.3.2. Phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

Phương thức giáo dục VHCT là bao gồm hình thức và phương pháp tiến hành hoạt động của chủ thể giáo dục nhằm thực hiện chuyển tải nội dung VHCT đến đối tượng như mục tiêu xác định. Phương pháp và hình thức giáo dục phải được kết hợp với nhau một cách biện chứng, khoa học thì mới thực sự tạo thành phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Không thể có phương thức giáo dục nếu phương pháp và hình thức giáo dục không phù hợp, không tương tác bổ sung cho nhau một cách hợp lý.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng phương thức giáo dục không chỉ bao hàm phương pháp và hình thức, mà còn có thêm phương tiện. Tuy nhiên phương

tiện “là công cụ thông qua đó chủ thể triển khai, sử dụng phương pháp truyền đạt, chuyển tải nội dung” [48, tr.259], là “cái dùng để làm một việc gì, để đạt một mục đích nào đó” [80, tr.1021], ở đây là mục đích giáo dục. Trong hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên, muốn sử dụng phương pháp tiên tiến, hiện đại thì phải có phương tiện dạy học hiện đại và đồng bộ. “Phương tiện dạy học (đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học) là một vật thể hoặc một tập hợp các vật thể mà giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học để nâng cao hiệu quả của quá trình này, giúp học sinh lĩnh hội khái niệm, định luật,... hình thành các tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, thái độ cần thiết” [54, t.3, tr.531]. Không có phương tiện hữu dụng và phù hợp, rất khó triển khai phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiệu quả.

Như vậy, *phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là hệ thống phương pháp và hình thức chủ thể giáo dục sử dụng để tác động lên đối tượng là sinh viên, dựa trên tính quy luật của các quá trình nhận thức, nhằm thực hiện mục đích giáo dục mà chủ thể đã đặt ra trong môi trường cụ thể.*

Nói đến phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay là nói đến hệ thống phương pháp, hình thức giáo dục truyền thống và hệ thống phương pháp, hình thức giáo dục với sự trợ giúp đặc lực của công nghệ, phương tiện giáo dục hiện đại. Cụ thể hơn, luận án phân tích phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên từ hai thành tố, đó là phương pháp và hình thức giáo dục.

Một là, phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay:

- *Phương pháp thuyết trình:* là cách thức chủ thể giáo dục sử dụng ngôn ngữ để phân tích nội dung, cung cấp tri thức cho đối tượng giáo dục một cách trực tiếp. Đây là phương pháp truyền thống, hiện nay vẫn được sử dụng phổ biến tại các trường đại học trong giáo dục VHCT cho sinh viên vì những ưu thế không thể phủ nhận của phương pháp này.

- *Phương pháp đàm thoại:* là khi giảng viên tổ chức các cuộc đối thoại giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên với nhau dựa trên hệ thống câu hỏi, dẫn dắt sinh viên đến các khái niệm khoa học, tìm hiểu những vấn đề

trong cuộc sống. Trong phương pháp đàm thoại, giảng viên đóng vai trò là người tổ chức, sinh viên phát hiện tri thức mới.

- *Phương pháp thảo luận nhóm*: là cách thức giáo dục dựa vào việc trao đổi, tương tác giữa các sinh viên trong nhóm về nội dung bài học hoặc về một vấn đề còn gây tranh luận, nhằm tìm được tiếng nói chung về vấn đề cụ thể nào đó giữa sinh viên với nhau và sinh viên với giảng viên.

- *Phương pháp phát vấn*: là người dạy đặt ra những câu hỏi để người học suy nghĩ và trả lời, câu hỏi thường được chuẩn bị và cân nhắc một cách kỹ lưỡng trong giáo án của giảng viên. Sau đó giảng viên nêu câu hỏi để sinh viên tìm kiếm câu trả lời.

- *Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan*: còn gọi là phương pháp trình bày trực quan, là phương pháp giáo dục có sử dụng những phương tiện giáo dục trực quan, phương tiện kỹ thuật như bản đồ, tranh ảnh, video... giúp người học dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn. Thông qua đó, sinh viên không chỉ lĩnh hội được tri thức mà còn học tập được những thao tác mẫu của giảng viên, hình thành kỹ năng cho mình.

- *Phương pháp nêu gương* là cách mà con người xã hội hóa cá nhân thông qua việc lấy một mẫu mực để người khác có hành động noi gương hay làm theo gương của mẫu mực đó. V.Lênin rất coi trọng phương pháp nêu gương. Đây cũng là phương pháp giáo dục được Hồ Chí Minh quan tâm. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, phương pháp nêu gương sẽ truyền cảm hứng tích cực, hình thành niềm tin chính trị cho sinh viên.

- *Phương pháp nêu vấn đề*: là cách đưa ra một hệ thống vấn đề có tình huống gắn liền với nhau, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên suy nghĩ, trao đổi để giải quyết vấn đề. Trong khi giải quyết vấn đề, sinh viên hiểu biết được nội dung và xây dựng thành hệ thống bài học.

Theo NCS, nêu vấn đề là phương pháp trung tâm cần được sử dụng chủ yếu trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên trong tương lai.

Đây là phương pháp trung tâm, quan trọng nhất, chủ yếu nhất để tạo ra hiệu quả giáo dục tốt nhất cho sinh viên các trường đại học vì ưu thế của phương pháp này là đánh thức năng lực tư duy của sinh viên, để sinh viên chủ động trong suy nghĩ độc lập, khám phá tri thức về VHCT.

Hai là, hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay:

Hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên là cách thức tác động qua lại giữa chủ thể giáo dục và đối tượng, để tiến hành hoạt động giáo dục đạt kết quả. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, có những hình thức như sau:

- *Giáo dục chính khóa*: giáo dục được tổ chức trên lớp theo chương trình đào tạo đã được thiết kế, lập kế hoạch. Trong trường đại học, hoạt động chính khóa có ý nghĩa quan trọng, hình thành thế giới quan, phương pháp luận cho người học. Giáo dục chính khóa là một trong những điều kiện tiên quyết đưa kiến thức VHCT thấm thấu vào nhận thức của người học, từ đó chuyển hóa thành hành động thực tế trong học tập, rèn luyện. Trong giáo dục chính khóa, các yếu tố như điều kiện cơ sở vật chất, giáo trình, người học, người thầy đều có vai trò quan trọng.

- *Giáo dục ngoại khóa*: giáo dục ngoại khóa là hoạt động giáo dục bổ sung, thường tổ chức bên ngoài trường học. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn kỹ năng sống cho sinh viên như: tổ chức các buổi nói chuyện về các chính trị gia, về tấm gương đạo đức; rèn luyện kỹ năng thuyết phục; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, quyết định...để giúp sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống. Các hoạt động trải nghiệm như câu lạc bộ hoặc trải nghiệm thực tế được tổ chức theo năng khiếu và lựa chọn của sinh viên để sinh viên tìm hiểu, khám phá thực tiễn đời sống chính trị. Trong hoạt động giáo dục hiện nay, xu hướng của các trường đại học là ngày càng tăng cường các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Nghiên cứu khoa học cũng là hoạt động ngoại khóa cần được tổ chức để sinh viên thử sức trong các hoạt động tìm kiếm, khám phá tri thức khoa học.

Dựa trên tình hình thực tiễn, tổ chức đánh giá, biểu dương nỗ lực của sinh viên, lựa chọn các đề tài/dự án nghiên cứu gửi tham gia cuộc thi cấp trên.

- *Hình thức tự giáo dục*: là cách sinh viên thể hiện ý thức tự giác để tích lũy tri thức thông qua sách vở, thông qua các phương tiện truyền thông và các nền tảng mạng xã hội mà không cần sự giám sát, kiểm tra của các chủ thể giáo dục, quản lý.

2.1.4. Đổi mới và đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

2.1.4.1. Khái niệm đổi mới

Đổi mới là “thay đổi hoặc làm cho thay đổi tốt hơn, tiến bộ hơn so với trước, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển” [80, tr.443]. Khái niệm này đã chỉ rõ bản chất, mục tiêu của đổi mới. Đây là khái niệm được NCS sử dụng trong luận án, khi nghiên cứu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Đổi mới là tất yếu khách quan của sự vận động và phát triển, là sự vận hành của quy luật phủ định của phủ định, là nhận thức và hành động theo quy luật khách quan, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Đại hội XI của Đảng xác định “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới...” [36, tr.14]. Đại hội XII nhấn mạnh “đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới” [38, tr.11]. Chủ đề của Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới...” [39, t.1, tr.14]. Nhờ đổi mới, “đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, là nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ... tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất

nước” [39, t.1, tr.103-104].

Trong nội dung đổi mới, có lĩnh vực giáo dục. Giáo dục không thể không đổi mới bởi mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người mới, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. Mà bản thân cuộc sống thì luôn vận động và phát triển, nên nếu giáo dục không đổi mới nội dung, phương thức thì không thực hiện được mục tiêu đề ra. Vì thế, có thể khẳng định đổi mới là tất yếu, khách quan, đổi mới giáo dục lại càng là vấn đề cần thiết xuất phát từ chính yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống.

2.1.4.2. *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên*

Từ cách hiểu về đổi mới, về phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, có thể hiểu: *đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là kế thừa có chọn lọc giá trị của phương pháp và hình thức giáo dục truyền thống, sáng tạo ra phương pháp và hình thức mới, sử dụng hợp lý các phương tiện giáo dục để nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT trong điều kiện biến đổi của môi trường.*

Nội dung đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Nguyên tắc đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là thay đổi theo chiều hướng tích cực, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc yếu tố giá trị trong phương thức cũ và sáng tạo theo quy luật biện chứng, tích lũy lượng để thay đổi chất.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vừa mang tính khách quan nhưng đồng thời cũng mang tính chủ quan, mỗi giảng viên với kinh nghiệm riêng của mình cần xác định những phương hướng riêng để đổi mới dựa trên tri thức và kinh nghiệm của cá nhân, xuất phát từ tính phong phú của các phương pháp và hình thức giáo dục, từ sự biến đổi mạnh mẽ của môi trường xã hội, từ đòi hỏi ngày càng cao của chính sinh viên thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, từ yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới.

Chính đòi hỏi của sinh viên là động lực quá trình đổi mới. Bởi vì trong điều kiện hiện nay, khi cuộc sống vật chất, tinh thần được nâng lên thì các phương pháp, hình thức giáo dục truyền thống cần đổi mới bởi chính sinh viên luôn khát khao đổi mới, đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức giáo dục.

2.2. Chủ thể, nguyên tắc, yêu cầu của đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

2.2.1. Chủ thể đổi mới

Muốn xác định chủ thể đổi mới phương thức giáo dục VHCT, phải xác định chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên. Theo chức năng giáo dục, chủ thể đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên bao gồm:

- *Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý:*

Một là, Nhà nước mà đại diện là Bộ Giáo dục và Đào tạo, trực tiếp là *Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên*. Theo Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 09/01/2020, đây là chủ thể có trách nhiệm thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước về giáo dục chính trị và công tác sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Nhiệm vụ của chủ thể đặc biệt này là chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục chính trị - tư tưởng cho sinh viên; hướng dẫn thực hiện các hoạt động cụ thể để sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên cũng có trách nhiệm trong việc phối hợp với các chủ thể giáo dục thực hiện xây dựng nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng cho sinh viên thông qua nội dung các môn lý luận chính trị như Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... Đồng thời, trách nhiệm của Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên còn là theo dõi tình hình tư tưởng của sinh viên, xử lý các vấn đề về chính trị, tư tưởng liên quan đến sinh viên; chỉ đạo công tác phát triển Đảng trong sinh viên; chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các trường đại

học, cao đẳng trong công tác giáo dục chính trị- tư tưởng cho sinh viên, giáo dục văn hóa ứng xử trên mạng xã hội cho sinh viên, xây dựng văn hóa học đường, chỉ đạo công tác Đoàn, Hội trong trường đại học, cao đẳng.

Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng - cơ quan có chức năng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng đối với các trường đại học, cao đẳng trong Khối thực hiện sáng tạo các nhiệm vụ chuyên môn nhiệm vụ chính trị dạy và học, nghiên cứu khoa học, các nhiệm vụ chính trị khác theo đúng định hướng CNXH của sự phát triển. Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng; tổ chức thực hiện và chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng trong Khối thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị- tư tưởng trong nhà trường để cán bộ, giảng viên và sinh viên chấp hành nghiêm chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy, đây là chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

Hai là, các trường đại học, trực tiếp là *Đảng ủy, Ban Giám hiệu* là chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý bằng quy chế, nội quy. Đảng ủy, Ban Giám hiệu của các trường đại học có trách nhiệm trực tiếp cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước thành các Nghị quyết, chủ trương, kế hoạch, đề án, chương trình hành động để giáo dục VHCT cho sinh viên. Sự nhận thức đầy đủ, sâu sắc của các cấp ủy, Ban Giám hiệu có vai trò quyết định hàng đầu trong việc đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

- *Chủ thể có chức năng tham mưu* trong giáo dục VHCT cho sinh viên là Ban Tuyên giáo. Đây là chủ thể có vai trò lớn trong giáo dục VHCT cho sinh viên, hoạt động của chủ thể này trong tham mưu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề quan trọng. Ban Tuyên giáo có nhiệm vụ và quyền hạn liên quan trực tiếp đến định hướng giáo dục VHCT cho sinh viên: nghiên cứu, tham mưu về chủ trương, quan điểm, chính sách, nhiệm vụ

của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo; chủ trì, phối hợp kiểm tra về chính trị, tư tưởng trong giảng dạy LLCT trong các trường chính trị, hệ thống giáo dục quốc dân. Tổ chức biên soạn, phát hành tài liệu phục vụ học tập nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, kiến thức về LLCT. Ban Tuyên giáo là chủ thể tham mưu quan trọng hiện nay, khi “nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng XHCN, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn” [39, t.2, tr.321].

- *Chủ thể trực tiếp* giáo dục VHCT cho sinh viên bao gồm đội ngũ cán bộ, giảng viên, cố vấn học tập. Đây là những chủ thể trực tiếp giảng dạy và thực hành các hoạt động chính trị cùng sinh viên, kết hợp việc học tập chính khóa với việc các chương trình ngoại khóa. Đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên giảng dạy LLCT có vai trò lớn trong hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên. Giảng viên phải truyền bá cho sinh viên thấu hiểu những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; trang bị kỹ năng sống cho sinh viên, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục con người toàn diện.

Cố vấn học tập là người nắm vững mục tiêu, chương trình giáo dục, quy trình đào tạo và quản lý sinh viên, nắm bắt tình hình, phát hiện những bất cập trong tư tưởng của sinh viên, kịp thời đề xuất với Khoa, Nhà trường biện pháp tháo gỡ những bất cập đó; giúp đỡ, khắc phục những biểu hiện bất thường đối với sinh viên, vì thế các chủ thể này cũng phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Phòng Công tác Chính trị và hỗ trợ sinh viên, cấp ủy và chính quyền, đoàn thể địa phương nơi đứng chân của các trường đại học... cũng là các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên. Vì mục tiêu của đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là để nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học

trong bối cảnh hiện nay, để VHCT thấm nhuần trong tình cảm, nhận thức và hành động của sinh viên.

Các chủ thể lãnh đạo, quản lý và thực thi giáo dục VHCT cho sinh viên phải có cơ chế phối hợp một cách hiệu quả, đó là cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nên tại các trường đại học, Đảng ủy và Ban Giám đốc phải phối hợp chặt chẽ. Ban Tuyên giáo không chỉ là cơ quan tham mưu mà còn là cơ quan kiểm tra, giám sát và chỉ đạo của Đảng trong giáo dục VHCT cho sinh viên, có vai trò quan trọng trong giám sát và chỉ đạo vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Sinh viên vừa là đối tượng thụ hưởng từ kết quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT, vừa là chủ thể tham gia vào quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT đòi hỏi các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên phải có tri thức, kinh nghiệm, lòng dũng cảm và niềm say mê, tâm huyết với công việc, biết “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”[88]. Đây là cơ sở khoa học để các chủ thể giáo dục VHCT kế thừa và cải tiến các phương pháp, hình thức truyền thống để thích ứng với điều kiện mới, phương tiện mới và yêu cầu mới, tạo tiền đề lý luận và thực tiễn đổi mới phương thức giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay.

2.2.2. Nguyên tắc đổi mới

Căn cứ để xác định nguyên tắc đổi mới là quan điểm, đường lối của Đảng ta và các văn bản pháp luật quy định liên quan đến giáo dục nói chung, giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

Một là, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, gắn liền với thực tiễn đổi mới căn bản, toàn

diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo gắn liền với đổi mới nội dung giáo dục VHCT, đổi mới chương trình giáo dục. Nếu không đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống thì không thể đổi mới hiệu quả phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vì phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là để giúp chủ thể giáo dục truyền bá nội dung VHCT cho sinh viên. Mà các yếu tố trong cấu trúc giáo dục VHCT cho sinh viên lại không tồn tại độc lập mà luôn tương tác, bổ sung và quyết định lẫn nhau trong một hệ thống chặt chẽ.

Hai là, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo mục tiêu của quá trình giáo dục, đảm bảo chuẩn đầu ra của sinh viên, góp phần hình thành nhân cách cho sinh viên. Căn cứ vào yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đưa nội dung đổi mới phương thức giáo dục cho sinh viên vào quy định của hệ thống giáo dục đại học, từ đó các trường đại học có căn cứ xây dựng quy trình, nội dung đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Ba là, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo nguyên tắc lấy người học làm trung tâm. Đổi mới phải đảm bảo nguyên tắc sinh viên tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức VHCT với sự tổ chức, hướng dẫn của giảng viên. Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện giáo dục, tích cực sử dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Bốn là, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, kế thừa có chọn lọc và sáng tạo, gắn liền với chuyển đổi số. Phải đảm bảo xây dựng và phát triển đi đôi với xoá bỏ, ngăn chặn các tiêu cực ảnh hưởng đến giáo dục VHCT cho sinh viên; đảm bảo cân bằng giữa truyền thống và hiện đại, giữa xây và chống, phát triển và ngăn chặn, tăng cường kháng thể của các sinh viên trước tác động xấu của môi trường giáo dục, đặc biệt là tác động xấu của các nền tảng xã hội đối với nhận thức và hành vi trong VHCT của sinh viên.

2.2.3. Yêu cầu của đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị

Muốn thực hiện được nội dung đổi mới và đánh giá được thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, chúng ta cần xác định các yêu cầu của đổi mới. Đó là:

2.2.3.1. Kế thừa có sáng tạo phương thức giáo dục truyền thống

Các phương pháp, hình thức giáo dục truyền thống luôn có vai trò quan trọng trong giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy nhiên môi trường giáo dục luôn vận động và phát triển, vì thế phương pháp, hình thức giáo dục truyền thống cần được kế thừa có sáng tạo, cần được cải tiến cho phù hợp với thực tiễn.

Trong giáo dục truyền thống, phương pháp được sử dụng nhiều nhất, phổ biến nhất là *phương pháp thuyết trình*. Ngày nay, phương pháp thuyết trình vẫn có giá trị trong giáo dục VHCT cho sinh viên vì những lợi thế của nó: các thông tin đã được giảng viên chọn lọc và sắp xếp logic, sinh viên dễ hiểu và dễ tiếp nhận, truyền cảm xúc và niềm tin đến người nghe... Hiệu quả của phương pháp thuyết trình phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm, nghệ thuật diễn giải và thuyết phục của giảng viên. Để đổi mới phương pháp truyền thống này, chủ thể giáo dục cần nắm vững những yêu cầu và sử dụng thành thạo các kỹ thuật của chúng trong việc chuẩn bị và khi tiến hành trên lớp. Giảng viên không chỉ độc thoại mà còn lồng ghép một số câu hỏi hoặc trả lời câu hỏi của sinh viên. Khi đó giảng viên nên đưa ví dụ minh họa, thay đổi âm lượng, ngữ điệu, tốc độ nói để thu hút sinh viên.

Đổi mới hình thức giáo dục truyền thống theo cách bảo đảm kiến thức cơ bản, vừa cập nhật thực tiễn, cần kế thừa cái cũ, cập nhật cái mới, để sinh viên thấy những vấn đề lý luận trong sách chính là những vấn đề đang diễn ra trong thực tiễn. Hình thức giáo dục trực tiếp thông qua lớp học, hội thảo, học nghị quyết.. cần được đổi mới. Các nội dung của VHCT được giảng dạy phải xuất phát từ thực tiễn đời sống và phải trở lại giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống, do đó phương pháp giáo dục VHCT cũng phải không ngừng được đổi

mới theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; gợi mở, thảo luận, trao đổi thẳng thắn, đối thoại có trách nhiệm giữa giảng viên và học viên, kết hợp với ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các phương tiện hiện đại được xem là hình thức tối ưu trong giáo dục chính khóa hiện nay.

2.2.3.2. *Kết hợp đa dạng các phương pháp, hình thức giáo dục*

Có thể kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại, sử dụng *đàm thoại tái hiện*: giảng viên đặt ra những câu hỏi yêu cầu sinh viên nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận. *Đàm thoại phát hiện*: là việc giảng viên tổ chức cuộc trao đổi ý kiến, kể cả tranh luận giữa giảng viên và cả lớp, có khi giữa giảng viên với sinh viên, thông qua đó sinh viên ôn lại tri thức cũ, hình thành các tri thức mới.

Có thể kết hợp cùng một lúc nhiều phương pháp khác nhau trong hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên: *phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp trực quan, phương pháp nêu gương, phương pháp phát vấn...* Mỗi phương pháp đều có ưu thế và hạn chế của mình, cần có sự phân tích để chọn lựa sự kết hợp nào phù hợp nhất với nội dung, đặc điểm đối tượng, với các nguồn lực hiện có. Đàm thoại là phương pháp hiệu quả để điều khiển tư duy của sinh viên, kích thích tính tích cực hoạt động, bồi dưỡng cho sinh viên năng lực diễn đạt, thuyết trình trước đám đông, giúp giảng viên thu hút được tín hiệu từ sinh viên để kịp thời điều chỉnh hoạt động, có thể áp dụng với lớp đông và các buổi thảo luận trên lớp. Nhưng nếu chủ thể giáo dục không đủ khả năng bao quát tri thức và không gian, thời gian, phương pháp này dễ gây ra tranh luận, không tập trung vào vấn đề chính.

Trong một bài giảng VHCT, cần phối hợp sử dụng nhiều phương pháp giáo dục khác nhau như đàm thoại gợi mở, thảo luận... Phát vấn trở thành phương pháp tối ưu để phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên, kỹ năng đặt câu hỏi rồi gợi mở, dẫn dắt để người học tự khám phá tri thức trở

thành yêu cầu hàng đầu trong giáo dục VHCT, là tiêu chí đánh giá đổi mới phương pháp giáo dục VHCT theo hướng tích cực.

Có thể kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều *hình thức giáo dục* như giáo dục chính khóa, giáo dục ngoại khóa và tự giáo dục. Đó là một trong những nội dung đổi mới hình thức tổ chức giáo dục VHCT cho sinh viên. Tăng cường tổ chức các hoạt động thí nghiệm - thực hành để sinh viên chủ động, tích cực khám phá, tích lũy tri thức. Thực hiện tốt việc mở rộng mô hình trường học gắn với văn hóa, sản xuất, kinh doanh tại địa phương ở những nơi có điều kiện, gắn lý thuyết với thực tiễn, kết hợp tổ chức các hoạt động góp phần phát triển năng lực như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; các hội thi năng khiếu, các hoạt động giao lưu... Các hoạt động này phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của sinh viên và nội dung giáo dục VHCT, phát huy sự chủ động và sáng tạo của sinh viên, tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập, bổ sung tri thức VHCT cho sinh viên.

2.2.3.3. Sáng tạo phương pháp, hình thức giáo dục mới, phù hợp với môi trường giáo dục, lấy hiệu quả nhận thức, tính tích cực hành động cách mạng làm thước đo

Trong hoạt động giáo dục hiện nay, nhiều phương pháp mới đã được sáng tạo, đó là các phương pháp hiện đại. Phương pháp *giải quyết vấn đề* là sáng tạo mới, vì nó bao gồm cả phương pháp nêu vấn đề, phương pháp nhận biết và giải quyết vấn đề. Các tình huống có vấn đề là những tình huống khoa học chuyên môn, cũng có thể là những tình huống gắn với thực tiễn. Giáo dục theo *tình huống* là một phương pháp mới, trong đó nội dung VHCT được các chủ thể giáo dục truyền đạt cho sinh viên bằng cách tổ chức buổi học theo một chủ đề phức hợp, gắn với các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn. Giáo dục *định hướng hành động* cũng là phương pháp mới, là quan điểm giáo dục làm cho hoạt động trí óc và hoạt động chân tay kết hợp chặt chẽ với nhau. Phương pháp này là một quan điểm giáo dục tích cực hóa và tiếp cận toàn thể,

thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp lý thuyết với thực tiễn, tư duy và hành động, kết hợp nhà trường và xã hội.

Có thể sáng tạo hình thức mới để thích ứng với điều kiện mới của môi trường giáo dục, ví dụ hình thức giáo dục online đang được tổ chức hiện nay. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động, trong đó có hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên. Mặc dù hình thức online nhưng nhà trường vẫn kiểm soát được số lượng sinh viên truy cập và giám sát được từng hoạt động giáo dục. Sinh viên có thể truy cập vào các lớp học trực tuyến tại bất kỳ nơi đâu, ở nhà, nơi làm việc hay các địa điểm có kết nối mạng internet vào đúng thời gian quy định của lớp học theo lịch của nhà trường. Như vậy, hình thức mới vẫn đảm bảo nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên, vì giáo dục online phù hợp với hoàn cảnh, với môi trường giáo dục cụ thể.

Chủ thể giáo dục có thể vận dụng nhiều lý thuyết và quan điểm giáo dục hiện đại như lý thuyết kiến tạo, giáo dục hợp tác, giáo dục tích hợp, giáo dục khám phá, sáng tạo, giáo dục theo tình huống... để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy nhiên cần chú trọng tính kế thừa, tính hệ thống, chú trọng phương pháp, hình thức đặc thù. Có phương thức sử dụng cho nhiều nội dung khác nhau, có phương thức được xây dựng trên cơ sở nội dung và đối tượng chuyên biệt. Khi đổi mới phương thức giáo dục VHCT, các chủ thể giáo dục cần nghiên cứu kỹ, mỗi chủ thể với kinh nghiệm riêng của mình cần xác định đúng để đổi mới đạt hiệu quả. Cần lấy hiệu quả nhận thức, tính tích cực hành động cách mạng làm thước đo của đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Đây là tiêu chí quan trọng, vì xét đến cùng, việc đổi mới phương thức phải được đo bằng hiệu quả giáo dục cho sinh viên.

2.2.3.4. Ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên

Ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực giáo dục nói chung, trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học nói

riêng là việc khai thác ưu thế của công nghệ để áp dụng vào đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, sử dụng kết hợp những thành tựu của khoa học công nghệ, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại trong hoạt động giảng dạy để cải tiến phương pháp, hình thức và công cụ giảng dạy và học tập. Có thể duy trì hoạt động dạy và học trên phạm vi cả nước ngay trong đại dịch Covid-19 bằng hình thức trực tuyến là minh chứng rõ nét, là bước đột phá trong việc triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong giáo dục.

Vai trò của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực giáo dục nói chung và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học nói riêng là rất lớn. Trước hết, khoa học công nghệ giúp con người tiếp cận thông tin đa chiều, rút ngắn khoảng cách, thu hẹp mọi không gian, tiết kiệm tối ưu về thời gian, giúp người học, người dạy kết nối với kiến thức hiệu quả. Vì thế khoa học công nghệ thúc đẩy nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Khoa học công nghệ giúp truy cập tức thời tới các nguồn tri thức, mang lại sự tiện lợi bởi không gian và thời gian học tập nghiên cứu linh động, giúp sinh viên tự học được ở mọi nơi, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân. Ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên giúp giảng viên sáng tạo và linh hoạt hơn trong quá trình giảng dạy; sinh viên được tiếp cận phương pháp tích cực, hấp dẫn hơn phương pháp truyền thống. Sự tương tác giữa chủ thể giáo dục và đối tượng cũng tăng lên, sinh viên có nhiều cơ hội thể hiện năng lực và quan điểm của mình, được rèn luyện kỹ năng cần thiết ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường đại học.

2.3. Sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

2.3.1. Tác động đa chiều của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế khách quan đang tác động tích cực đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Thế giới

trong thế kỷ XXI đang mở ra những cơ hội to lớn cho sinh viên, công nghệ thông tin giúp sinh viên chiếm lĩnh tri thức, thông minh hơn trong thẩm định nội dung VHCT, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vì thế cũng có nhiều lợi thế. Công nghệ thông tin đã trở thành phương tiện quan trọng giúp người học chọn lọc, thu thập và xử lý thông tin chính trị nhanh nhất, biến thành tri thức VHCT hữu ích. Nhưng toàn cầu hóa cũng đang đặt ra những thách thức trong công tác giáo dục VHCT cho sinh viên. Mặt trái của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cũng sẽ làm gia tăng khả năng thu nhận lối sống thực dụng, lệch chuẩn, trái với thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, tác động lớn đến giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Sự bùng nổ thông tin một mặt tạo ra nguồn thông tin phong phú, mặt khác tạo ra nhiễu loạn thông tin, ảnh hưởng tới nhận thức, lối sống của một bộ phận sinh viên, tạo nên tâm trạng hoang mang, nghi hoặc làm ảnh hưởng đến việc giáo dục VHCT.

Sự phát triển của công nghệ thông tin cũng tác động đa chiều đến VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Sinh viên có thể phát huy được rất nhiều lợi thế của công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục VHCT. Tuy nhiên trên các mạng thông tin toàn cầu liên tục tuyên truyền các hình ảnh, tin tức, ấn phẩm độc hại, không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc làm tăng tình trạng phạm tội ở một số thanh niên, tác động tiêu cực đến giáo dục VHCT cho sinh viên. Các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách tấn công trong lĩnh vực đạo đức, lối sống, đặc biệt là đối với sinh viên, xuyên tạc thành quả cách mạng, xuyên tạc con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Nhiều luận điệu sai trái đã được họ đưa ra khiến sinh viên hoang mang không xác định được lý tưởng chính trị, ảnh hưởng đến niềm tin chính trị. Hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên gặp nhiều khó khăn, cản trở định hướng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

2.3.2. Sự chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Việt Nam trở thành điểm sáng trong bản đồ VHCT thế giới vì sự ổn định chính trị, sự an toàn về trật tự xã hội, sự phát triển của văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc. Tuy nhiên, hiện nay các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá Đảng ta, chống phá chế độ xã hội và sự nghiệp cách mạng của Việt Nam. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng tức là bảo vệ VHCT của Việt Nam.

Tư tưởng “là sản phẩm của tư duy con người phản ánh hiện thực khách quan, biểu hiện mối quan hệ giữa con người với con người và giữa con người với thế giới xung quanh” [48, tr.8]. Theo đó, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiến pháp năm 2013 gồm 11 chương, 120 điều. Chương 1 của Hiến pháp đề cập đến *Chế độ chính trị*, trong đó có điều 4 quy định cụ thể: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng. Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta” [38, tr.7-8]. Đảng ta khẳng định: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn” [39, t.1, tr.180] nhằm “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên...”[39, t.2, tr.324].

Những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin là các nguyên lý, các học thuyết lý luận được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo và phát triển phù hợp với đặc trưng xã hội Việt Nam. Nhưng các thế lực phản động, thù địch vẫn không muốn chúng ta xây dựng thành công “một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người... một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn... chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có” [101, tr. 21] như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Không thể nói rằng sự chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch không tác động đến tình cảm, nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên, khiến họ ít quan tâm đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Chính vì thế, các trường đại học cần tăng cường trang bị tri thức và kỹ năng cho sinh viên, giúp sinh viên trở thành chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng, trở thành hạt nhân tích cực, nâng cao sức đề kháng, chủ động phối hợp đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đó là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2.3.3. Tác động của mạng xã hội

Tác động đa chiều của mạng xã hội đã được minh chứng bằng sự hiện diện của nó thời gian qua. Trước hết, phải khẳng định mạng xã hội có tác động tích cực đối với sự phát triển của văn hóa xã hội, trở thành phương thức truyền thông hiệu quả đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân, cung cấp tri thức và củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước. Mạng xã hội là diễn đàn để giáo dục thanh thiếu niên Việt Nam đạo đức, lối sống văn hóa, nêu được sử dụng đúng mục đích. Có nhiều tấm gương sáng, nhiều câu

chuyện đẹp được Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đưa lên mạng xã hội để thanh, thiếu niên theo dõi, qua đó giáo dục các giá trị cao đẹp để họ sống có ích, sống trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, làm thay đổi hành vi theo hướng tích cực trong cuộc sống. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và các phương tiện truyền thông đã khiến tin tức lan truyền rất nhanh, cùng một lúc tác động đến rất nhiều người. Tuyên truyền nhiều tấm gương sáng, nhiều câu chuyện đẹp trên mạng xã hội là hoạt động truyền thông mang các giá trị nhân văn sâu sắc, tạo ra xu hướng tích cực trên mạng xã hội về những giá trị tốt đẹp của cuộc sống, lấn át những thông tin xấu, độc hại.

Khi được tiếp nhận nhiều thông tin tốt, hình ảnh và câu chuyện đẹp thường xuyên, tuổi trẻ sẽ ghi sâu vào tâm trí các giá trị tốt đẹp, định hướng nhận thức và thay đổi hành vi của mình theo hướng tích cực như những gì đã được tiếp nhận. Thông qua các hình thức tuyên truyền về các tấm gương thanh thiếu nhi tiêu biểu trên các lĩnh vực sẽ truyền cảm hứng cho nhiều bạn trẻ để họ có đủ bản lĩnh để đấu tranh với những thông tin xấu, độc hại trên mạng xã hội, bởi thông tin xấu, độc hại cũng lan truyền nhanh và ảnh hưởng tiêu cực tới nhận thức và hành vi của thanh niên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã chú trọng tuyên truyền, thông tin yếu tố tích cực, gương người tốt, việc tốt trên mạng xã hội, phản bác lại các thông tin xấu, độc; trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp cho các bạn trẻ khi sử dụng mạng xã hội để những câu chuyện tốt lan tỏa mạnh mẽ, để con người càng đồng cảm, chia sẻ với nhau nhiều hơn thông qua mạng xã hội.

Các thế lực thù địch và bọn tội phạm đang sử dụng mạng xã hội như một công cụ tác động tiêu cực đến môi trường văn hóa xã hội Việt Nam. Nhiều trang mạng xã hội như “Dân làm báo”, “Quan làm báo”... thường xuyên đăng tải những bài viết tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đăng tải những thông tin sai lệch, không được kiểm chứng, suy diễn xuyên tạc, làm sinh viên dao động, hoang mang, mất quan

điểm, mất niềm tin và Đảng và Nhà nước. Nhiều trang mạng xã hội tuyên truyền, cổ vũ lối sống thực dụng, các giá trị phương Tây, như tôn thờ tự do cá nhân, văn hóa đòi truy, bạo lực... làm suy thoái các giá trị văn hóa dân tộc, ảnh hưởng đến các truyền thống văn hóa cộng đồng. Mạng xã hội tác động tiêu cực đối với sự phát triển văn hóa cá nhân, khiến con người rời xa dần thế giới thực, mất mục tiêu cuộc sống, rơi vào sống ảo trong xã hội mạng. Cần nhận diện rõ tác động đa chiều của mạng xã hội để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

2.3.4. Tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa, khẳng định “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam” [39, t.2, tr.321-322] là yếu tố tác động tích cực đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy nhiên, Đảng ta cũng thẳng thắn nhận định: “Nhận thức một số vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa sâu sắc, thống nhất, nhất là quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, sở hữu đất đai, phân bổ nguồn lực, vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã, tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập,... Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ì còn lớn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái đạo đức, lối sống và vi phạm đạo đức công vụ. Chưa thống nhất trong nhận thức và hành động về hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và về việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường” [39, t.2, tr.78].

Tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước có tác động đa chiều đến giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vì có

liên quan đến lối sống, liên quan đến phương tiện thực hiện đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Xã hội nếu không đảm bảo, vấn đề an ninh trật tự xã hội rối loạn, thì đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên không đạt hiệu quả. Với sự bông bột của tuổi trẻ, sinh viên dễ bị cuốn vào vòng xoáy của cái lợi ích vật chất tầm thường mà quên đi trách nhiệm của bản thân với nhân dân, với Tổ quốc. Mặt trái của kinh tế thị trường tạo ra sự lệch pha giữa lý luận và thực tiễn. Những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn chưa kịp tổng kết, khái quát trở thành lý luận để định hướng giáo dục VHCT cho sinh viên, làm xuất hiện sự dao động, khiến họ lằm lạc trong nhận thức và hành động, cản trở nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học.

2.3.5. Hạn chế trong thực hiện đổi mới giáo dục đại học

Đảng ta luôn quan tâm đến giáo dục đại học và đổi mới giáo dục đại học, coi giáo dục là quốc sách, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đảng đặt ra mục tiêu “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài” [39, t.2, tr.329]. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, triết lý về giáo dục đại học đã và đang có những thay đổi sâu sắc, căn cứ vào 4 trụ cột giáo dục của UNESCO, đó là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người. Quan điểm lãnh đạo của Đảng có tác động lớn đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên, đảm bảo định hướng giáo dục VHCT cho sinh viên. Nhưng thực tế đặt ra là tại các trường đại học hiện nay, hoạt động đào tạo “chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo... Một số nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo triển khai còn chậm; hệ thống trường lớp phân bổ chưa hợp lý, một số nơi còn thiếu, xuống cấp. Cơ sở hạ tầng đại học ít được đầu tư, nhất là các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành... Việc đào tạo một số ngành nghề đặc thù còn khó khăn; chưa

có cơ chế đặt hàng đào tạo đối với một số ngành, lĩnh vực, đối tượng” [39, t.2, tr.70]. Một số trường chưa thành lập kiện toàn Hội đồng trường; chưa xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm; chưa xây dựng ban hành văn bản, quy chế theo thẩm quyền ban hành văn bản, quy chế chưa đầy đủ và đúng quy định pháp luật... Nhận thức về triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, vai trò và sứ mạng của giáo dục chưa đủ sâu sắc, chưa làm rõ được tính ưu việt của nền giáo dục cách mạng Việt Nam theo định hướng XHCN.

Đầu tư cho giáo dục chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước... Thực trạng ấy đặt ra vấn đề cần đổi mới để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, trong đó có đổi mới phương thức giáo dục nói chung, giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học nói riêng.

2.3.6. Hạn chế của phương thức giáo dục truyền thống trong môi trường chuyển đổi số và vai trò của phương thức giáo dục đối với kết quả giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay

Trong tiến trình phát triển, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu của mỗi quốc gia, đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Trong môi trường giáo dục đại học hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin và những thành tựu của chuyển đổi số là tất yếu, khách quan. Công nghệ thông tin góp phần tích cực vào sự phát triển của giáo dục VHCT, hỗ trợ giảng viên trong hoạt động giảng dạy, giảm bớt thời gian điếm danh, chấm bài... Công nghệ hiện đại được sử dụng để làm sinh động bài giảng, tăng giá trị của phương tiện giáo dục.

Chính công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã làm lộ rõ những hạn chế trong phương thức giáo dục VHCT truyền thống. Cũng vì thế, phương pháp giáo dục truyền thống trở thành rào cản quá trình đổi mới phương thức

giáo dục VHCT cho sinh viên. Đó là việc sinh viên dễ nhàm chán, là sinh viên thụ động hoặc tiếp thu kiến thức không đồng đều do giảng viên không bao quát được hết lớp học. Đó là hạn chế về vận dụng, phân tích, sáng tạo từ kiến thức lý thuyết đến thực hành. Hạn chế về việc phát triển các kỹ năng vốn có của sinh viên. Nhưng thói quen rất khó thay đổi, dù có nhận thức rằng phương thức giáo dục VHCT truyền thống cần đổi mới thì từ nhận thức đến hành động cũng là cả một quá trình đòi hỏi sự quyết tâm của chủ thể giáo dục. Khi đã quen với công nghệ thông tin, giảng viên và sinh viên sẽ có nhu cầu đổi mới phương pháp giáo dục VHCT, bởi vai trò của phương thức giáo dục đối với kết quả giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay. Bài giảng VHCT nhờ đó sinh động và hấp dẫn. Phương thức giảng dạy truyền thống không còn lực hấp dẫn, vì nó không tạo được tính tích cực chủ động của chủ thể và đối tượng, không đáp ứng tâm lý thích mạo hiểm, khám phá của sinh viên.

2.3.7. Sự thay đổi trong nhu cầu nhận thức, tiếp nhận thông tin của sinh viên hiện nay so với trước đây; vai trò của VHCT và phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên trong thời kỳ mới

Sinh viên các trường đại học hiện nay đã có nhiều thay đổi trong nhu cầu nhận thức, tiếp nhận thông tin so với trước đây, bởi vì họ được sống trong môi trường năng động và có nhiều phương tiện hiện đại để đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin một cách nhanh chóng, thuận tiện. Chúng ta đang sống trong xã hội thông tin nên nhu cầu nhận thức, tiếp nhận thông tin của sinh viên hiện nay so với trước đây đã tăng lên rất nhiều.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cũng làm gia tăng nhu cầu đó của sinh viên, vì thế bản thân sinh viên cũng có nhu cầu đổi mới phương pháp học tập VHCT, dẫn đến việc các chủ thể giáo dục phải đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Sinh viên có thể tiếp cận thông

tin nói chung, thông tin chính trị nói riêng từ rất nhiều nguồn, cho nên nếu không đổi mới phương pháp giáo dục VHCT, những bài học trên giảng đường sẽ không đủ sức thu hút sinh viên, dù nội dung có hay đến mấy họ cũng không hào hứng nếu phương pháp giáo dục VHCT không được đổi mới. Vì thế, sự thay đổi trong nhu cầu nhận thức, tiếp nhận thông tin của sinh viên hiện nay so với trước đây cũng là yếu tố tác động đến sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên.

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của VHCT và phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên ngày càng cao. Yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên trong thời kỳ mới cũng đặt ra vấn đề cần đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

Tiểu kết chương 2

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là một tất yếu, đáp ứng yêu cầu của Đảng trong bối cảnh “toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và những thành quả phát triển đã đạt được; đưa đất nước vững bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững” [39, t.2, tr.323]. Không phải bây giờ vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT mới được đặt ra ở các trường đại học, thực tế việc đổi mới này với phạm vi, mức độ cụ thể khác nhau đã được thực hiện, bảo đảm sự phù hợp với từng loại hình, đối tượng đào tạo và chức năng, nhiệm vụ của từng trường tương ứng với mỗi thời kỳ.

Hiện nay, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là để làm cho hoạt động đó hoàn thiện hơn, có chất lượng cao hơn, gắn đào tạo với

sử dụng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh hiện nay. Đổi mới không phải là thay thế toàn bộ những vấn đề liên quan đến hoạt động này mà là sự kế thừa, phát triển và hoàn thiện một cách có chọn lọc phương thức giáo dục VHCT được tích lũy qua nhiều năm qua nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên. Chất lượng phương thức giáo dục VHCT không chỉ phụ thuộc vào lực lượng chủ yếu là giáo viên giảng dạy LLCT và sinh viên mà còn là sự tham gia tích cực, phối hợp đồng bộ của nhiều chủ thể liên quan đến quá trình giáo dục VHCT. Nội dung đổi mới phương thức giáo dục VHCT rất đa dạng, theo hướng giúp học viên dễ tiếp thu, phát huy hơn nữa khả năng sáng tạo, chủ động, tích cực của học viên, làm cho phương thức giáo dục VHCT trở nên thiết thực, hiệu quả trong hoạt động thực tiễn.

Để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, các chủ thể giáo dục cần nắm rõ nội dung đổi mới, đó là đổi mới phương pháp, đổi mới hình thức giáo dục. Tiêu chí đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là kế thừa có sáng tạo các phương pháp, hình thức truyền thống; sử dụng đa dạng và linh hoạt các phương pháp, hình thức giáo dục; sáng tạo ra các phương pháp, hình thức mới với sự hỗ trợ của phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản: nguyên tắc hiệu quả, kế thừa có chọn lọc và sáng tạo; phải lấy người học làm trung tâm; phải đảm bảo mục tiêu của quá trình giáo dục, hình thành nhân cách cho sinh viên; đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, gắn liền với thực tiễn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cần chú trọng nghiên cứu các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay, nhằm ngăn chặn các tác động tiêu cực của mạng xã hội đến tri thức chính trị, niềm tin chính trị của sinh viên.

Chương 3

THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội

3.1.1. *Môi trường văn hóa – xã hội của thành phố Hà Nội hiện nay*

Hà Nội là thủ đô của nhà nước Việt Nam, trung tâm văn hóa lớn của đất nước, là nơi đặt trụ sở các cơ quan báo chí lớn, nơi quy tụ của các nhà xuất bản lớn, nhiều Bảo tàng lịch sử cách mạng, là trung tâm giáo dục với nhiều trường đại học trọng điểm. Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội đã phát huy truyền thống đoàn kết, phát huy truyền thống anh hùng và bề dày truyền thống lịch sử, đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn hóa Hà Nội là tinh hoa văn hóa Việt, vì Hà Nội là nơi hội tụ các giá trị văn hóa khắp mọi miền của đất nước. Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 97/2019/QH14, ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV và Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ thành phố, Hà Nội tiếp tục khẳng định vị thế Thủ đô, tạo động lực vững vàng bước tới tương lai. Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Hà Nội khẳng định tầm vóc mới của Hà Nội là Thủ đô vươn tầm khu vực, góp phần tạo lập vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đặc điểm và yêu cầu của chính trị Hà Nội với tư cách là Thủ đô - trung tâm chính trị của đất nước – điều mà không có bất cứ địa phương nào khác ở Việt Nam có được đã tác động sâu sắc đến giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố.

Đặc trưng văn hóa xã hội của Hà Nội đã *tác động tích cực* đến sự giáo dục VHCT cho sinh viên và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, thành nhân tố căn bản để “thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững” [39, t.2, tr.324] theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIII. Sự phát triển của Hà Nội tạo ra nhiều cơ hội cho sinh viên được giao lưu, hợp tác phát triển và học hỏi nhiều kiến thức mới, trong đó có tri thức VHCT. Việc tiếp cận những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại kích thích các chủ thể giáo dục tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ vào đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Môi trường văn hóa lành mạnh và tiên tiến của Hà Nội sẽ tạo niềm tin chính trị cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố, thúc đẩy nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục để tích lũy nội dung VHCT.

Tuy nhiên sự phát triển của kinh tế - xã hội của Hà Nội cũng *tác động tiêu cực* đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Số lượng sinh viên đông, từ khắp các tỉnh, thành phố đến Hà Nội học tập, sinh sống và làm việc, gây khó khăn trong quản lý sinh viên, khó quản lý hình thức tự giáo dục của sinh viên. Mặt khác, tốc độ phát triển quá nhanh khiến Hà Nội vẫn còn một số hạn chế trong quản lý môi trường văn hóa – xã hội, tác động tiêu cực đến đổi mới hiệu quả phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Vì xét đến cùng, nhận thức của chủ thể tác động lớn đến hiệu quả đổi mới, mà nhận thức của chủ thể lại chịu tác động nhiều từ chính môi trường sống xung quanh. Có những luồng văn hóa sai lệch, những thông tin có nội dung không lành mạnh, trái quan điểm chính trị của Đảng sẽ tác động xấu về mặt tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên, là rào cản của đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

Mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động sâu sắc đến các quan hệ xã hội, làm nảy sinh nhiều biểu hiện tiêu cực trong đời sống, ảnh hưởng đến nhu

cầu của sinh viên về VHCT. Khi đó, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hay không cũng không thành mối quan tâm của sinh viên nữa, và hiệu quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT sẽ không cao.

3.1.2. Các chủ thể giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

Trong phần trên, luận án đã trình bày về các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên. Trong phần này, luận án tập trung vào các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội mà luận án nghiên cứu trong phạm vi đã xác định. Theo đó, các chủ thể giáo dục VHCT có tác động trực tiếp đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội là:

Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng: Theo Quy định về “Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội” ban hành kèm theo Quyết định số 1527-QĐ/TU, ngày 29/11/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng có chức năng lãnh đạo trực tiếp các tổ chức cơ sở đảng trong Khối, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị; thực hiện công tác xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, trường và các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Khối trong sạch, vững mạnh. Đây là cầu nối để phát huy tiềm năng của các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Khối tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Đảng ủy Khối lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức, đảng viên, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong các trường đại học, trong đó có giáo dục VHCT, tất yếu tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội là cơ quan tham mưu của Thành ủy Hà Nội, có nhiệm vụ chỉ đạo nội dung giáo dục LLCT cho sinh viên. Sự chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội thông qua Ban Tuyên giáo Thành ủy sẽ tác động đến vấn đề giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội. Vì thế đây là chủ thể có tác động

trực tiếp đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, tác động đến chính công tác giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay.

Cấp uỷ Đảng, Ban Giám hiệu trong các trường đại học có tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo bằng quan điểm đường lối, Nhà trường quản lý bằng quy chế, nội quy. Sự nhận thức đầy đủ, sâu sắc của các cấp uỷ, Ban Giám hiệu về đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên có vai trò quyết định trong việc tạo môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên giáo dục VHCT cho sinh viên. Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ; đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chính trị để giảng dạy và thực hành các hoạt động chính trị cùng sinh viên. Gắn quá trình học với quá trình nghiên cứu và với thực tế đời sống, kết hợp việc học tập chính khóa với việc các chương trình ngoại khóa, gắn với từng nhóm đối tượng, để đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên phù hợp với đối tượng.

Đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên giảng dạy các môn LLCT có vai trò lớn trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Giảng viên phải truyền bá cho sinh viên thấu hiểu những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề cơ bản đường lối, chính sách văn hóa của Đảng... Giảng viên cần giáo dục lý tưởng cách mạng; giáo dục truyền thống văn hóa kết hợp chặt chẽ với trang bị kỹ năng sống cho sinh viên, bảo đảm cho các mặt giáo dục ấy phát triển cân đối phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục con người toàn diện. Muốn vậy, phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên của các giảng viên phải đổi mới để thu hút sinh viên, để sinh viên hào hứng với nội dung bài giảng VHCT vốn bị coi là khô khan, thiếu hấp dẫn.

Cố vấn học tập là người nắm bắt tình hình, phát hiện những bất cập trong học tập của sinh viên, kịp thời đề xuất với nhà trường những biện pháp

tháo gỡ những bất cập đó; giúp đỡ, khắc phục những biểu hiện bất thường đối với sinh viên, có vai trò lớn trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Trong cơ chế đào tạo theo tín chỉ, cố vấn học tập có tác động lớn đến tình cảm chính trị, niềm tin và bản lĩnh chính trị của sinh viên vì cố vấn học tập không chỉ giúp sinh viên giải đáp thắc mắc mà còn giúp các em định hướng nhận thức về VHCT. Vì thế khi nghe cố vấn học tập giải thích, sinh viên sẽ nhận ra vai trò của giáo dục VHCT và sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên.

Cán bộ các phòng, ban trong nhà trường cũng tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên, vì họ tạo nên môi trường giáo dục. Cán bộ làm công tác hành chính của nhà trường sẽ tác động đến tâm lý của sinh viên, đến niềm tin của sinh viên vào phẩm chất, năng lực của Đảng viên là cán bộ hành chính trong nhà trường. Cán bộ làm công tác văn thư lưu trữ cũng góp phần tăng thêm tình cảm chính trị, niềm tin chính trị cho sinh viên thông qua giao tiếp, xử lý công việc... Nhưng trực tiếp nhất là cán bộ Đoàn tại Văn phòng Đoàn trường, Hội sinh viên, Phòng Công tác Chính trị, Phòng Công tác sinh viên... Đây là nơi sinh viên được giáo dục VHCT bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau.

3.1.3. Các yếu tố hệ thống trong hoạt động giáo dục

3.1.3.1. Mục đích, nội dung giáo dục

Giáo dục VHCT cho sinh viên góp phần hình thành lý tưởng, niềm tin, phẩm chất và nhân cách cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, kiên định con đường XHCN, có lý tưởng cao đẹp, biết nuôi dưỡng hoài bão lớn để thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mục đích giáo dục VHCT cho sinh viên cũng chính là một phần trong mục đích giáo dục nói chung, đó là đào tạo con người toàn diện có đủ đức, đủ tài, có kỹ năng giải quyết các vấn đề lớn của thời đại.

Nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên chi phối trực tiếp đến phương thức giáo dục, nội dung luôn gắn liền với hình thức thể hiện và phương pháp giáo dục. Nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay là giáo dục tri thức chính trị, niềm tin chính trị, lý tưởng chính trị; giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, ý chí tự lực, tự cường; giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để sinh viên có nhận thức đúng, hành vi đúng trong thực tiễn chính trị. Chủ thể giáo dục phải nắm vững nội dung thì mới đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiệu quả.

3.1.3.2. Phương tiện giáo dục

Phương tiện tác động lớn đến vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, nhất là trong môi trường chuyển đổi số hiện nay. Các phương tiện cơ bản phục vụ hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học hiện nay là hệ thống cơ quan, thiết chế xã hội cùng với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật trong hệ thống cơ quan, thiết chế xã hội đó; là các tổ chức chính trị- xã hội, các thiết chế văn hóa đặc thù, các phương tiện truyền thông đại chúng, là các phương tiện được Nhà nước tổ chức để thực hiện giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học.

Đổi mới phương thức giáo dục cũng tùy thuộc vào phương tiện hiện có của các trường đại học. Chủ thể giáo dục phải tận dụng và khai thác tốt điều kiện thuận lợi từ cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho đổi mới phương thức giáo dục, nhất là hệ thống hạ tầng về công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động giáo dục trên nền tảng số và khoa học công nghệ. Trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, các trường đại học phải xác định vấn đề đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường phương tiện giáo dục để phù hợp với phương pháp giáo dục hiện đại.

3.1.3.3. Môi trường văn hóa trong nhà trường

Môi trường văn hóa trong nhà trường là tổng hòa các điều kiện văn hóa tồn tại trong nhà trường và tác động tới hoạt động giáo dục của nhà trường. Đối với sinh viên, môi trường văn hóa tạo nên giá trị đạo đức, nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi. Khi được giáo dục trong một môi trường văn hóa lành mạnh, sinh viên sẽ có tri thức chính trị, có niềm tin chính trị bởi vì trong môi trường văn hóa, sinh viên tiếp nhận những giá trị văn hóa từ những điều tốt đẹp xung quanh, có hành vi đúng chuẩn mực, sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội. Nhà trường không chỉ giáo dục sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng thực hành mà còn giáo dục VHCT, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân.

Môi trường văn hóa trong nhà trường tác động đến giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Nếu có bản lĩnh, sinh viên sẽ tìm đến những tấm gương tốt để tác động vào tâm lý, tình cảm nhằm bắt chước những hành động được xã hội tôn vinh và ngăn ngừa những hành động đi ngược lại lợi ích xã hội. Nếu không có bản lĩnh, sinh viên sẽ lầm đường, các hoạt động truyền thông sẽ không phát huy tác động tích cực trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Hoạt động truyền thông trong nhà trường cung cấp thông tin kịp thời nhằm định hướng dư luận, lan tỏa được các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong thực tiễn chính trị là cách để xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường. Hoạt động truyền thông vì thế nếu được triển khai chủ động, sáng tạo, sẽ có tác động tích cực đến nhận thức VHCT của sinh viên. Sức mạnh của truyền thông trong thời kỳ công nghệ số khiến các trường phải đẩy mạnh công tác truyền thông. Hoạt động này tác động lớn đến VHCT của sinh viên vì họ được tiếp nhận thông tin chính trị chính thống. Hoạt động truyền thông cũng giúp định hướng cách tiếp nhận thông tin chính trị của sinh

viên từ mạng xã hội.

Những năm gần đây, mạng xã hội đã có bước phát triển mạnh mẽ, tác động lớn đến đời sống xã hội của thành phố Hà Nội trên mọi lĩnh vực, mọi tầng lớp, trong đó có sinh viên. Khi mạng xã hội phát triển thì dòng chảy của thông tin liên quan đến VHCT cũng trở nên mạnh mẽ hơn về cường độ, mở rộng về quy mô tác động. Mạng xã hội cũng có tính hai mặt, khi được kiểm soát tốt thì sẽ trở thành phương tiện hữu ích; ngược lại mạng xã hội có thể tạo ra các giá trị lệch lạc hay khuynh hướng phức tạp trong tiếp nhận thông tin, cản trở quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Vì thế sử dụng mạng xã hội như một phương tiện truyền thông hữu ích cần được nhiều trường thực hiện, vì đây là yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

3.1.4. Khái quát về các trường đại học và sinh viên của các trường đại học trong phạm vi khảo sát

3.1.4.1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền vừa là một trường đại học, vừa là trường Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hiện tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền đang tổ chức đào tạo 41 chương trình đại học, trong đó 35 chương trình hệ chuẩn, có 5 chương trình chất lượng cao, có 1 chương trình liên kết quốc tế; 20 chương trình đào tạo thạc sỹ, 06 chương trình đào tạo tiến sỹ.

Nhà trường hiện đang có 30 đơn vị, đó là các khoa giảng dạy các chuyên ngành cơ bản, các phòng, ban và các trung tâm hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường. Số lượng cán bộ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền khá đông, hiện có 396 cán bộ, viên chức, người lao động, trong đó có 242 giảng viên. Nhà trường cũng mời nhiều chuyên gia đầu ngành về lý luận chính trị và báo chí, truyền thông cộng tác trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hoạt động chuyên môn của Nhà trường phát triển mạnh mẽ. Hệ thống chương trình, giáo trình được đổi mới, cập nhật. Nhà trường đã có Quyết định

số 6528- QĐ/HVBC TT về việc bổ sung và điều chỉnh Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Học viện Báo chí và Tuyên truyền xác định mục tiêu phấn đấu là trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực LLCT, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông; phấn đấu trở thành trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học trên, thành trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực. Chính tôn chỉ, sứ mệnh và tầm nhìn chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền khiến nhà trường trở thành trung tâm giáo dục có uy tín tại thủ đô Hà Nội và cả nước.

3.1.4.2. *Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn* là trung tâm đào tạo, giáo dục có uy tín tại Hà Nội. Năm 2005, kỷ niệm 60 năm truyền thống, Nhà trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Năm 2010, kỷ niệm 65 năm truyền thống, Nhà trường lại vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh. Năm 2015, kỷ niệm 70 năm truyền thống và 20 năm thành lập Trường, ghi nhận những đóng góp của Nhà trường vào sự nghiệp đào tạo và khoa học công nghệ, Nhà trường đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Bằng sự đoàn kết, tinh thần phấn đấu cao, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn ngày càng phát triển lớn mạnh, khẳng định được vị thế và đóng góp to lớn cho nền giáo dục Việt Nam, hướng đến trở thành đại học tiên tiến của khu vực và thế giới. Nhà trường hiện có các khoa đào tạo chuyên ngành như khoa Du lịch học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Quốc tế học, Triết học, Việt Nam học và Tiếng Việt... Nhà trường đang đào tạo 13.000 sinh viên các hệ, trong đó có 3.100 học viên cao học và 292 nghiên cứu sinh. Số lượng cán bộ, giảng viên là 500 người, trong đó có 15 Giáo sư, 94 Phó Giáo sư, 168 Tiến sĩ khoa học và Tiến sĩ cùng 192 Thạc sĩ.. Cơ sở vật chất ngày càng khang trang, môi trường cảnh quan ngày càng đẹp. Đây là trung tâm giáo dục có uy tín không chỉ trên địa bàn Thủ đô, tầm

ảnh hưởng của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn đã lan tỏa ra nhiều tỉnh/ thành trên cả nước.

3.1.4.3. *Trường Đại học Nguyễn Trãi* được thành lập ngày 05/02/2008, theo Quyết định số 183/QĐ-TTg của Chính phủ. Đây là trường đại học ngoài công lập, chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mang tên danh nhân văn hóa thế giới là Nguyễn Trãi, trường đại học đã không ngừng phấn đấu và trưởng thành, trở thành một trong những trường đại học có uy tín tại Thủ đô. Nhà trường xác định sẽ tiên phong trong đổi mới và sáng tạo, trong giáo dục và nghiên cứu khoa học để ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động giáo dục với mục đích đào tạo sinh viên của trường thành công dân toàn cầu, đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. Nghĩa là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đức, trí, thể, mỹ và kỹ năng nhập thân văn hóa, xã hội hóa cá nhân.

Trường Đại học Nguyễn Trãi đang phấn đấu để trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo đa ngành, chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế tại Hà Nội, góp phần vào sự phát triển của đất nước. Cán bộ giảng viên của Trường Đại học Nguyễn Trãi là các chuyên gia uy tín, có học hàm, học vị cao, đã giảng dạy hoặc nghiên cứu tại các trường đại học, các trung tâm khoa học lớn, có uy tín và năng lực trong công tác giáo dục, đào tạo.

3.1.4.4. *Trường Đại học Đại Nam* được thành lập ngày 14/11/2007 theo Quyết định số 1535/QĐ -TTg của Chính phủ. Đây cũng là trường đại học ngoài công lập, một trong những trung tâm giáo dục đại học được dư luận đánh giá cao. Hiện nay, Trường Đại học Đại Nam có 398 cán bộ, trong đó có 305 giảng viên, nhiều giảng viên được đào tạo từ các nước Mỹ, Anh, Úc, Singapore,... Nhà trường phát triển theo định hướng ứng dụng, đào tạo các chuyên ngành như Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Xây dựng, Quan hệ công chúng và truyền thông, Truyền thông đa phương tiện... Các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Đại Nam đều là những chuyên ngành mà xã hội hiện đại đang quan tâm, vì thế Trường Đại học Đại

Nam đã khẳng định mình là trung tâm giáo dục có uy tín và thương hiệu.

Tầm nhìn và sứ mệnh, định hướng phát triển của các trường đại học trên là những yếu tố tác động tích cực đến giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay. Bởi vì khi các trường đại học xác định tầm nhìn và sứ mệnh, định hướng phát triển một cách khoa học, họ sẽ tạo mọi điều kiện để đổi mới giáo dục một cách hệ thống và đồng bộ, trong đó có vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

3.1.4.5. Đặc điểm sinh viên các trường đại học trong diện khảo sát

Sinh viên các trường đại học trong diện khảo sát được sống trong môi trường văn hóa Hà Nội, có lợi thế tiếp xúc với các phương tiện truyền thông hiện đại, với các sự kiện văn hóa, chính trị tiêu biểu của Thủ đô. Chính lợi thế đó ảnh hưởng đến cách tiếp cận VHCT của sinh viên, họ sẽ có ý thức chủ động hơn trong việc tiếp cận VHCT, khao khát đổi mới phương thức tiếp nhận tri thức, tích cực tham gia hoạt động chính trị. Những đặc điểm của sinh viên tác động lớn đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học trong phạm vi nghiên cứu của luận án, vì họ chính là đối tượng thụ hưởng kết quả đổi mới đó và cũng chính họ đặt ra nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

Môi trường văn hóa xã hội sôi động và phong phú của Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi, kích thích nhu cầu khám phá của sinh viên, giúp họ tự quan sát, tự phân tích đánh giá, tự nhận thức và điều chỉnh thái độ, hành động đối với bản thân và thế giới xung quanh để hoàn thiện mình cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Về mặt nhận thức, trong giai đoạn này sinh viên có khả năng nhận thức nhanh các vấn đề xã hội, họ ngày càng hiểu biết môi trường xã hội rộng lớn hơn nhiều bằng con đường giáo dục và tự giáo dục. Sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội đang hình thành những hứng thú và thái độ mới, ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển kỹ năng mới, ứng xử mới trong các quan hệ xã hội đa dạng. Họ nhận thức cuộc sống ngày càng sâu sắc, chín chắn hơn. Chính trong giai đoạn đời này, sinh viên phát triển cả

nhận thức, thể lực, sẵn sàng có kế hoạch riêng cho hoạt động của mình, tương đối độc lập trong phán đoán và hành vi.

Hoạt động học tập của sinh viên là hoạt động nhận thức cơ bản được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách của người học. Chính hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên trong nhà trường giúp sinh viên lớn lên về mọi mặt, phát triển khả năng trí tuệ, tư duy độc lập, năng lực khái quát hoá, trừu tượng hoá được nâng cao, tăng cường gắn kết tri thức khoa học và phẩm chất đạo đức. Tuy nhiên sinh viên các trường đại học trong diện khảo sát cũng có một số hạn chế trong tâm lý, tính cách, thiếu kinh nghiệm sống, tầm hiểu biết chính trị - xã hội chưa sâu. Vì vậy, một số sinh viên nhận thức, hiểu biết về VHCT cũng ở mức độ vừa phải, ít quan tâm đến VHCT hoặc nếu có quan tâm đến đôi khi cũng bởi hiếu kỳ. Trong trường đại học, tri thức chính trị đến với sinh viên chủ yếu qua nội dung mà giảng viên trao truyền trên lớp và qua các hoạt động ngoại khóa, các sinh hoạt chính trị được tổ chức không thường xuyên. Gần đây, đại dịch Covid-19 tác động lớn đến hoạt động giáo dục, hình thức học chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến, những hoạt động ngoại khóa ít dần. Một số sinh viên có tâm lý buông xuôi, học chiếu lệ để được thi hết môn, thụ động trong những giờ học, lười biếng trong các hoạt động tự giáo dục. Không quan tâm đến nội dung VHCT, không có nhu cầu và không quan tâm đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

VHCT của sinh viên là sự thống nhất, biện chứng giữa chủ thể và khách thể, giữa nội dung xây dựng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, giữa nhu cầu, mong muốn chiếm lĩnh những tri thức của nhân loại với khả năng hiện thực của bản thân. Việc định hướng rèn luyện cho sinh viên biết khắc phục hạn chế, phát huy ưu thế của mình trong học tập và trong rèn luyện đạo đức là điều rất cần thiết. Vấn đề này còn trở nên quan trọng hơn đối với sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay.

3.2. Thực trạng đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên trong các trường đại học ở thành phố Hà Nội

3.2.1. Kế thừa có sáng tạo phương pháp, hình giáo dục truyền thống

3.2.1.1. Kế thừa có sáng tạo phương pháp truyền thống

Xuất phát từ đặc thù của các môn LLCT thiên về lý luận nên trong phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; Trường Đại học Nguyễn Trãi; Trường Đại học Đại Nam, phương pháp thuyết trình vẫn chiếm ưu thế. Giảng viên thuyết giảng các khối kiến thức qua các bài giảng về VHCT dựa vào các giáo trình, sách giáo khoa đã biên soạn, các nguồn tư liệu có sẵn. Về cơ bản, phương pháp giáo dục truyền thống này lấy hoạt động của chủ thể giáo dục làm trung tâm, là quá trình truyền tải thông tin có sẵn một cách tỉ mỉ, một chiều từ giảng viên đến sinh viên. Hoạt động nhận thức của sinh viên thụ động, mang tính ghi nhớ, tái hiện vì sinh viên không tham gia đối thoại hay trao đổi nội dung với giảng viên, hoặc tham gia rất ít. Khi thông tin và kiến thức VHCT đến bộ não của sinh viên, chúng sẽ được biến đổi và lưu vào bộ nhớ và được truy cập lại khi cần thiết dựa trên năng lực tái hiện của tư duy. Kết quả của phương pháp này phụ thuộc nhiều vào kỹ năng diễn thuyết của chủ thể giáo dục và năng lực nhớ của đối tượng giáo dục VHCT.

“Thực tế vẫn có những giờ thuyết trình hấp dẫn với nội dung cô đọng, rõ ràng, giảng viên cung cấp tri thức VHCT cho sinh viên một cách khoa học và nghệ thuật, giúp sinh viên có thêm động cơ học tập, say mê khám phá tri thức mới, khiến cho sinh viên không thấy sợ sự khô cứng của các phạm trù VHCT. Chính vì thế, phương pháp thuyết trình vẫn có vị trí không thay thế được trong phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên” [PL2, PVS 10]. Nhưng xử lý số liệu điều tra xã hội học cho thấy phương pháp thuyết trình được sinh viên đánh giá không cao. Kết quả là sinh viên trường Đại học Nguyễn Trãi đánh giá phương pháp này với 42,98% chọn mức Rất hiệu quả

và Hiệu quả. Sinh viên trường Khoa học xã hội và Nhân văn chọn mức này với 31,95%. Tương đương vậy, sinh viên Học viện Báo chí và Truyền truyền với 25,2%; sinh viên trường Đại học Đại Nam có 25% chọn mức Rất hiệu quả và Hiệu quả [PL1, câu hỏi 7]. Như vậy, sinh viên đã nhận thấy phương pháp thuyết trình dù cần thiết nhưng cũng có một số hạn chế nhất định, không khuyến khích vai trò chủ động của người học. Sự thụ động làm hạn chế khả năng học và khả năng tập trung của người học, khiến người học phân tâm khi lựa chọn câu trả lời cho câu hỏi đánh giá hiệu quả của phương pháp. Giảng viên là người truyền đạt thông tin một chiều, phải luôn nỗ lực tìm hiểu những khó khăn mà người học gặp phải trong việc tiếp thu nội dung bài giảng để điều chỉnh âm lượng, nhịp điệu, cử chỉ... nhằm thu hút sự chú ý của sinh viên. Có những sinh viên quan tâm đến đời sống chính trị, khao khát tri thức thì sẽ chăm chú nghe. Nhưng nhiều sinh viên cảm thấy nhàm chán và muốn thay đổi, vì phương pháp thuyết trình không khuyến khích trao đổi thông tin đa chiều, để học tốt sinh viên phải lắng nghe, ghi chép, cố nhớ để lặp lại các kiến thức đã được truyền giảng để thi hết môn.

Thực tế tại các trường đại học, phương pháp thuyết trình đã được kế thừa có sáng tạo trong hoạt động giáo dục. Đội ngũ giảng viên cũng tăng cường kỹ năng thuyết trình, tăng cường khả năng vận dụng các kiến thức về lĩnh vực này trong thực tiễn, thuyết phục người nghe bằng lời nói trực tiếp. Đó là những kỹ năng liên quan đến quá trình chuẩn bị và thực hiện hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên. Đổi mới phương pháp thuyết trình, kết hợp thuyết trình với các phương pháp có sự tham gia tích cực của sinh viên là yêu cầu thực tiễn. Sinh viên Trường Đại học Nguyễn Trãi đánh giá cao *phương pháp thuyết trình có kết hợp đối thoại, nêu vấn đề... trong giảng dạy VHCT hiện nay* này với 85,53% chọn mức Rất hài lòng và Hài lòng. Với hai mức đánh giá ấy, sinh viên Trường Đại học Đại Nam là 79,58%; sinh viên Học viện Báo chí và Truyền truyền có 76,42%; sinh viên Trường Đại học Khoa

học xã hội và Nhân văn có 73,86% ý kiến Rất hài lòng và Hài lòng [PL1, câu hỏi 6]. Đánh giá của sinh viên tuy chỉ là một kênh tham chiếu, nhưng có ý nghĩa vì họ chính là người chịu tác động trực tiếp của đổi mới phương pháp giáo dục VHCT tại các trường đại học. Nó cho thấy nhu cầu thực tiễn đổi mới phương pháp giáo dục VHCT đã được tiến hành, bước đầu đã có tác động tích cực, được sinh viên đánh giá cao.

Thực tế “Phương pháp thuyết trình có kết hợp đối thoại, nêu vấn đề... trong giảng dạy VHCT hiện nay thường được kết hợp cùng với trình chiếu slide về nội dung bài giảng là cách đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay, đang được các trường đại học tiến hành khá hiệu quả” [PL2, PVS 10]. Trong thời gian qua, nhiều giảng viên đã kết hợp thuyết trình với trình chiếu slide, kết hợp nghệ thuật diễn giảng với hình ảnh, kể chuyện và phân tích, kết nối với sinh viên thông qua tương tác. Nhiều giảng viên đã có kỹ năng thu hút sự tập trung của sinh viên ngay khi bắt đầu bài thuyết trình. Thứ đến là kỹ năng kiểm soát nội dung, làm chủ bài thuyết trình cũng được giảng viên chú ý, nên giảng viên nhận được sự tin cậy và khâm phục của sinh viên. Giảng viên kiểm soát được nội dung VHCT, kiểm soát được không gian lớp học. “Đội ngũ giảng viên đã có kỹ năng lựa chọn nội dung như điểm nhấn trong bài giảng VHCT, tránh lan man dàn trải, giúp sinh viên nắm được đề cương chi tiết môn học. Giảng viên đã có kỹ năng lựa chọn, nghiên cứu và xử lý tài liệu liên quan đến nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên; xây dựng đề cương bài giảng; lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ, văn phong trong khi thuyết trình; kỹ năng điều khiển sự chú ý và trả lời câu hỏi khi thực hiện đối thoại với sinh viên... Để đạt mục đích giáo dục, tạo khả năng thu hút sự chú ý của người nghe, nội dung thuyết trình đã được chuẩn bị kỹ để mang đến cho sinh viên những thông tin mới hoặc là thông tin được làm mới bằng kỹ năng của chủ thể giáo dục” [PL2, PVS3].

Cái mới trong nội dung là sự đảm bảo cho phương pháp thuyết trình tiếp tục được đổi mới, vì để quá trình giáo dục diễn ra, giữa chủ thể giáo dục và đối

tượng giáo dục phải có độ chênh lệch về thông tin, về sự hiểu biết nội dung VHCT đang được đề cập. Đó là cơ sở để giảng viên đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên, tạo khả năng thu hút sự chú ý của người nghe, thuyết phục, cảm hoá đối tượng, khẳng định những nội dung chủ thể cần giáo dục. “Các giảng viên đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT, hướng nội dung vào những vấn đề bức xúc trong thực tiễn chính trị, tuyên truyền các tấm gương tốt trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; giải đáp kịp thời những vấn đề mà sinh viên đặt ra. Đây cũng là một trong những cách thức nâng cao tính cấp thiết, tính thời sự của VHCT, là kỹ năng đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên đã được các trường đại học áp dụng” [PL2, PVS 5].

Bổ sung tư liệu cho bài giảng, định hướng tư liệu cho sinh viên cũng là cách đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Nguồn tài liệu quan trọng nhất trong giáo dục VHCT không chỉ là tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng và Nhà nước, mà còn là tư liệu từ thực tiễn chính trị. Đây vừa là nội dung, vừa là cơ sở lý luận - tư tưởng của đổi mới phương pháp giáo dục VHCT. Các loại từ điển, tài liệu thống kê, sách chuyên khảo, báo, tạp chí... là nguồn tài liệu được bổ sung. Các bản tin nội bộ là nguồn thông tin trực tiếp mà dựa vào đó chủ thể giáo dục xây dựng nội dung, trao truyền cho đối tượng. “Thuyết trình về VHCT không còn khô cứng nữa khi các kỹ năng của chủ thể giáo dục đã nghệ thuật hóa phương pháp thuyết trình truyền thống, làm mới nó bằng chính những dẫn chứng sinh động từ thực tiễn” [PL2, PVS 6].

Ví dụ, năm 2021 Việt Nam có nhiều sự kiện trọng đại. Các trường đại học đã lồng ghép nội dung các sự kiện chính trị vào bài giảng VHCT, khiến sự quan tâm của sinh đến tình hình chính trị - xã hội của đất nước được nâng lên. Ý kiến của chuyên gia cho thấy rõ: “Việc đưa những kiến thức thực tiễn vào bài giảng rất quan trọng vì nó làm mềm đi sự khô cứng của kiến thức, vì thực tiễn là cơ sở, điểm xuất phát, là động lực cho sự phát triển của lý luận,

đồng thời là tiêu chuẩn kiểm tra chân lý. Khi giảng cho sinh viên, nhờ dẫn chứng thực tiễn mà các em hào hứng tiếp thu bài giảng hơn. Tuy nhiên nhiều bài giảng của giảng viên còn thiếu tính thực tiễn do chính vốn sống, vốn kinh nghiệm thực tiễn của nhiều giảng viên dạy VHCT còn ít. Vì thế cần gắn kết hơn lý luận và thực tiễn trong đổi mới phương pháp giáo dục” [PL2, PVS 3].

3.2.1.2. Kế thừa có sáng tạo hình thức giáo dục chính khóa, ngoại khóa

Hiện nay, tại các trường đại học, hình thức giáo dục VHCT chủ yếu vẫn là giáo dục chính khóa, nhưng đã được kế thừa có sáng tạo, có đổi mới. Các hình thức giáo dục chính khóa diễn ra thông qua giáo dục trực tiếp tại giảng đường hoặc địa điểm tổ chức lớp học, nơi hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên được diễn ra ở tại trường. Sự đổi mới hình thức giáo dục chính khóa thể hiện ở chỗ “giảng viên kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau trong giáo dục chính khóa trên giảng đường, để vừa đạt được mục tiêu đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tiễn của các trường đại học”[PL2. PVS1]. Ngay trong hình thức giáo dục chính khóa trên giảng đường, giảng viên cũng đã kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, sử dụng hình thức trực tiếp với hình thức tự học, để sinh viên chủ động tìm hiểu tri thức, tăng cường kỹ năng thực hành trong lớp.

Các trường đại học đã cố gắng tổ chức lớp học với số sinh viên phù hợp, khoảng 25-30 người, để phù hợp với điều kiện đổi mới hình thức giáo dục VHCT. Chỉ khi lớp không quá đông, giảng viên mới có thể bao quát được không gian lớp học, kiểm soát sinh viên, dẫn dắt sinh viên trong từng hoạt động. Tuy nhiên trong đổi mới hình thức giáo dục VHCT, thực tế các lớp vẫn đông vì VHCT được xếp vào môn chung, hoặc môn cơ sở ngành, không phải môn chuyên ngành. Vì thế chỉ trong các buổi thảo luận, nhà trường mới chia tách lớp, bố trí thêm hội trường, thêm giảng viên, thêm trang thiết bị hỗ trợ...Thực trạng đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên chưa nhận

được đánh giá tích cực từ chính sinh viên và giảng viên. *Học tập trên lớp* được 69,11% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đánh giá có hiệu quả. Con số này ở Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn là 68,88%; Trường Đại học Đại Nam là 58,75%; còn tại Trường Đại học Nguyễn Trãi chỉ có 13,62% sinh viên đánh giá tích cực về hình thức giáo dục này [PL1, câu hỏi 2].

Trong điều kiện mới, ngoài các hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên cơ bản tại giảng đường, các trường đại học trong phạm vi khảo sát đã thiết kế chương trình đa dạng, phù hợp với các hình thức phong phú như tọa đàm, làm việc nhóm, xem video ngay tại lớp... để đổi mới giáo dục chính khóa, đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Bản thân sinh viên vốn năng động nên tiếp nhận sự thay đổi một cách thích thú. Hình thức giáo dục chính khóa thường chia ra hai phần: lý thuyết và thực hành, nên hoạt động thực hành trong giáo dục chính khóa đã diễn ra dưới nhiều hình thức sinh động, tránh tình trạng học chay, lý thuyết suông gây tâm lý căng thẳng, nhàm chán trong quá trình học tập VHCT. Các hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên cũng đổi mới theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ như tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các khoa đào tạo tiến hành giảng dạy VHCT cho cả lớp, đối tượng tiếp nhận kiến thức là toàn bộ sinh viên trong lớp học. Cũng có khi lớp ghép sinh viên đăng ký môn học theo nguyện vọng. Hình thức này thường sử dụng đối với sinh viên năm thứ nhất, thứ hai khi sinh viên đang học các môn chung, chưa học chuyên ngành.

Hình thức giáo dục chính khóa cũng được tiến hành song song với hoạt động ngoại khóa. Tại các trường đại học, “một hình thức khác đã được giảng viên áp dụng nhằm đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên hiện nay, đó là thay đổi không gian lớp học, tổ chức dạy học ngoài lớp. Một số tiết học đã được giảng viên tiến hành tại Phòng Truyền thống của nhà trường hoặc tại Trung tâm Thông tin khoa học – tức là Thư viện. Hình thức tổ chức dạy học chính khóa nhưng được tổ chức ngoài lớp thích hợp cho việc tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động gây hứng thú cho sinh viên, giúp

sinh viên tri giác và ghi nhớ tốt nội dung VHCT trong bài học”[PL2, PVS 8]. Trong khi cùng nhau tổ chức các hoạt động, sinh viên có cơ hội bộc lộ cá tính, sở trường, hình thành kỹ năng hợp tác, tương trợ nhau.

3.2.2. Kết hợp đa dạng các phương pháp, hình thức giáo dục

3.2.2.1. Kết hợp đa dạng các phương pháp giáo dục

Thực trạng đổi mới phương pháp giáo dục VHCT hiện nay cho thấy “các chủ thể giáo dục đã kết hợp đa dạng các phương pháp giáo dục, sáng tạo phương pháp mới phù hợp với nội dung và đối tượng, làm mới phương pháp giáo dục VHCT bằng cách tạo tính đối thoại có sự tham gia của đối tượng giáo dục”[PL2, PVS 5].

Trước hết, phương pháp *thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm* đã được thực hiện trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học. Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên là người cung cấp cơ sở lý luận về VHCT hoặc cung cấp nội dung, kết cấu bài giảng, sinh viên được chia theo nhóm nhỏ từ 3 đến 5 người. Mỗi nhóm được giao một nội dung VHCT, tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu thông qua các nguồn tư liệu khác nhau, thu thập thông tin, số liệu, hình ảnh... Nhóm sinh viên cùng nhau làm việc, phân tích nội dung, nhận xét, đánh giá nội dung, sau đó trình bày nội dung mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Các thành viên trong nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ định hướng, phần thuyết trình của giảng viên giúp neo chốt ý kiến thức cho sinh viên. “Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên sẽ kích thích vai trò chủ động của người học”[PL2, PVS 6], vì thế trong thực tiễn giảng dạy, nhiều giảng viên đã áp dụng tốt phương pháp *thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm* trong giáo dục VHCT cho sinh viên.

Giáo dục VHCT cho sinh viên theo cách *kết hợp thuyết trình với xử lý tình huống* cũng là một cách đổi mới phương pháp giáo dục VHCT đã được thực hiện. Xử lý tình huống là phương pháp dạy học tích cực, nhằm khắc phục tình trạng khi ra trường, sinh viên lúng túng, không giải quyết được tình huống trong thực tiễn, nhất là khi tham gia xử lý các tình huống liên quan đến điểm nóng chính trị. Khi sử dụng phương pháp tình huống, đội ngũ giảng viên đã chú trọng đến tính thời sự, tính thực tiễn để sinh viên không khó xử. Trong tình huống, giảng viên cung cấp đầy đủ các dữ liệu cần thiết như thời gian, địa điểm, những nguyên nhân phát sinh sự kiện, vấn đề liên quan đến VHCT như thiết chế chính trị, thể chính trị, thực tiễn chính trị... Giảng viên đã tạo ra các nhân vật, sự kiện, bổ sung thông tin để phục vụ cho mục tiêu giảng dạy của mình, nội dung tình huống phù hợp với trình độ của sinh viên và đặc thù của nhà trường. Khi lựa chọn tình huống, giảng viên đã lưu ý tới trình độ và kinh nghiệm của sinh viên, đưa ra tình huống phù hợp với năng lực sinh viên. Kết hợp thuyết trình với xử lý tình huống là “đổi mới phương pháp giáo dục vì đã thực hiện quan điểm lấy người học làm trung tâm, tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục. Bản chất của đổi mới phương pháp ở đây là tạo ra sự trao đổi, tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua các hành động cụ thể, giúp sinh viên tiếp thu nội dung kiến thức, rèn luyện kỹ năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. Thực tế trong hoạt động giảng dạy VHCT cho sinh viên, đội ngũ giảng viên đã thực hiện phương pháp này. Kết quả tương tác khá tích cực, sinh viên học tập hào hứng” [PL2, PVS 6].

Phương pháp thuyết trình kết hợp xử lý tình huống hiện đang được áp dụng phổ biến tại các trường đại học trong giáo dục VHCT, nhằm hình thành năng lực phân tích, ra quyết định xử lý của sinh viên. Sự đổi mới phương pháp này đã đem lại hứng khởi cho sinh viên và cho cả giảng viên giảng dạy VHCT tại các trường đại học trong phạm vi nghiên cứu của chuyên đề. Khi trả lời phỏng vấn sâu của NCS, một giảng viên đã khẳng định: “Trong thực tế

làm việc, chúng ta thường tiếp xúc với các tình huống có vấn đề, những khó khăn cần giải quyết. Nhưng khi học tập tại trường đại học, các sinh viên về cơ bản chỉ được dạy lý thuyết, ít có dịp thực hành, không có nhiều cơ hội xử lý các tình huống giống như trong thực tế, nên các em thiếu năng lực lồng ghép nhiều kiến thức, kỹ năng xử lý các tình huống của nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều vấn đề thực tiễn diễn ra không giống như lý thuyết các em được học trên giảng đường, nên nhiều sinh viên sau học tốt ở trường nhưng sau khi tốt nghiệp lại không tự tin trong xử lý tình huống thực tiễn. Vì vậy dạy học liên quan đến tình huống hiện đang được áp dụng phổ biến. Việc kết hợp các tình huống làm tăng tính thuyết phục và đẩy nhanh tốc độ hình thành năng lực nghề nghiệp của người học, được sinh viên đánh giá cao” [PL2, PVS 9].

3.2.2.2. *Kết hợp đa dạng các hình thức giáo dục*

Hiện nay, trong giáo dục chính khóa cho sinh viên, các trường đại học đã *tổ chức chia nhóm sinh viên để sinh viên tự nghiên cứu trước*, tạo điều kiện cho tất cả sinh viên đều được hoạt động tích cực. Thông thường, mỗi nhóm sẽ nghiên cứu một vấn đề cụ thể, kết quả làm việc của mỗi nhóm đóng góp vào kết quả chung của cả lớp về nội dung bài học. Ví dụ: giảng về đặc trưng VHCT Việt Nam, giảng viên thường chia nội dung theo diễn trình lịch sử. Các nhóm sẽ nghiên cứu về đặc trưng VHCT Việt Nam thời kỳ Văn Lang- Âu Lạc; đặc trưng VHCT Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc; đặc trưng VHCT Việt Nam thời kỳ độc lập tự chủ; đặc trưng VHCT Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc; đặc trưng VHCT Việt Nam thời kỳ có Đảng lãnh đạo.... Hoặc là giảng viên cho các nhóm sinh viên phân tích đặc trưng VHCT Việt Nam theo vùng văn hóa, gắn liền với đời sống chính trị tại các địa phương. Trong đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên, hình thức giáo dục này được sinh viên hứng thú, các kiến thức về VHCT được luận giải bởi thực tiễn, liên quan đến nhiều vấn đề chính trị mà bản thân sinh viên có điều kiện tiếp xúc trực tiếp, hoặc tiếp xúc mà chưa rõ bản chất, nên cần có sự trao đổi, thảo luận. Hình thức giáo dục nhóm

được tổ chức theo cách thảo luận một chủ đề; tìm hiểu nội dung một đề tài; xử lý một tình huống. Sau đó tiến hành kiểm tra chéo giữa các nhóm theo tiêu chí do giảng viên đưa ra để các nhóm bổ sung cho nhau về nội dung. Giảng viên là người neo chốt kiến thức để sinh viên ghi nhớ. Hình thức thảo luận nhóm được sinh viên đánh giá khác nhau giữa các trường: sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đánh giá hình thức này ở mức Rất hiệu quả và Hiệu quả là 61,49%; sinh viên Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn là 58,50%; sinh viên Trường Đại học Nguyễn Trãi là 52,34%; sinh viên Trường Đại học Đại Nam là 35,83% [PL1, câu hỏi 7].

3.2.3. Sáng tạo phương pháp, hình thức giáo dục mới, phù hợp với môi trường giáo dục

3.2.3.1. Sáng tạo phương pháp giáo dục mới

Trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT, các chủ thể giáo dục “không chỉ kế thừa có sáng tạo phương pháp truyền thống, mà còn sáng tạo ra các phương pháp mới, phù hợp với nội dung và đối tượng. Đó là các phương pháp giáo dục hiện đại với quan điểm lấy người học làm trung tâm, còn gọi là phương pháp giáo dục chủ động, phương pháp giáo dục tích cực, đề cao hoạt động của sinh viên trong tư duy, nhận thức, phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ” [PL2, PVS 1]. Hiện nay, sinh viên đang học môn VHCT với thời lượng khác nhau nhưng phương pháp giống nhau, đều phân bổ lý thuyết và thực hành. Đây chính là đổi mới phương pháp giảng dạy và cách đổi mới này đã được áp dụng, hiệu quả của nó đã được chứng minh.

Trong thực tế, các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên đã sử dụng nhiều phương pháp tích cực như *phương pháp đàm thoại* trong truyền giảng kiến thức cho sinh viên. Giảng viên căn cứ vào nội dung bài học VHCT, đặt ra câu hỏi cho sinh viên suy nghĩ. Ví dụ câu hỏi mà hiện nay sinh viên quan tâm là làm thế nào để nhận diện được quan điểm sai trái, thù địch, các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch là gì, giá trị của chủ nghĩa Mác-

Lênin trong bối cảnh hiện nay... Các giảng viên đã đặt câu hỏi và định hướng cho sinh viên để họ tự phân tích, tìm kiếm tri thức và củng cố tri thức VHCT.

Phương pháp nêu vấn đề cũng được các giảng viên áp dụng trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Giảng viên thường đưa ra một hệ thống vấn đề có tình huống gắn liền với nhau, hướng dẫn cho sinh viên suy nghĩ, trao đổi để tìm ra giải pháp giải quyết vấn đề. Trong quá trình đó, sinh viên hiểu biết được nội dung VHCT, xây dựng bài học. Phương pháp nêu vấn đề là một lối dạy học vận dụng khả năng sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức VHCT, phát triển khả năng sáng tạo trong việc học hỏi cũng như thực hành trong đời sống chính trị- xã hội. Vấn đề có tình huống kích thích sinh viên suy nghĩ và giải quyết, nhờ đó lĩnh hội kiến thức một cách vững chắc, phát triển năng lực tư duy, khả năng nghiên cứu và trao đổi, làm việc chung trong nhóm khi cùng nhau giải quyết vấn đề, giúp sinh viên có khả năng lập luận logic, tạo ra bầu khí học tập sinh động.

Phương pháp trực quan trong giáo dục VHCT cho sinh viên là sử dụng những phương tiện giáo dục trực quan, phương tiện kỹ thuật như bản đồ, tranh ảnh, video... giúp người học dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn cũng đã được áp dụng. Giảng viên trưng bày những đồ dùng trực quan và sử dụng chúng để trực quan hóa tri thức. Thông qua sự trình bày của giảng viên, sinh viên không chỉ lĩnh hội được tri thức mà còn học tập được những thao tác mẫu của giảng viên, hình thành kỹ năng cho mình. Những phương tiện giáo dục trực quan là chỗ dựa để sinh viên nhớ và hiểu sâu sắc kiến thức VHCT, phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ cho sinh viên, để sinh viên nắm chắc kiến thức.

Phương pháp nêu gương là cách giảng viên giáo dục VHCT cho sinh viên thông qua việc lấy một mẫu mực để người khác có hành động noi gương hay làm theo gương của mẫu mực đó; hoặc nêu một tấm gương xấu để sinh viên nhận thức rõ vấn đề. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, phương pháp

nêu gương sẽ truyền cảm hứng tích cực, hình thành niềm tin chính trị cho sinh viên. Vì thế phương pháp này cũng được các giảng viên khai thác, sử dụng để đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Những tấm gương sáng đã được giảng viên lồng vào nội dung giáo dục VHCT, tạo hứng thú cho sinh viên. Ví dụ tấm gương của các cán bộ y tế đã và đang ngày đêm làm việc, thầm lặng cống hiến góp phần quan trọng trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; tấm gương của những chiến sĩ trên mặt trận an ninh trật tự xã hội... Những tấm gương sáng tác động vào tình cảm, nhận thức của sinh viên, giúp sinh viên thay đổi cách nghĩ, cách học của mình. Những ví dụ về các đối tượng chống đối Nhà nước là những tấm gương xấu cũng được đưa vào trong bài giảng VHCT nhằm cảnh tỉnh sinh viên, giúp sinh viên nhận diện được các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, trang bị kỹ năng phòng, chống các tác động tiêu cực từ mạng xã hội.

Đội ngũ giảng viên các trường trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên cũng đã sử dụng *phương pháp tích hợp*, theo nguyên tắc hoạt động dạy kiến thức - kỹ năng - thái độ được tích hợp với nhau trong cùng một nội dung và hoạt động dạy học để hình thành và phát triển năng lực thực hiện hoạt động nghề nghiệp cho người học. Tại các trường đại học, phương pháp tích hợp được sử dụng khá phổ biến. Các trường đại học đã áp dụng “phương pháp mới, phù hợp với nội dung và đối tượng. Đó là các phương pháp giáo dục hiện đại với quan điểm lấy người học làm trung tâm, còn gọi là phương pháp giáo dục chủ động, phương pháp giáo dục tích cực, đề cao hoạt động của sinh viên trong tư duy, nhận thức, phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các giảng viên đã sử dụng phương pháp tích hợp trong giáo dục VHCT, năng lực của người học được tăng cường vì được thực hành, củng cố, tôi luyện và luôn được sự hỗ trợ từ giảng viên” [PL2, PVS1].

3.2.3.2. Sáng tạo hình thức giáo dục mới

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 khoá XI của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các

trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong phạm vi khảo sát của luận án đã chủ động kết hợp nhiều hình thức giáo dục theo phương châm của Đảng: “Chuyển từ chủ yếu học trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học” [37, tr.128-129].

Các trường đã sáng tạo nhiều hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên khác nhau, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Một hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên mà các trường đại học đã sáng tạo trong thời gian qua là lồng ghép nội dung VHCT vào các hoạt động thực hiện Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Các trường đại học đã sáng tạo nhiều hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên như tổ chức quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 14-KH/TW, ngày 25/3/2019 của Ban Bí thư thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã thành lập Ban Chỉ đạo, Bộ phận Thường trực, Nhóm cộng tác viên 35 của các đơn vị, đảm bảo thống nhất, hiệu quả trong hoạt động. Qua đó, đã tạo nên một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn trường, từ cán bộ, giảng viên đến học viên, sinh viên. Các khoa, phòng đã tổ chức nghiên cứu, nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống, phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động, các phần tử cơ hội chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giúp sinh viên nhận diện rõ hơn, sâu sắc hơn và đấu tranh một cách có hiệu quả đối với các quan điểm sai trái, thù địch, đặc biệt là trên không gian mạng. Sự lồng ghép các nội dung phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong các hội nghị, chương trình tập huấn đã “củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng” [9] trong sinh viên.

Các trường đã phát huy hiệu quả hoạt động của Tạp chí Khoa học, cổng thông tin điện tử của nhà trường, các trang mạng xã hội zalo, facebook,

youtube... mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, viết, đăng tải, chia sẻ thông tin, nội dung có chất lượng cao phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch để cán bộ, giảng viên và sinh viên có góc nhìn đúng đắn, khách quan, toàn diện, sâu sắc. Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị theo chuyên đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” để mỗi đảng viên học viên, sinh viên học tập, liên hệ theo từng chủ đề, tự xác định kế hoạch hoàn thiện bản thân, tạo sự lan tỏa trong nhà trường và toàn xã hội. Các trường đã tổ chức các hoạt động như tham quan, học tập trên mạng nội bộ, tổ chức các hội thi, hội thao, các hoạt động văn hóa văn nghệ,... tạo sự phong phú, hấp dẫn mọi sinh viên. “Các đơn vị giảng dạy trong nhà trường, đặc biệt là đối với các đơn vị, giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy VHCT đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch tích hợp lồng ghép nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào bài giảng của giảng viên. Theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường, của khoa, đơn vị chuyên môn, giảng viên xây dựng kế hoạch bài giảng cho từng chuyên đề môn học, có sự kiểm tra, đánh giá của lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo khoa và đơn vị chuyên môn để triển khai thực hiện. Việc thiết kế các nội dung tích hợp về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào bài giảng thông qua xây dựng mục tiêu bài giảng, kết cấu nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy, hoạt động giảng dạy trên lớp và tích hợp trong hoạt động kiểm tra, đánh giá” [PL2, PVS 7].

Các trường cũng chú ý công tác phát triển đảng trong sinh viên để giáo dục VHCT cho sinh viên. Chia sẻ của một giảng viên cho thấy: “Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học, tọa đàm trao đổi, tổ chức thảo luận trong khi giảng dạy các môn học về VHCT. Các giảng viên đưa ra những chủ đề liên quan đến nội dung Nghị quyết 35, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, bảo vệ đường lối đổi mới của Đảng, bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng. Những hoạt động này giúp cho sinh viên tăng cường nhận thức và kỹ năng khi tham gia các nền tảng mạng xã hội. Thực tế qua các hoạt động của nhà trường, có nhiều sinh viên tiến bộ nhanh, có sinh viên ngay từ năm thứ nhất đã bộc lộ sở trường và năng lực cá nhân, tích cực tìm hiểu các tri thức về VHCT, phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng”[PL2, PVS 5].

Đầu năm học, các trường đều thực hiện việc xây dựng kế hoạch giảng dạy VHCT, sinh hoạt chuyên đề cho toàn thể sinh viên với tên gọi “Tuần Sinh hoạt công dân - sinh viên”. Tuyên truyền về tình hình Việt Nam trong bối cảnh hiện nay; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên,... Các trường đã chỉ đạo tổ chức những chuyên đề như: “Những nghiên cứu mới về Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh”; “Xây dựng phong cách làm việc của đảng viên, viên chức, người lao động theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh”,... Triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động như: Tổ chức các lớp học chính trị để bồi dưỡng, nâng cao trình độ VHCT cho sinh viên; Tổ chức các đợt sinh hoạt Chi đoàn chủ điểm, sinh hoạt chính trị theo các chủ đề trong mùa hè xanh, Xuân tình nguyện; Câu lạc bộ Tiếng nói thanh niên trực thuộc các Đoàn trường; Câu lạc bộ Lý luận trẻ thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để tăng cường khả năng lý luận, phản biện xã hội cho đoàn viên, thanh niên.

Đội ngũ giảng viên, công chức, viên chức sử dụng facebook, zalo, youtube... như một phương tiện hữu ích để bày tỏ quan điểm, chính kiến, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch cũng là một cách đổi mới giáo dục VHCT cho sinh viên. Các trường đại học đã “đa dạng hóa các hoạt động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, triển khai linh hoạt có hiệu quả các các hoạt động bồi dưỡng chính trị, tư tưởng cho sinh viên. Tổ chức nhiều hoạt động để giúp sinh viên có cơ hội thể hiện năng lực của mình, tìm thấy sức hút của việc học các môn VHCT như tổ chức các tọa

đàm khoa học, hội thảo khoa học sinh viên. Các em viết tham luận và thắng thưởng trao đổi những ý kiến mà trong giờ học các em không có cơ hội thể hiện. Các nền tảng xã hội như facebook, zalo, youtube đã tạo điều kiện cho sinh viên chủ động chia sẻ với giảng viên, với cố vấn học tập những khúc mắc của mình về VHCT. Những đổi mới này trong hình thức giáo dục mới được sinh viên thích thú”[PL2, PVS 8].

Bên cạnh việc thực hiện hoạt động ngoại khoá theo kế hoạch mà nhà trường xác định, từng khoa đều tổ chức hoạt động ngoại khoá, giúp sinh viên tự giáo dục VHCT. Hiện nay, hình thức tổ chức hoạt động ngoại khoá rất đa dạng, phong phú, bao gồm các hình thức tọa đàm, trao đổi, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hội thao, hội thi... Ví dụ: Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có hình thức cho sinh viên tự giáo dục VHCT rất hấp dẫn, đó là thử nghiệm, thực thi và phát triển mô hình CLB Truyền thông Trẻ - mô hình truyền thông đồng đẳng với đội ngũ sinh viên có năng lực sản xuất sản phẩm số trên không gian mạng. Tạo ra phương thức truyền thông mới trên internet, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của giới trẻ trong nhận thức, hành vi về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cũng chính là tạo môi trường để sinh viên tự giáo dục VHCT cho bản thân. Những hoạt động sáng tạo này phù hợp với tâm lý sinh viên, nâng cao nhận thức về VHCT, lan toả những thông điệp ý nghĩa đến nhiều người.

3.2.4. Đánh giá chung về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian qua

3.2.4.1. Ưu điểm

Một là, phương thức giáo dục truyền thông đã được kế thừa có chọn lọc và sáng tạo, góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, phù hợp mục tiêu và nguyên tắc đổi mới mà luận án xác định trong chương 2. Báo cáo Tổng kết công tác sinh viên hàng năm của các trường đều khẳng định kết quả học tập, rèn luyện năm sau cao hơn năm trước của sinh viên. Như vậy,

“vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học có ý nghĩa rất quan trọng. Đổi mới không chỉ từ phương pháp, hình thức học tập trên giảng đường, mà còn qua các hoạt động ngoại khóa. Phong trào sinh viên các trường đại học tại Hà Nội được triển khai sâu rộng, hình thức hấp dẫn, nội dung phong phú, thu hút đông đảo sinh viên tham gia, hoạt động đó đã tạo ấn tượng sâu sắc trong sinh viên và lan tỏa rộng trong cộng đồng. Các cuộc vận động, các chương trình công tác lớn được triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả từ thành phố tới cơ sở, góp phần củng cố và xây dựng tổ chức Hội sinh viên, tạo sức hấp dẫn cho hình thức giáo dục VHCT đặc thù này trong các trường đại học” [PL2, PVS 4], trong đó có các trường trong diện khảo sát của luận án.

Hai là, phương thức giáo dục được sử dụng đa dạng, linh hoạt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục VHCT. Kết quả là “sinh viên Hà Nội có tinh thần yêu nước, tin tưởng và chấp hành đường lối, chủ trương, sự lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập với thế giới hiện nay, có phẩm chất đạo đức, tương thân tương ái giúp đỡ nhau, có tình nghĩa, cần cù, hiếu học, trung thực đoàn kết, lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động sáng tạo, tình nguyện vì cộng đồng. Nhiều sinh viên có lý tưởng cách mạng và ý chí phấn đấu cao, trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam” [20, tr.70]. Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa và đánh giá cao hình thức giáo dục này: sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền chọn phương án *Tham gia thường xuyên* và *Nhiều lần tham gia* với 93,09%, sinh viên trường Đại học Đại Nam là 92,08%; trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn là 87, 97%; trường Đại học Nguyễn Trãi là 54,04 % [PL1, câu hỏi 13].

Ba là, phương thức giáo dục được sáng tạo, kết hợp các phương tiện đồng bộ đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của sinh viên. Chia sẻ của một cán bộ quản lý công tác giáo dục chính trị - tư

tưởng cho sinh viên các trường đại học cho thấy kết quả giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học hiện nay được đánh giá tốt: “Tôi đánh giá tốt kết quả giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học hiện nay. Nhận thức chính trị của nhiều sinh viên đã được nâng cao, hành vi chính trị có nhiều chuyển biến tích cực. Sinh viên các trường đại học ở Hà Nội được giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, được trao truyền kiến thức về đường lối, chủ trương của Đảng, về pháp luật của Nhà nước nên họ có kiến thức chính trị- pháp luật cơ bản, có niềm tin vào Đảng và Nhà nước, tin vào con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Phần đông sinh viên có phẩm chất chính trị, có lập trường tư tưởng vững, có lối sống phù hợp với những đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn đời sống”[PL2, PVS1].

Bốn là, phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên được đổi mới về cơ bản đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, gắn liền với thực tiễn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng đối tượng và từng trường học, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp. Trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, các trường đã cơ bản đảm bảo nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học, để sinh viên tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức VHCT với sự tổ chức, hướng dẫn của giảng viên.

3.2.4.2. Hạn chế

Một là, phương thức giáo dục VHCT truyền thống cho sinh viên đã đổi mới nhưng chưa hiệu quả. “Cách truyền giảng của thầy cô vẫn mang tính kinh viện, không liên hệ với thực tiễn hoặc có liên hệ thì lại gắn với phong trào công nhân quốc tế, với lý luận văn hóa hay đường lối văn hóa của Đảng qua các thời kỳ lịch sử, sinh viên không thấy được tính hữu ích của bài học nên không muốn ghi nhớ hay tìm hiểu sâu” [PL2, PVS 8]. Có đến 75,21% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền lựa chọn câu trả lời *Không hứng thú* và *Hứng thú nhưng không nhiều* cho các môn Khoa học Mác- Lênin; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn là 68,52%; Trường Đại học Nguyễn

Trãi là 63,28%; Trường Đại học Đại Nam là 64,17%. Môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* cũng không tạo được hứng thú cho sinh viên [PL1, câu hỏi 5].

Hai là, một số phương pháp mới được sáng tạo nhưng áp dụng không đạt mục đích đặt ra. Ví dụ Lớp học đảo ngược có tên tiếng Anh là Flipped Classroom, là mô hình học tập ngược lại với mô hình học tập truyền thống. Trong mô hình này, sinh viên sẽ học bài trước khi lên lớp thông qua các video quay sẵn, tài liệu hỗ trợ mà giảng viên đưa trước trên phương tiện giáo dục, để sinh viên chuẩn bị câu hỏi, chủ đề thảo luận. Nhưng trong thực tế, sinh viên bị chi phối bởi vấn đề làm thêm, ngại tự học... nên phương pháp mới này chưa thực sự đạt hiệu quả mong muốn.

Ba là, một số hoạt động ngoại khóa và tự học của sinh viên chưa được triển khai hoặc triển khai chưa hiệu quả do vì phương tiện giáo dục đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, tính ứng dụng trong thực tiễn chưa cao, gây khó khăn cho quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Vẫn còn tình trạng thiếu các phương tiện giáo dục trực quan nên trong giáo dục VHCT cho sinh viên, giảng viên chủ yếu dừng lại ở việc soạn thảo nội dung trên công cụ tạo bài giảng, được tích hợp nhiều đa phương tiện từ hình ảnh, đồ họa, âm thanh, văn bản,... Người dạy sẽ sử dụng bài giảng kết hợp thiết bị có kết nối internet để giảng dạy cho người học. Nhưng nếu người học không có thiết bị kết nối internet thì không tham gia vào kênh cung cấp khóa học đó để theo dõi, không tự học được. Vì thế đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội và những vấn đề đặt ra hiện nay

3.3.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.3.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, quản lý: “Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đều quan tâm, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, cảnh

quan trường học, phương tiện phục vụ cho công tác giảng dạy... Trong khoảng 10 năm trở lại đây, phần lớn các trường đại học đều có sự thay đổi diện mạo rõ ràng. Giảng đường, thư viện khang trang, rộng rãi, hiện đại, khu thí nghiệm, thực tập được cải tạo. Số đầu sách, tạp chí, tài liệu số liên quan đến LLCT được bổ sung, đáp ứng khá đầy đủ. Đó là những điều kiện không thể thiếu đối với sinh viên học tập trung ở trường. Những điều kiện này tạo nên môi trường thuận lợi giúp cả giảng viên, sinh viên phấn khởi, tự tin, yên tâm học tập, công tác” [20, tr.74].

Hai là, các trường đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục VHCT, dù chưa đáp ứng yêu cầu của đổi mới. Hiện nay Học viện Báo chí và Tuyên truyền có hệ thống nhà làm việc hiện đại, khu giảng đường với trên 80% lớp học được trang bị máy vi tính, máy chiếu đa năng phục vụ tốt các hoạt động giáo dục. Trung tâm Thông tin - Khoa học gồm nhiều phòng chức năng với hàng ngàn đầu sách. Website của nhà trường phục vụ nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên. Nhà trường hiện có 3 phòng Hội thảo khoa học hiện đại, có 9 phòng máy vi tính phục vụ sinh viên thực hành tin học, ngoại ngữ; có 2 phòng chuyên biệt để sinh viên truy cập Internet, có 2 phòng diễn giảng thực hành nghiệp vụ cho giảng viên và sinh viên, 1 studio phát thanh và 1 studio truyền hình phục vụ chuyên ngành báo chí, các studio này thường xuyên được nâng cấp các thiết bị chuyên dụng, bổ sung các phương tiện hiện đại cho hoạt động dạy và học của Nhà trường.

Cơ sở vật chất của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn cũng được đánh giá là hiện đại, là nơi sinh viên có thể trao đổi vấn đề thắc mắc về học tập, đào tạo với nhà trường; có thư viện với đầy đủ tài liệu tham khảo để phục vụ cho sinh viên trong quá trình học tập. Trường Đại học Đại Nam đang có sự gia tăng nhanh chóng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo. Hệ thống tòa giảng đường GR2 được đầu tư xây dựng với các trang thiết bị hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu dạy và học của thầy trò và hoạt động chuyển đổi số.

Trường có mô hình khách sạn 3 sao, 4 sao và 5 sao dành cho sinh viên khoa Du lịch thực hành. Các khoa Y, Dược, Điều dưỡng, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Công nghệ thông tin, Đông phương học đều có phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành, phòng lab công nghệ cao, phòng học hiện đại theo chuẩn Nhật Bản. Nhà trường có Trung tâm thư viện sang trọng, tiện nghi với hơn 10.000 đầu sách. Trường Đại học Nguyễn Trãi cũng có hệ thống phòng học được đầu tư các trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất khang trang. Tất cả các phòng học đều được trang bị các phương tiện Media cao cấp, đầy đủ các thiết bị hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, hệ thống mạng máy tính đồng bộ, sử dụng các phần mềm được cung cấp bởi Microsoft.

Ba là, nhiều cán bộ, giảng viên tâm huyết với vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Họ là lực lượng nòng cốt làm nên thành công của đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT. Đội ngũ giảng viên trong nhà trường là nhân tố quyết định đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, họ là người tiên phong trong tiến trình đổi mới. Nhiều cán bộ, giảng viên không chỉ có kiến thức tổng hợp, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, mà còn có nhân cách tốt, trở thành tấm gương sáng cho sinh viên noi theo.

Bốn là, các trường đã bước đầu đổi mới phương tiện giáo dục, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin. Phương tiện hiện đại đa dạng, bao gồm các phương tiện kỹ thuật như phương tiện nghe - nhìn, các máy kiểm tra, máy dạy học như thiết bị ghi - đọc tiếng băng từ/máy ghi âm; thiết bị ghi hoặc ghi - đọc đĩa CD; thiết bị học ngoại ngữ, máy chiếu qua đầu; máy chiếu slide; máy chiếu vật thể; máy tính và mạng máy tính... đã được sử dụng. “Nhiều trường đại học đã từng bước chuyển từ truyền đạt tri thức thụ động thầy giảng, trò ghi sang phương pháp giảng dạy tích cực... Cùng với đó là các thiết bị dạy học như băng hình video, máy chiếu đa năng hỗ trợ cho các giờ học thêm hiệu quả, sinh động, hấp dẫn” [20, tr.76].

Các trường đã tổ chức dạy học trực tuyến, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục VHCT, xây dựng các công cụ hỗ trợ, kho tài liệu, học liệu trực tuyến

dùng chung, học liệu để thực hiện chương trình giáo dục. Các kho học liệu được đăng tải để sinh viên khai thác trên internet thông qua các nền tảng xã hội như website, zalo, youtube, facebook. “Các trường đại học ở Hà Nội đã có nhiều đổi mới trong việc sử dụng phương tiện giáo dục hiện đại như khai thác và sử dụng các phần mềm, linh hoạt trong sử dụng các ứng dụng hỗ trợ tích cực trong công tác giáo dục VHCT cho sinh viên. Ví dụ khi đại dịch Covid - 19 diễn ra, nhiều trường đã nhanh chóng ứng dụng Microsoft Teams để tổ chức dạy học online, các giảng viên đã khai thác lợi thế của công nghệ thông tin, sử dụng Google form để giao bài tập cho sinh viên và kiểm tra kết quả học tập của sinh viên. Các trường cũng đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch, xây dựng ngân hàng đề thi và đăng tải trên website của nhà trường để sinh viên nắm bắt, chủ động nghiên cứu nội dung từng chuyên đề, từng bài học. Những đổi mới tích cực này cần được tiếp tục nhằm đạt hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên” [PL2, PVS 1]. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện qua các công cụ dạy học trực tuyến theo thời gian thực như Microsoft Teams, Zoom, Webex, Google Hangouts Meet,... Một trong những phần mềm phổ biến hỗ trợ việc dạy và học là chương trình powerpoint, ngoài ra còn có Zoom, Microsoft Teams, Lecture market... cũng đã được ứng dụng.

3.3.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, một số cán bộ quản lý chưa chú trọng hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên, quan tâm hàng đầu của họ là đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học, coi trọng đào tạo nghề, coi nhẹ giáo dục đạo đức, nên vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT không thật sự được nhận thức đúng. Nhất là trong bối cảnh xã hội nhiều biến động như hiện nay, những tác động trái chiều của hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường định hướng XHCN đã khiến một số người không đánh giá đúng sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Hai là, chất lượng của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều. “Ngoài những nguyên nhân khách quan thì nguyên nhân chủ quan là phần nhiều

giảng viên chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng của đổi mới phương pháp dạy học hiện nay...một bộ phận giảng viên cho rằng trình độ của sinh viên bây giờ yếu, ý thức kém, sinh viên không thích học các môn LLCT, không thể vận dụng các biện pháp đổi mới nên cũng chỉ đọc chép, không rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy độc lập, tự chiếm lĩnh kiến thức và trang bị phương pháp học tập tốt...” [20, tr.78]. Nhiều giảng viên giảng dạy VHCT có “sự tách rời có tính phổ biến giữa dạy - học với nghiên cứu khoa học” [67, tr.30] như điều lo ngại của các nhà khoa học, gây khó khăn trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

Ba là, một số sinh viên không hứng thú với việc giáo dục VHCT, bởi vì họ không có nhu cầu học các môn này, hoặc vì cho rằng môn học trừu tượng khó hiểu, lý luận suông, không gắn với thực tiễn, học để thi hết môn chứ không có nhu cầu tích lũy tri thức. “Trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, mở cửa, hội nhập mạnh mẽ của đất nước và của thế giới, sự bùng nổ thông tin, mạng xã hội phát triển phát triển với nhiều chiều thuận, nghịch khác nhau, một bộ phận sinh viên chưa đủ tri thức và quan điểm tư tưởng chính trị; thiếu khả năng phân tích và luận giải những sự việc xã hội, chính trị phức tạp nên còn dao động, thiếu vững vàng. Hơn nữa, xã hội lại đang có nhiều sự việc gây tác động xấu như: tham nhũng, trọng án, tệ nạn xã hội, xuống cấp về đạo đức, lối sống khiến nhiều sinh viên dao động, hoang mang, khó định hướng” [20, tr.70-71]. Vì thế sinh viên không phối hợp với các chủ thể trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

3.3.2. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng đổi mới

3.3.2.1. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT là yêu cầu khách quan, tuy nhiên thực tế nhận thức về sự cần thiết phải đổi mới của các chủ thể chưa đồng bộ, chưa đầy đủ

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng định tiếp tục đổi mới giáo dục và đào tạo, “ Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và

các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc...”[39,t.1, tr.136-137]. Đổi mới phương thức giáo dục là một nội dung đổi mới giáo dục toàn diện, trong đó có đổi mới giáo dục VHCT cho sinh viên theo quan điểm của Đảng ta.

Việc đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên có vai trò quan trọng hàng đầu, quyết định hiệu quả giáo dục. Nhiều chủ thể giáo dục có nhận thức đúng: “vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học có ý nghĩa rất quan trọng. Đổi mới không chỉ từ phương pháp, hình thức học tập trên giảng đường, mà còn qua các hoạt động ngoại khóa... tạo sức hấp dẫn cho hình thức giáo dục VHCT đặc thù này trong các trường đại học”[PL2, PVS 4]. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT là để nâng cao chất lượng giáo dục VHCT, vì “giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục và công tác tư tưởng của Đảng. Thời gian qua, giáo dục VHCT cho sinh viên đã đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều sinh viên không chỉ học tốt, mà còn vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng ngay từ trên giảng đường. Tuy nhiên công tác giáo dục VHCT cho sinh viên tới đây cần được đổi mới. Đổi mới là quy luật khách quan, vì đất nước ta đang đổi mới đồng bộ và toàn diện để chủ động hội nhập quốc tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo cũng đang đổi mới căn bản để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay. Quá trình đổi mới đó đòi hỏi phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cũng phải được đổi mới toàn diện, sâu sắc”[PL2, PVS 2].

Tuy nhiên, thực tế nhận thức về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vẫn chưa đồng bộ, chưa đúng với yêu cầu thực tiễn. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, vẫn còn có chủ thể coi nhẹ phương thức giáo dục mà coi nặng nội dung, vì thế chưa tích cực trong đổi mới phương thức. Hoặc nhấn mạnh đến đầu tư phương tiện để đổi mới phương thức giáo dục VHCT, mà coi nhẹ việc kế thừa, cách tân các phương thức giáo dục truyền thống, hoặc chỉ

chú trọng sáng tạo ra phương thức mới nhưng lại không quan tâm đến kết quả thực hiện phương thức đó trong thực tiễn giáo dục VHCT cho sinh viên. Kết quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học vì thế chưa cao, khiến cho thực trạng đổi mới giáo dục chưa đạt mục tiêu: “ còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo... Một số nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo triển khai còn chậm; hệ thống trường lớp phân bố chưa hợp lý, một số nơi còn thiếu, xuống cấp. Cơ sở hạ tầng đại học ít được đầu tư, nhất là các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành... Việc đào tạo một số ngành nghề đặc thù còn khó khăn; chưa có cơ chế đặt hàng đào tạo đối với một số ngành, lĩnh vực, đối tượng” [39, t.1, tr.70].

Tại các trường đại học trong phạm vi khảo sát, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và đa phần giảng viên đã có nhận thức rõ ràng, tích cực về sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Tuy nhiên vẫn “ Có người còn cho rằng bây giờ là thời đại công nghệ thông tin, cứ sử dụng nhiều phương tiện hiện đại là phương pháp giáo dục đã đổi mới, bài giảng đã thu hút sinh viên rồi. Vì thực tế, sinh viên không quan tâm đến nội dung các môn kinh tế chính trị, triết học Mác-Lênin đâu” [PL2, PVS 8]. Thực tế đúng là có một bộ phận sinh viên không quan tâm đến đời sống chính trị, không quan tâm đến VHCT, nhưng không thể để “tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ì còn lớn” [39, t.1, tr.78]. Thực tế này đặt ra vấn đề cần giải quyết là thay đổi nhận thức của các chủ thể giáo dục, có nhận thức đúng và đủ về sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT thì mới có thể tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

3.3.2.2. Năng lực đổi mới của các chủ thể còn hạn chế trong khi quá trình đổi mới đặt ra yêu cầu cao, quyết tâm lớn

Nói đến chủ thể giáo dục là nói đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đội

ngũ giảng viên, cố vấn học tập.... nhưng trực tiếp là đội ngũ giảng viên giáo dục VHCT cho sinh viên. Các nhà khoa học cho rằng “Đội ngũ giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các nhà trường đều có sự nhận thức, quan tâm và tinh thần trách nhiệm với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên” [20, tr.75] nên họ có ý thức đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy nhiên, năng lực đổi mới của đội ngũ giảng viên còn hạn chế dẫn đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên chưa hiệu quả. Bởi vì “phần lớn giảng viên lý luận chính trị là nữ giới, khi bước vào độ tuổi 40, họ có tâm lý “ngại học”, tự hài lòng với việc phổ cập thạc sỹ. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo nâng chuẩn đầu vào nghiên cứu sinh cả về ngoại ngữ lẫn yêu cầu các công trình khoa học; nếu việc câu thúc, giám sát quá trình phấn đấu của giảng viên của các bộ phận chủ quản tại các trường lỏng lẻo thì việc tiếp tục nâng cao trình độ đạt học vị tiến sĩ của đội ngũ này sẽ rất khó khăn trong trong khoảng thời gian tới” [20, tr.77]. Hơn nữa trên thực tế, giảng viên đảm nhiệm dạy và đào tạo các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay vốn không phải tất cả được đào tạo từ trường sư phạm. Họ chưa được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm. Sau khi được tuyển dụng, tất cả đều được tham gia nhiều khóa/lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy cho người lớn, phương pháp giảng dạy tích cực....và đều có chứng chỉ. Tuy nhiên, hiệu quả của các lớp bồi dưỡng này chưa cao.

Có “một bộ phận giảng viên cho rằng trình độ của sinh viên bây giờ yếu, ý thức kém, sinh viên không thích học các môn lý luận chính trị, không thể vận dụng các biện pháp đổi mới nên cũng chỉ đọc chép, không rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy độc lập, tự chiếm lĩnh kiến thức và trang bị phương pháp học tập tốt” [20, tr.78]. Vì thế, các chủ thể giáo dục VHCT chưa thật quyết tâm trong đổi mới phương thức giáo dục; chưa sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giáo dục VHCT cho sinh viên, dù “đã kết hợp đa dạng các phương pháp giáo dục, sáng tạo phương pháp mới phù hợp với nội

dung và đối tượng, làm mới phương pháp giáo dục VHCT bằng cách tạo tính đối thoại có sự tham gia của đối tượng giáo dục”[PL2, PVS 5], nhưng chưa đổi mới căn bản, toàn diện.

Để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, giảng viên phải có vốn thực tiễn về đời sống chính trị. Kết quả là “số lượng giảng viên có được tư duy lý luận chính trị thực sự, có phương pháp giảng dạy tích cực không nhiều, có thể nói là rất ít ỏi. Những giảng viên trẻ, chưa có kinh nghiệm, chưa vững chuyên môn thì rất bối rối. Có người rơi vào tình trạng cháy giáo án; có người thì giới thiệu qua loa, đại thể; phần nào chưa kịp dạy cho sinh viên tự học, chưa nói đến hướng dẫn, quản lý phần tự học của sinh viên” [20, tr.79]. Đáng buồn là “Không ít giảng viên có biểu hiện tâm lý chán nản, buông lơi tâm huyết, lý tưởng nghề nghiệp; chỉ giảng dạy chiếu lệ cốt làm sao truyền đạt đủ nội dung tinh thần của giáo trình mà thiếu sự đầu tư, tìm tòi nghiên cứu để tự làm mới mình, thậm chí coi việc đi giảng chỉ là kể sinh nhai, vì “cơm áo gạo tiền”. Trong đó, có hiện tượng giảng viên bỏ giờ; tác phong, kỷ luật không chuẩn mực” [20, tr.80]. Những rào cản này là vấn đề cần được giải quyết, vì chúng ta “Rất cần đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, để tăng cường kỹ năng nói và viết cho sinh viên. Mà muốn nói tốt, viết tốt, phải có hiểu biết về VHCT. Để sinh viên yêu thích các môn VHCT, các thầy cô phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại, phải truyền lửa cho sinh viên bằng những giờ giảng ngày càng hấp dẫn” [PL2, PVS 7]. Nếu năng lực của các chủ thể giáo dục không đáp ứng yêu cầu, thì vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên khó đạt mục tiêu.

Năng lực đổi mới của giảng viên chưa cao vì tại các trường đại học, các chế độ liên quan đến tập huấn, thực tế của giảng viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy VHCT cho sinh viên chưa có hoặc chưa thỏa đáng, dẫn đến tình trạng dạy chay. Mỗi năm, giảng viên được

cấp 2 triệu/ người để đi thực tế, nguồn chi này quá eo hẹp, chính sách chưa tạo ra động lực thúc đẩy cả chủ thể và đối tượng giáo dục tích cực đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT, nâng cao chất lượng giáo dục VHCT. Điều đó tạo ra mâu thuẫn giữa nhu cầu, khát vọng cống hiến nhằm đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT của giảng viên, làm chậm quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay.

3.3.2.3. Thực tiễn đổi mới phương thức giáo dục chưa khoa học, trong khi yêu cầu đặt ra là đổi mới phải đồng bộ, gắn với chuyển đổi số trong giáo dục

Đảng ta chủ trương “Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới theo các mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Đa dạng hoá phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số” [39, t.2, tr.128]. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong môi trường chuyển đổi số hiện nay phải đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, gắn liền với thực tiễn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT phải gắn liền với đổi mới nội dung giáo dục, đổi mới chương trình giáo dục, phù hợp với từng đối tượng và từng trường học. Trong thực tế, nguyên tắc này chưa được áp dụng một cách triệt để. Trong trường đại học, vấn đề đổi mới phương thức giáo dục đã được áp dụng, nhưng đổi mới phương thức giáo dục VHCT với tính đặc thù vẫn chưa đồng bộ với đổi mới nội dung VHCT, chưa gắn liền với chuyển đổi số. Giáo trình và các sách tham khảo về VHCT chậm đổi mới, chậm số hóa, nội dung VHCT không cập nhật thì khó nói đến tính đồng bộ, tính hệ thống như một nguyên tắc đổi mới phương thức giáo dục. Đây là vấn đề khó, bởi tri thức VHCT là tri thức lý luận, cần có tổng kết thực tiễn thì mới đúc kết được, vì thế nhiều khi lý luận không khớp với thực tiễn chính trị. Nhưng cũng

vì thế mà những phương pháp hiện đại gặp khó khăn khi triển khai, vì sinh viên hoặc không biết hoặc không dám thể hiện quan điểm chính trị của mình.

Trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, có một nguyên tắc là phải lấy người học làm trung tâm. Thực tế tại các trường đại học, vấn đề giáo dục nội dung gì, phương thức nào vẫn chủ yếu do giảng viên lựa chọn và quyết định. Bởi vì như đã phân tích, một số giảng viên ngại đổi mới hoặc không đủ điều kiện để đổi mới nên đổi mới nửa vời, nghĩa là đổi mới từng phần, từng thời điểm, từng bài giảng theo ý chí chủ quan. Mặt khác, một số sinh viên cũng không hào hứng với việc học VHCT nên không tương tác, thúc đẩy giảng viên đổi mới phương pháp. Nhiều khi giảng viên đổi mới phương thức giáo dục VHCT chỉ vì nhà trường yêu cầu đổi mới, chứ không phải vì quyền lợi của sinh viên. Từ đó cho thấy phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học chưa trở thành nhu cầu bức thiết của cả chủ thể và đối tượng, vì sinh viên chưa được quyền yêu cầu và chọn lựa phương thức giáo dục VHCT phù hợp với mình.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo kế thừa có chọn lọc và sáng tạo. Nhưng trong thực tế, phương pháp, hình thức giáo dục truyền thống vẫn được sử dụng quá nhiều, dẫn đến tình trạng hạn chế hoạt động tích cực của sinh viên. Việc sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức giáo dục cũng như sử dụng các phương pháp, hình thức giáo dục mới nhằm phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo còn hạn chế, việc gắn nội dung giáo dục VHCT với các tình huống thực tiễn chưa được chú trọng. Vấn đề là các điều kiện khách quan và chủ quan đảm bảo cho quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu, nên đổi mới phương thức giáo dục chưa mang lại hiệu quả. Có giảng viên chú trọng đổi mới phương pháp bằng cách sử dụng tối đa phương tiện hiện đại, hoặc để sinh viên tự nghiên cứu, tự thảo luận mà không định hướng nội dung. Có thể nói,

phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay cần được tiếp tục đổi mới thì mới phù hợp với chuyển đổi số và thời đại công nghệ thông tin.

3.3.2.4. Đổi mới phương thức giáo dục cần đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện đầy đủ nhưng điều kiện hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề có ý nghĩa cấp bách cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên thực tế điều kiện để đổi mới phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu. Trước hết, điều kiện quan trọng góp phần đổi mới phương thức giáo dục VHCT hiện nay là cơ sở vật chất. Đầu tư cơ sở vật chất là điều kiện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục hiện đại, tạo thuận lợi cho quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Nhưng thực tế cho thấy những khó khăn về cơ sở vật chất còn nhiều, nhất là hạ tầng cơ sở, các phương tiện dạy học tại các trường đại học công lập còn thiếu vì kinh phí chủ yếu đến từ ngân sách Nhà nước. Đây là một trong những rào cản quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển của công nghệ thông tin đòi hỏi phương thức giáo dục phải đổi mới, phương tiện giáo dục phải phong phú, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ phải hoàn thiện, hiện đại và đồng bộ. Nhưng khó khăn lớn của nhiều trường đại học là nguồn tài chính không đáp ứng yêu cầu, tạo ra mâu thuẫn giữa nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục VHCT theo hướng hiện đại với sự bất cập của cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho quá trình đổi mới.

Thực tế ở Trường đại học Đại Nam sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển, đã có sự gia tăng nhanh chóng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo. Tổng diện tích đất là gần 9 ha xây dựng quần thể nhà trường, nhưng vì thiếu kinh phí nên phải chia thành nhiều giai đoạn để xây dựng. Sau lễ động thổ ngày 10/1/2021, dự án xây dựng quần thể Đại học Đại Nam giai đoạn 2 chính thức được triển khai với tổng vốn đầu tư 1.800 tỷ đồng. Với dự án đã được TP Hà Nội phê duyệt, Trường Đại học Đại Nam sẽ tập trung xây dựng thêm Hệ thống

giảng đường; Nhà Hiệu bộ; Hệ thống nhà xưởng thực hành - thí nghiệm; Thư viện; Nhà thể thao đa năng; Hệ thống ký túc xá gồm KTX1 và KTX2; hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp thoát nước, bãi đỗ xe, cảnh quan cây xanh...Dự kiến, quần thể Đại Nam sẽ hoàn thành vào năm 2025 – 2027.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền dù được xây dựng hiện đại, trang bị đầy đủ các tiện nghi đảm bảo phục vụ các yêu cầu làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhưng cơ sở vật chất vẫn còn khiếm khuyết. Nhà học chính B1 (06 tầng) được đưa vào sử dụng từ năm 1995, khi đó hình thức đào tạo theo tín chỉ chưa được áp dụng. Vì thế cấu trúc của nhà B1 phù hợp với hình thức, phương pháp giáo dục truyền thống, không phù hợp với việc triển khai các phương pháp giáo dục mới với sự hỗ trợ của phương tiện hiện đại. Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện được đầu tư, nhưng diện tích nhỏ, thư viện số, thư viện điện tử hoạt động với số lượt truy cập chưa cao. Năm 2020 thư viện số có 1.816.157 lượt truy cập, thư viện điện tử có 1.946.170 lượt truy cập, đây chưa phải con số đáng mừng.

Các trường đại học có tầm nhìn và sứ mệnh, nhưng quá trình phát triển không phải ngay một lúc, vì rào cản lớn là thiếu kinh phí để đầu tư xây dựng. Cơ sở vật chất không đáp ứng nhu cầu sử dụng, thì vấn đề đầu tư phương tiện hiện đại để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cũng gặp khó khăn. Phương tiện giáo dục dù đã được quan tâm nhưng vẫn chủ yếu mới chỉ là những đồ dùng thiết bị, dụng cụ trực tiếp để giảng dạy và phục vụ trong việc học tập cho nhà trường như thiết bị ghi - đọc tiếng băng từ/máy ghi âm, thiết bị ghi hoặc ghi - đọc đĩa CD, máy chiếu qua đầu, máy chiếu phim slide, máy tính và mạng máy tính, những thiết bị kỹ thuật phục vụ các hoạt động của nhà trường như máy in, máy tính, máy photocopy, máy ảnh,... Các thiết bị điện tử hiện đại, thông minh để đổi mới phương thức giáo dục VHCT đã được sử dụng nhưng phương tiện còn thiếu, như máy chiếu hình đa phương tiện, máy chiếu phản quang...Thiếu những phương tiện mới nhất, công nghệ cao

đó, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên gặp trở ngại, nhất là trong xu thế chuyển đổi số hiện nay. Đây là một thách thức không nhỏ đối với các trường đại học vì cần chi phí đầu tư, cần chuyên gia đáp ứng yêu cầu công nghệ cao. Vì thế yêu cầu đặt ra là cần thỏa mãn các điều kiện đảm bảo cho đổi mới phương thức giáo dục VHCT hiệu quả.

Tiểu kết chương 3

Đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục VHCT là một trong những vấn đề trọng tâm ở các trường đại học ở thành phố Hà Nội, đặc biệt đối với các trường đại học tiêu biểu trong phạm vi nghiên cứu của luận án.

Luận án đã nghiên cứu các yếu tố tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, đó là tình hình văn hóa xã hội của Thủ đô, là môi trường giáo dục của các trường đại học, đặc trưng của sinh viên và biểu hiện VHCT của sinh viên. Thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học ở thành phố Hà Nội được nghiên cứu theo các tiêu chí đã xác định trong chương 2 của luận án, khi bàn về cơ sở lý luận chung. Đó là kế thừa có sáng tạo phương pháp, hình giáo dục truyền thống; kết hợp đa dạng các phương pháp, hình thức giáo dục; sáng tạo phương pháp, hình thức giáo dục mới, phù hợp với môi trường giáo dục trong giáo dục VHCT cho sinh viên.

Luận án đánh giá chung về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trên hai phương diện: ưu điểm và hạn chế. Luận án ghi nhận thành công cơ bản trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, chỉ ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến thành công đó để các trường đại học tiếp tục phát huy. Đồng thời luận án cũng nhận thấy đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên còn một

số hạn chế cần khắc phục. Luận án đã phân tích hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên của các trường đại học, nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết. Đó là những mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu của đổi mới và khả năng thực hiện yêu cầu đó. Những phân tích trong chương này sẽ là cơ sở để luận án đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới trong chương sau.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỜI GIAN TỚI

4.1. Quan điểm tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội

4.1.1. Tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên phải gắn liền với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học

Điều 2, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 đã xác định rõ: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [87]. Như vậy, mục tiêu giáo dục đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế như Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định: “nguồn lực con người là quan trọng nhất” [39, t.2, tr.323-324]. Quan điểm của Đảng xác định rõ: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với

khu vực và thế giới” nhằm “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [39,t.2, tr.329-330]. Quan điểm này nhất quán với tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người cho rằng: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [53, t.12, tr.8], vì thế rất cần đẩy mạnh giáo dục nói chung, giáo dục VHCT nói riêng cho sinh viên các trường đại học hiện nay, nhất là sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội. Bởi vì đổi mới phương thức giáo dục VHCT chính là thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Đảng ta nhận định: “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” [39, t.2, tr.320]. Điều này đặt ra cho chúng ta vấn đề cần đổi mới để đảm bảo “tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học”[87].

Theo nội dung Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo “gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh;.. xây dựng xã hội học tập nhằm tạo cơ hội để mọi người được tiếp cận giáo dục, được học tập ở mọi trình độ, mọi hình thức, học tập suốt đời”, vì thế “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” [87]. Tính chất nền giáo dục Việt Nam đã khẳng định vai trò của giáo dục VHCT, đó là “nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy

chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng” [87]. Đây là cơ sở để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

4.1.2. Tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị phải gắn liền với đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Đổi mới công tác giáo dục, đào tạo một cách toàn diện, đồng bộ là chủ trương chiến lược của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Vì thế, thời gian tới các trường đại học cần chủ động, quyết liệt và sáng tạo trong tổ chức, triển khai thực hiện đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên gắn với đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giáo dục VHCT cho sinh viên, có tác động mạnh mẽ đến nhận thức và hành vi của sinh viên. Các trường đại học phải luôn chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, gắn liền với hoạt động giáo dục VHCT. Vì thế, đổi mới phương thức giáo dục VHCT phải gắn với đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, để hai hoạt động tương hỗ cho nhau, cùng góp phần xây dựng VHCT cho sinh viên, xây dựng nhân cách cho đối tượng đặc biệt này để họ gánh vác trọng trách trước Tổ quốc, trước nhân dân.

Thời gian qua, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên trong các trường đại học đã đạt nhiều kết quả tích cực. Bên cạnh đó, công tác này trong sinh viên vẫn còn một số hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Ngay trong đội ngũ Đảng viên cũng còn có một bộ phận “... phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, sống thực dụng; suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật. Nhận thức về Đảng, động cơ phấn đấu vào

Đảng của không ít đảng viên chưa đúng, không trong sáng” [23]. Những hạn chế đó đã tác động không tốt đến nhận thức chính trị, đến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên. Vì thế đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên nhất định phải gắn liền với đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên. Chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho sinh viên trước những vấn đề phát sinh; đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống cho sinh viên. Vì công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên là hoạt động truyền bá và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn học tập và cuộc sống của sinh viên, để sinh viên tự hoàn thiện mình.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT phải gắn với cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong bối cảnh hiện nay. Đó cũng chính là tinh thần chỉ đạo từ Nghị quyết 35- ngày 22/10/2018 của Bộ chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Vì đổi mới phương thức giáo dục VHCT sẽ nâng cao chất lượng giáo dục VHCT, nội dung VHCT sẽ thấm thấu vào tâm thức, giúp sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng nhận biết các quan điểm sai trái, các thông tin xuyên tạc, bịa đặt, công kích vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống phá Nhà nước và Đảng ta. Trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, tri thức về sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh hiện nay cần được vận dụng để sinh viên ngày càng nhận thức rõ hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH của nước ta, chủ động và tích cực trong cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

4.1.3. Phải đảm bảo tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo trong đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải đảm bảo tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo. Trong bối cảnh ngành giáo dục bị tác động rất lớn bởi dịch Covid-19, hoạt động giáo dục đã đổi mới từ tư duy đến hành động, từ nội dung đến phương thức, từ gia đình đến nhà trường và toàn xã hội trên cơ sở sáng tạo, kế thừa và phát triển. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện phòng, chống dịch, tiến hành điều chỉnh chương trình dạy học, thi tốt nghiệp, tuyển sinh, điều chỉnh nội dung dạy học các cấp. Phương thức giáo dục chưa có tiền lệ được khai sinh, đó là dạy học trực tuyến, buộc các trường đại học đổi mới phương thức truyền thống, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Các trường đại học đã chủ động thiết kế chương trình dạy học trực tuyến, khai thác và tổ chức dạy học qua mạng, thực hiện số hóa nội dung bài học, tích cực chia sẻ dữ liệu, bài dạy học trên mạng. Sinh viên đã tạo được nếp học tập trực tuyến, học tập qua truyền hình. Giáo dục đại học đang tìm thấy cơ hội để thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục, đó là cơ sở để tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà.

Phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cũng được đổi mới trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo, tính đa dạng: thuyết trình vẫn được tiến hành nhưng là hình thức trực tuyến, đối thoại vẫn diễn ra nhưng qua phương tiện hiện đại, nhờ lợi thế của công nghệ thông tin, mang lại kết quả tích cực trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Điều này đang minh chứng cho sự cần thiết phải đổi mới phương thức giáo dục, minh chứng cho quy luật phát triển của giáo dục trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, khẳng định tính tất yếu của đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên mà vẫn đảm bảo tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo. Phương thức giáo dục hiện đại đặt ra yêu cầu nhà giáo dục phải

quan tâm và khai thác lợi thế của công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội để kết nối giữa nhà giáo dục với sinh viên, kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là phải quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, quản lý các hoạt động giáo dục, dùng mạng xã hội như facebook, zalo,... để dạy học, trao đổi, chia sẻ thông tin, thực hiện họp, dạy học, trao đổi trực tuyến bằng các phần mềm, các ứng dụng hiệu quả. Đổi mới theo lộ trình, nhưng vẫn đảm bảo tính hệ thống. Tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cần được thể hiện trong các hoạt động ngoại khóa. Các mô hình như Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho đến nay vẫn thu hút đông đảo giới học sinh, sinh viên, giáo viên tham gia phần nào cho thấy hiệu quả trong đổi mới phương thức giáo dục. Các phong trào hành động cụ thể, lấy môi trường thực tiễn để vun đắp những giá trị tốt đẹp và phát hiện, tuyên dương nhân rộng các gương tiêu biểu trong sinh viên cần được đẩy mạnh hơn nữa cũng là cách đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Đổi mới sáng tạo và khoa học phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên nghĩa là đổi mới việc dạy và học theo hướng tăng cường tính tương tác với người học, tăng cường kiến thức thực tế, đa dạng hóa phương pháp truyền đạt nội dung, cải tiến cách ra đề và thi hết các môn VHCT. Các trường đại học cần tiếp tục tăng cường và nâng chất việc quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; nâng cao chất lượng giảng dạy các môn VHCT; duy trì và thường xuyên tổ chức các buổi thông tin thời sự để phổ biến kịp thời những vấn đề chính trị - xã hội nổi bật trong nước và quốc tế, giúp định hướng nhận thức, hướng dẫn hành động cho cán bộ, đảng viên, giảng viên và sinh viên. Việc triển khai có hiệu quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể giáo dục, phải đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với đặc

điểm của sinh viên như quan điểm của Hồ Chí Minh: “Việc cốt yếu là phải làm cho người học hiểu thấu vấn đề. Nhưng hiểu thấu cũng có nhiều cách: có cách hiểu thấu thật tỉ mỉ, nhưng dạy theo cách đó thì phải tốn nhiều thì giờ. Trái lại cũng có cách dạy bao quát mà vẫn làm cho người học hiểu thấu được” [53, t.6, tr.357-358]. Cần đề cao phương pháp hướng dẫn thực hành, vì lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phải dùng thực tiễn để kiểm nghiệm, đánh giá tính khoa học của lý luận.

4.1.4. Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên phải gắn với xây dựng môi trường văn hóa và định hướng phát triển của đất nước nói chung, Thủ đô Hà Nội nói riêng

Môi trường văn hóa là yếu tố quan trọng, tác động đến nhân cách con người, hình thành lối sống, nếp sống chuẩn mực. Vì thế, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội phải gắn với xây dựng môi trường văn hóa, gắn với định hướng phát triển của đất nước và của Thủ đô.

Văn hoá gia đình đã được quan tâm, các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống được kế thừa, phát huy trên cơ sở tiếp thu, thừa hưởng những giá trị mới và tiến bộ của gia đình hiện đại. Môi trường văn hoá học đường cũng có nhiều thay đổi, nhà trường là một thiết chế văn hóa, nơi sinh viên đến học để biết, học để làm việc, học để chung sống, học để khẳng định mình. Trong xã hội Việt Nam, đời sống văn hoá đang được xây dựng, văn hóa cộng đồng ngày càng phát triển, tạo thành môi trường văn hoá xã hội tiến bộ, tạo chuyển biến tích cực trong xây dựng, phát triển con người Việt Nam; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên phải gắn với xây dựng môi trường văn hóa, vì môi trường văn hóa tích cực sẽ tác động tích cực đến giáo dục VHCT, đến nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên, đến

các điều kiện đổi mới như chủ thể, nội dung, phương tiện ... giáo dục VHCT. Hiện nay, cuộc cách mạng lần thứ 4 đang tác động đến mọi mặt của cuộc sống. Lĩnh vực giáo dục cũng chịu tác động từ đó, vì cách mạng công nghiệp lần thứ 4 gắn liền với khoa học công nghệ, gắn với chuyển đổi số trong giáo dục, tạo cơ hội đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Giảng viên có thể tiếp cận với thư viện số, truy cập nhiều trang web tài liệu cần thiết cho nội dung VHCT, truy xuất nội dung những tác phẩm kinh điển...Phương thức giáo dục sẽ đổi mới nhờ lượng thông tin sinh động và phong phú, nhờ khả năng liên kết và chia sẻ thông tin.

Luận án nghiên cứu về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, vì thế không thể không gắn với định hướng phát triển Thủ đô vì đây là yếu tố tác động lớn đến đổi mới. Với sự hiện diện của rất nhiều trường đại học nổi tiếng, Hà Nội trở thành trung tâm giáo dục quan trọng, thành nhân tố căn bản để có cơ chế đột phá nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô. Việc tiếp cận những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại và chuyển giao công nghệ kích thích chủ thể giáo dục đổi mới tư duy, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động giáo dục. Khi môi trường văn hóa Thủ đô phát triển, các trường đại học ở thành phố Hà Nội có nhiều thuận lợi để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII của Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 khẳng định: “Đến năm 2045, Hà Nội có chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, bền vững; là thành phố kết nối toàn cầu, có sức cạnh tranh quốc tế, GRDP/người đạt trên 36.000 USD” [93, tr.202-203]. Đảng bộ thành phố Hà Nội cũng đã xác định 5 nhiệm vụ quan trọng, trong đó có “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập

quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô” [93, tr.206]. Như vậy, Hà Nội sẽ trở thành trung tâm phát triển về mọi mặt. Đổi mới sáng tạo đang trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của các trường đại học, để nâng cao vị thế và kiến tạo giá trị mang bản sắc Thủ đô, đóng góp cho sự phồn thịnh của xã hội. Đây là lợi thế lớn cho các trường đại học trên địa bàn xây dựng các giải pháp có tính khả thi nhằm đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong thời gian tới.

4.2. Giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội

4.2.1. Nhóm giải pháp về chủ thể giáo dục

4.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các chủ thể giáo dục

Trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục có vai trò lớn, vì tư duy đổi mới của những người lãnh đạo, chỉ đạo các cấp sẽ tác động trực tiếp và trước hết tới chất lượng, hiệu quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các trường đại học đã cho thấy, ở đâu, nơi nào cấp ủy đảng và lãnh đạo nhận thức không đầy đủ về tầm quan trọng của đổi mới phương thức giáo dục VHCT, thì hiệu quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT nơi đó không như mong đợi. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phạm vi được phân cấp, các cấp ủy, các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên cần đổi mới tư duy để có thể nhận thức và quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quy định về tăng cường giáo dục VHCT và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban Tuyên giáo các cấp; Thành ủy Hà Nội; Đảng ủy Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội... cần tăng cường vai trò của mình, căn cứ vào tình hình cụ thể của hoạt động giáo dục VHCT để ra nghị quyết lãnh đạo tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT tại các trường đại học ở thành

phổ Hà Nội cho sát thực tiễn, thường xuyên kiểm tra, giám sát và tổng kết việc đổi mới phương thức giáo dục VHCT để điều chỉnh nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động này kịp thời. Các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên cần đổi mới tư duy trong quản lý, xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền và cùng phối hợp theo mô hình các bên liên quan. Cần xác định rõ ai là chủ thể trực tiếp, ai là chủ thể tham gia để cùng phối hợp theo trục dọc mang tính hệ thống hay trục ngang của sự tương tác. Trong quá trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý cần thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhau và với đội ngũ giảng viên ở các trường trong tất cả các khâu, các mặt liên quan đến giáo dục VHCT. Cần thường xuyên trao đổi với giảng viên giảng dạy VHCT để rút kinh nghiệm, uốn nắn kịp thời trong triển khai đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định rất rõ: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng... Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng dao động.” [39, t.1, tr.33]. Đây cũng là vấn đề đã được ghi nhận trong Đề án Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng ngày 28/8/2015 số 1501/QĐ của Chính phủ. Theo đó, đổi mới phương thức giáo dục VHCT là nội dung quan trọng trong giáo dục đại học, để sinh viên học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện Chỉ thị số 23 CT-TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư. Sinh viên sẽ có kỹ năng tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trên

sách, báo, tạp chí, trên Internet, chọn lọc thông tin chính thống, khai thác không gian mạng như một công cụ hữu ích, biết đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị.

Về phía các trường đại học, Đảng ủy, Ban Giám hiệu không chỉ lãnh đạo, chỉ đạo, mà công tác quản lý cần được tăng cường. Trong số cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ở các khoa, bộ môn có trách nhiệm giáo dục VHCT cho sinh viên, có người chưa thật sự hết mình vì nhiệm vụ với công việc, chưa thật sự vì sinh viên mà chủ động đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên liên quan đến giáo dục VHCT cho sinh viên vẫn còn hạn chế về năng lực so với yêu cầu, không phải ai cũng có trình độ cao cấp LLCT, có khả năng nghiên cứu khoa học và phương pháp sư phạm. Vì thế trong thời gian tới, nếu muốn đổi mới hiệu quả phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, công tác tổ chức quản lý của các trường đại học cần tiếp tục được đổi mới.

Xây dựng bộ tiêu chí là nội quy, là cơ sở pháp lý quan trọng để các trường đại học tuyển chọn và đánh giá đối với từng nhóm cán bộ, giảng viên cụ thể; xây dựng và kiện toàn đội ngũ của mình, tiến hành công tác tổ chức cán bộ từ việc phát hiện, tuyển dụng đến kế hoạch bồi dưỡng, đánh giá, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm... Công tác tổ chức cần thực hiện chính sách đối với các đối tượng liên quan một cách khách quan, công bằng và hiệu quả nhằm động viên đội ngũ cán bộ, giảng viên tích cực đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Công tác tổ chức cũng cần tăng cường giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện đổi mới của các lực lượng tham gia giáo dục VHCT cho sinh viên để kịp thời điều chỉnh nếu lệch chuẩn, khen thưởng kịp thời những người có thành tích và xử lý kỷ luật nghiêm những người không đảm bảo tiêu chuẩn, nhất là về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống.

Các trường đại học cần tổ chức xây dựng và thực hiện mô hình mới về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên ở Hà Nội hiện nay. Trong đó nhấn mạnh về các biện pháp thúc đẩy đổi mới phương pháp nêu vấn đề là trung tâm và sắp xếp thứ tự ưu tiên thúc đẩy đổi mới trong mô hình mới như: sử dụng đồ dùng trực quan, đàm thoại, thảo luận nhóm, phát vấn, nêu gương...

4.2.1.2. Nâng cao nhận thức và năng lực đổi mới cho đội ngũ giảng viên

Trong giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của hoạt động, nhưng đội ngũ giảng viên vẫn có vai trò lớn. Họ là người định hướng, tư vấn, giúp đỡ cho sinh viên, là nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Trong các trường đại học, giảng viên VHCT là nhà giáo dục, nhà khoa học, nhà chính trị, nhà tuyên truyền, tham gia đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng để chống lại các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên chính là những chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên nên chính họ phải hiểu đúng, hiểu sâu sắc và toàn diện nội dung chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để thực hiện hoạt động giáo dục, truyền đạt tri thức về VHCT cho sinh viên. Kiến thức khoa học chuyên sâu là điều kiện cơ bản nhất để giảng viên thực hiện chức năng giáo dục của mình, không giảng dạy sai hay nông cạn về nội dung, vì nội dung là lõi của phương thức giáo dục. Vì vậy, trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, giảng viên phải hiểu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học, lập trường, tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cần hiểu biết thấu đáo về lý luận và thực tiễn chính trị trong nước và thế giới; cần nắm vững các quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng để phân tích, chứng minh và có quan điểm chính kiến rõ ràng.

Thứ hai, mục đích của việc giáo dục VHCT cho sinh viên không phải là bắt họ học thuộc lòng những tri thức, mà là trang bị cho họ quan điểm đúng đắn và phương pháp biện chứng duy vật, vì thế giảng viên cần chú trọng đổi

mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Việc đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp và tăng cường sử dụng phương tiện trong giáo dục VHCT tại các trường đại học là tất yếu, khách quan vì chúng ta đang đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục. Nhưng trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT, giảng viên cần phải kế thừa có chọn lọc giá trị tích cực của phương thức cũ, kiên quyết gạt bỏ những phương pháp, hình thức lỗi thời, sáng tạo phương pháp mới đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới hiện nay. Không thể bảo thủ nhưng cũng không được chạy theo thành tích trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

Thứ ba, giảng viên phải có năng lực nghiên cứu khoa học, nếu không nghiên cứu khoa học thì giảng viên khó có thể phát triển nội dung VHCT trong hoạt động giảng dạy, bởi vì lý luận về VHCT được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn chính trị- xã hội, kết hợp với nghiên cứu lý luận và đúc kết kinh nghiệm từ nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống. Đội ngũ giảng viên các trường đại học cần tăng cường nghiên cứu khoa học để bổ sung, phát triển VHCT cho phù hợp với thực tiễn, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, hoàn thiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, hoàn thiện thể chế chính trị Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng hiện nay, đội ngũ giảng viên phải tăng cường nghiên cứu VHCT, để thực thi nhiệm vụ đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

Thứ tư, giảng viên phải trau dồi phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, vì như thế mới sử dụng tốt phương pháp nêu gương trong giáo dục VHCT cho sinh viên, mới tạo được niềm tin từ sinh viên. Khi đó, các phương pháp giáo dục hiện đại mới được áp dụng một cách hiệu quả. Phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng giúp giảng viên có bản lĩnh chính trị và kỹ năng, chủ động giải quyết mọi vấn đề liên quan đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Giảng viên VHCT phải có lòng đam mê, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, mới tìm tòi sáng tạo để đổi mới, nâng cao trình độ VHCT, tích lũy tri thức về môn khoa học chuyên ngành mà mình giảng dạy.

Thứ năm, muốn đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, giảng viên phải có nghiệp vụ sư phạm, có kỹ năng giáo dục. VHCT là tri thức chuyên ngành, nhưng lại mang tính tổng hợp, khái quát và trừu tượng, nếu giảng viên chọn phương pháp an toàn là chuyển hóa kiến thức từ giáo trình đến sinh viên, giờ học không hứng thú. Nghiệp vụ sư phạm của giảng viên là năng lực đặc biệt, giúp giảng viên gắn lý luận với thực tiễn, nghệ thuật hóa bài giảng. Lý luận trong lĩnh vực VHCT mà không áp dụng vào thực tiễn cuộc sống để minh chứng thì chỉ là lý luận suông, không thuyết phục được sinh viên. Trong mỗi bài học, phải thể hiện tính thực tiễn xã hội sinh động, vì học tập VHCT là cốt để áp dụng vào thực tiễn chính trị. Giảng viên phải thường xuyên đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho phù hợp với yêu cầu của chính sinh viên. Dạy học đại học hiện nay đặt ra yêu cầu rất cao về trình độ của giảng viên, đó là người dạy phải biết tổ chức dạy học, biết dạy cho sinh viên cách học, giúp sinh viên nhận thức được vai trò của VHCT và tầm quan trọng của đổi mới phương thức giáo dục VHCT.

4.2.1.3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị trong nhà trường

Các tổ chức như Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong các trường đại học có chức năng nhiệm vụ khác nhau, nhưng điểm chung là đều thu hút, tập hợp, vận động, giáo dục và tổ chức các phong trào cách mạng cho sinh viên trong nhà trường, đều là chủ thể phối hợp trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Trong trường đại học, Đoàn Thanh niên chịu sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường, tham mưu đề xuất với Đảng bộ những vấn đề liên quan đến sinh viên và giáo dục VHCT cho sinh viên; tuyên truyền bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội Sinh viên, định hướng về chính trị, tư tưởng cho hoạt động của Hội Sinh viên.

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong các trường đại học cần tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong sinh viên, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, sức lực, tinh thần xung kích, sáng tạo, tình nguyện, khơi dậy tiềm năng

của sinh viên trong thực tiễn chính trị cũng là cách đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cần tăng cường định hướng sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập, tự tổ chức học tập phù hợp và có tính khoa học. Thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, tổ chức các buổi báo cáo khoa học, chuyên đề do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức, giúp sinh viên nhận thức đúng về quy trình đổi mới phương thức giáo dục VHCT để tích lũy tri thức VHCT, để khi sinh viên ra trường mới có thể đáp ứng yêu cầu của xã hội xã hội.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong trường đại học cần định hướng cho sinh viên hiểu đúng về vai trò của VHCT trong hoạt động thực tiễn, tổ chức các buổi chuyên đề với sinh viên về mục tiêu đào tạo các chuyên ngành và nhu cầu của xã hội về VHCT để sinh viên định hướng đúng hơn, chủ động phối hợp với các chủ thể trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Tổ chức các hoạt động thực tế, các đợt tham quan nhằm rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết với thực tế, giúp cho sinh viên có những thông tin thực tiễn chính trị; trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm, các kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên tự tin sử dụng phương tiện hiện đại trong học tập, có được các kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu của đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần phối hợp chặt chẽ với Nhà trường, Phòng/Ban Quản lý khoa học, Ban Chủ nhiệm các khoa tổ chức các cuộc thi mang tính học thuật như: Cuộc thi ý tưởng sáng tạo sinh viên, Ziczac trí tuệ, Rung chuông vàng, hội thi nghiên cứu khoa học các cấp...là góp phần đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Cách thức hoạt động phải phong phú, sinh động, phù hợp với nhu cầu tâm lý của sinh viên.

Các chủ thể giáo dục cần tăng cường sự phối hợp trong các hoạt động giáo dục và đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Đây cũng chính là góp phần xây dựng môi trường giáo dục VHCT cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

4.2.2. Nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục

4.2.2.1. Tiếp tục kế thừa có chọn lọc, sáng tạo phương pháp thuyết trình

Trong phương pháp giáo dục VHCT truyền thống, phương pháp thuyết trình vẫn chiếm ưu thế, vì nội dung VHCT thiên về lý luận, mà truyền giảng lý luận không thể không sử dụng phương pháp thuyết trình. Thực tế tại các trường đại học, có những giờ thuyết trình hấp dẫn với nội dung cô đọng, rõ ràng, cung cấp tri thức VHCT cho sinh viên một cách khoa học và nghệ thuật, giúp sinh viên có thêm động cơ học tập, say mê khám phá tri thức VHCT. Có những giảng viên đã thể hiện tốt kỹ năng thuyết trình, có nghệ thuật diễn thuyết thu hút sinh viên. Tuy vậy, phương pháp thuyết trình cũng có một số hạn chế nhất định, không khuyến khích vai trò chủ động của người học, không khuyến khích người học phát triển kỹ năng tổ chức và tổng hợp nội dung VHCT một cách chủ động. Giảng viên cũng không kiểm soát được lượng kiến thức mà người học thu nhận được về nội dung VHCT mà giảng viên đã trình bày. Đôi khi trong giờ lên lớp, sinh viên chỉ hào hứng lúc đầu, dù giảng viên cố gắng gây sự chú ý để sinh viên tập trung. Vì thế phải làm mới phương pháp thuyết trình, kết hợp thuyết trình với các phương tiện có sự tham gia tích cực của sinh viên.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu slide là cách tiếp tục kế thừa phương pháp giáo dục VHCT truyền thống, trong đó giảng viên vẫn nghệ thuật hóa diễn giảng, kể chuyện và kết nối với sinh viên. Slide chỉ góp phần minh họa, thay cho việc giảng viên dùng bảng đen phấn trắng. Giảng viên không nên quá quan tâm đến việc trình bày slide sao cho đẹp, cho thật nhiều thông tin mà phải quan tâm đến sinh viên. Để phương pháp này thành công, giảng viên cần có các kỹ năng thu hút sự tập trung của sinh viên ngay khi bắt đầu bài thuyết trình, dẫn dắt họ qua từng luận điểm, từng ý tưởng và cuối cùng, neo chốt vào tâm trí họ nội dung cốt lõi, kêu gọi sinh viên ý chí hành động theo nội dung được giáo dục. Khi giảng viên có kỹ năng kiểm soát nội dung, làm chủ bài thuyết trình, giảng viên mới nhận được sự tin cậy và

khâm phục của sinh viên. Một khi đã kiểm soát được nội dung VHCT mà mình nói, giảng viên sẽ kiểm soát được sinh viên, kiểm soát được không gian lớp học. Sinh viên sẽ bị lôi cuốn theo bài giảng, thuyết trình thành công.

Đổi mới cách sắp xếp các tư liệu, sử dụng hình ảnh, biểu đồ hay bảng biểu trong thuyết trình cũng là đổi mới phương pháp truyền thống này. Giảng viên cần sắp xếp tư liệu một cách logic, phù hợp với kết cấu bài giảng, phù hợp với mục đích của người dạy. Hình ảnh phải phù hợp với lời nói của giảng viên, tránh làm sinh viên phân tâm. Slide phải đẹp theo nghĩa bố trí cân đối, ít chữ, chữ không quá bé hoặc quá to, màu sắc nét mà không làm người đọc phải lóa mắt. Hình ảnh phải rõ ràng, độ phân giải ánh sáng phải đúng quy chuẩn. Khi đó, đổi mới phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu slide mới đạt hiệu quả mong muốn.

Tăng cường kỹ năng thuyết trình là đổi mới phương pháp truyền thống này. Đó là những kỹ năng liên quan đến quá trình chuẩn bị và thực hiện hoạt động giáo dục VHCT như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thiết kế slide, kỹ năng kết hợp giọng điệu với cử chỉ, kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh... Trước đây, nhiều người cho rằng thuyết trình chỉ cần dùng sức biểu cảm của ngôn từ, nên nhiều giảng viên ngồi một chỗ trên bục giảng, chỉ sử dụng ngôn ngữ chứ không sử dụng cử chỉ, hành vi, không giao tiếp phi ngôn ngữ. Thực ra cho dù sử dụng kỹ năng nào, người thuyết trình vẫn phải đặt tâm huyết cùng công sức vào đó, cần bao quát không gian lớp học, xác lập quan hệ giao tiếp bằng trang phục, bằng cử chỉ, bằng động tác, bằng ánh mắt, nụ cười. Các kỹ năng ấy sẽ làm mới phương pháp thuyết trình truyền thống, để phương pháp này tăng cường hiệu quả. Chủ thể giáo dục cần có kỹ năng lựa chọn nội dung như điểm nhấn trong bài giảng, tránh lan man dàn trải, tránh rời rạc, khô khan. Giữa các luận điểm trong nội dung thuyết trình, cần có lời dẫn dắt để kết nối liền mạch. Giảng viên cũng cần phân tích để sinh viên hiểu mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố để thấy rõ sự liên kết trong cấu trúc bài thuyết trình, để sinh viên tiếp nhận tri thức một cách sáng tạo.

Giảng viên cần nghiên cứu kỹ nội dung môn học, không chỉ nội dung môn mình giảng dạy, mà các môn khác trong chương trình tổng thể để chủ động nhấn mạnh nội dung nào, phần nào trùng lặp có thể lướt qua. Theo quyết định số 4891/ QĐ- BGDDT ngày 23/12/2019, phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành chuyên về LLCT, các môn học gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên các trường đại học đều được học các môn này, nhưng trong chương trình giáo dục VHCT cho sinh viên, các giảng viên sẽ phải nắm chắc kết cấu chương trình chung và đề cương bài giảng từng môn để tìm khoảng trống cho mình khi truyền tải nội dung VHCT đến sinh viên. Khi đó, thuyết trình mới không bị nhàm chán, vì giảng viên đem đến cái mới cho sinh viên.

Giảng viên cần có kỹ năng lựa chọn, nghiên cứu và xử lý tài liệu liên quan đến nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên. Cái mới trong nội dung là sự đảm bảo cho phương pháp thuyết trình tiếp tục được đổi mới, vì để quá trình giáo dục diễn ra, giữa chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục phải có độ chênh lệch về thông tin, về sự hiểu biết về nội dung VHCT đang được đề cập. Cái mới là cái đối tượng chưa biết, cũng có thể là phương pháp tiếp cận mới, là cách trình bày mới, một nhận định, đánh giá mới về nội dung mà sinh viên đã biết. Giảng viên cần đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT bằng cách hướng nội dung mang tính lý luận vào những vấn đề bức xúc trong thực tiễn chính trị, phát hiện, giải đáp kịp thời và thuyết phục những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Đây cũng là một cách nâng cao tính cấp thiết, tính thời sự của VHCT, là kỹ năng đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên.

Bổ sung tư liệu mới cho bài giảng, định hướng tư liệu cho sinh viên cũng là cách đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Xã hội hiện nay là xã hội thông tin. Khi thông tin

bùng nổ trên nhiều phương tiện truyền thông, thì việc chủ thể giáo dục bổ sung, định hướng tư liệu cho sinh viên sẽ tăng độ tin cậy của bài thuyết trình, tăng hàm lượng tri thức, đó là yếu tố tạo ra sức hút cho một buổi giảng, là cơ sở để phương pháp thuyết trình tiếp tục được đổi mới. Trước khi bắt đầu nội dung thuyết trình, giảng viên cần cung cấp cho sinh viên nguồn học liệu bắt buộc và nguồn học liệu tham khảo, liên quan đến nội dung thuyết trình. Các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng và chính sách của Nhà nước không phải nguồn tài liệu duy nhất được giảng viên sử dụng để xây dựng nội dung thuyết trình, dù đây là nguồn tài liệu quan trọng nhất. Giảng viên cần khai thác thêm nội dung VHCT từ các loại từ điển, tài liệu thống kê, đề tài khoa học đã được xã hội hóa...Đó sẽ là nguồn tài liệu để bổ sung thêm tri thức VHCT, từ khái niệm đến số liệu minh chứng, tăng độ tin cậy cho bài thuyết trình. Các nội dung này có thể khai thác từ các sách chuyên khảo phù hợp với nội dung thuyết trình. Đó là nguồn tài liệu quan trọng, giúp giảng viên và sinh viên thu thập khối lượng lớn kiến thức, mở rộng nội dung thuyết trình, thu hút sự chú ý của sinh viên. Các nội dung VHCT cũng có thể được giảng viên khai thác từ các thông tin báo chí, có nguồn gốc cụ thể. Giảng viên có thể cung cấp nội dung mà cũng có thể định hướng cho sinh viên để họ tìm đọc. Các bản tin nội bộ trong trường đại học là nguồn thông tin trực tiếp mà chủ thể giáo dục có thể khai thác để xây dựng nội dung VHCT, thuyết trình cho sinh viên.

Trong các trường đại học, chủ thể giáo dục VHCT có thể sử dụng các băng ghi âm, các băng hình phù hợp, các báo cáo tình hình của đơn vị, phòng ban, các ghi chép qua nghiên cứu thực tế, bài thu hoạch của sinh viên các khóa trước về việc học VHCT...để minh chứng cho nội dung thuyết trình. Khi đó, thuyết trình về VHCT không còn khô cứng nữa vì các kỹ năng của chủ thể giáo dục đã nghệ thuật hóa phương pháp thuyết trình truyền thống, làm mới nó. Sinh viên sẽ thu nhận được những tri thức cần thiết dù họ đang thụ động lắng nghe và ghi nhớ nội dung.

4.2.2.2. *Kết hợp phương pháp thuyết trình với các phương pháp hiện đại khác*

Phương pháp thuyết trình trong giáo dục VHCT cho sinh viên không bao giờ là cũ, nếu chúng ta làm mới nó bằng cách kết hợp với các phương pháp hiện đại khác, tạo *tính đối thoại có sự tham gia của đối tượng giáo dục*. Đây cũng là cách đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Thực tế đã chứng minh rằng trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên, phương pháp *thuyết trình kết hợp với làm việc nhóm* thường đem lại hiệu quả cao. Sinh viên được chia theo nhóm nhỏ từ 3 đến 5 người do một sinh viên làm nhóm trưởng. Mỗi nhóm được giao một nội dung nào đó có liên quan đến VHCT, nhóm trưởng phân chia công việc cho các thành viên trong nhóm để tiến hành việc tìm hiểu nội dung liên quan đến vấn đề thảo luận, thông qua các nguồn tư liệu khác nhau, thu thập thông tin, số liệu, hình ảnh... Nhóm sẽ cùng nhau làm việc, phân tích nội dung, nhận xét, đánh giá nội dung, nêu tình huống để tự tranh luận, phản biện. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Khi sinh viên trả lời, giảng viên sẽ lắng nghe. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề, giảng viên sẽ hỗ trợ thêm để định hướng, khi đó phần thuyết trình của giảng viên giúp neo chốt kiến thức cho sinh viên. Trong phương pháp làm việc nhóm, giảng viên phải chú ý chia nhóm sinh viên cho hợp lý, tránh việc sinh viên chia rẽ vì chọn nhóm theo quan hệ tình cảm, phân chia cục bộ dẫn đến hiệu quả đổi mới phương pháp giáo dục VHCT không cao.

Đổi mới phương pháp thuyết trình bằng cách *kết hợp với phương pháp tình huống* cũng tăng hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Khi sử dụng phương pháp thuyết trình bằng cách kết hợp với phương pháp tình huống trong giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội, giảng viên cần chú để tình huống mang tính thời sự, nội dung tình huống phải sát với thực tiễn đời sống chính trị của Thủ đô. Tình huống

phải được tổ chức khoa học, thông tin đầy đủ và hợp lý, khi đó sinh viên mới có thể dụng chính những thông tin trong tình huống mà giảng viên nêu ra để giải quyết vấn đề. Tình huống liên quan đến VHCT nên phải có đầy đủ các dữ kiện cần thiết như thời gian xảy ra tình huống, địa điểm nơi tình huống phát sinh, những nguyên nhân liên quan đến vấn đề phát sinh tình huống trong lĩnh vực VHCT... Các nhân vật, sự kiện trong tình huống phải có tính hiện thực, dù nội dung tình huống có thể hư cấu. Khi đó, sinh viên mới có khả năng liên kết các dữ kiện, hình dung cụ thể về tình huống, thu thập chứng cứ có liên quan, xây dựng quy trình và phương án xử lý tình huống. Phương pháp giáo dục này được sinh viên hào hứng tiếp nhận vì sinh viên được có cơ hội thể hiện năng lực tư duy, kỹ năng xử lý tình huống của mình.

Khi xây dựng các tình huống trong đổi mới phương pháp thuyết trình, giảng viên phải chú ý sao cho tình huống phải dễ hiểu, không quá phức tạp. Giảng viên cần kiểm tra kỹ các nguồn thông tin trong tình huống, vì có thể thông tin không chính xác; cần phân loại tình huống để nhận diện mục đích sử dụng khác nhau. Tạo tình huống và giải quyết tình huống bằng cách phân tích dữ liệu và lựa chọn phương án là những trải nghiệm rất tốt cho sinh viên trong giáo dục VHCT, vì giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết, hình thành kỹ năng thực tiễn. Thông thường, trong giáo dục VHCT cho sinh viên, một buổi thuyết trình khoảng 5 tiết thì giảng viên nên để khoảng 50% thời gian thuyết trình lý thuyết về nội dung bài học, 40% thời gian sinh viên nghiên cứu tình huống và xử lý tình huống, 10% thời gian còn lại để giảng viên tổng kết buổi trao đổi, củng cố nâng cao nội dung VHCT đã học.

Kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp thực hành là đổi mới phương pháp thuyết trình trong giáo dục VHCT cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của học chế tín chỉ, là cách giảng viên làm vững chắc thêm kiến thức lý thuyết về VHCT cho sinh viên. Giáo dục VHCT cho sinh viên cốt là để áp dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị, của đời sống xã hội đặt

ra, cho nên phải “nắm vững vấn đề, thảo luận kỹ lưỡng, nhận thức thấu suốt” [53, t.9, tr.362] để có kiến thức đúng, có hành động đúng, để truyền đạt chu đáo cho các đối tượng khác trong xã hội. Ngắn gọn, dễ hiểu thì sinh viên mới tiếp thu tri thức VHCT một cách hiệu quả. Bởi vì như Hồ Chí Minh căn dặn: “Viết dài mà rộng, thì không tốt. Viết ngắn mà rộng, cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rộng tếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rộng lại dài” [53, t.5, tr.339].

4.2.2.3. Sáng tạo các phương pháp mới, phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ trên nền tảng chuyển đổi số

Đó là phương pháp giáo dục hiện đại với quan điểm lấy người học làm trung tâm, còn gọi là phương pháp giáo dục chủ động, phương pháp giáo dục tích cực. Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã sử dụng phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, cần được tiếp tục thực hiện. Hiện nay, sinh viên đang học môn VHCT với thời lượng khác nhau nhưng đều phân bổ lý thuyết và thực hành. Thực hành có thể tại trường, có thể tổ chức thành hoạt động ngoại khóa như thăm các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng, nghe các chuyên đề chính trị... Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Đây chính là đổi mới phương pháp giảng dạy và cách đổi mới này cần được tiếp tục, vì hiệu quả của nó đã được chứng minh, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Sinh viên sẽ được tự học, tự nghiên cứu và quá trình này sẽ được tính vào nội dung, cũng như thời lượng học. Phương pháp này cũng tạo được sự mềm dẻo, linh hoạt trong các môn học, bao gồm các khối kiến thức chung, cũng như kiến thức chuyên ngành. Sinh viên có thể tham khảo ý kiến của các giảng viên, của cố vấn học tập để chọn môn học. Phương pháp giáo dục này còn giúp cho sinh viên dễ dàng thay đổi kiến thức mà không phải học lại từ đầu, có thể cập nhật nhu cầu việc làm từ thị trường và lựa chọn các định hướng phù hợp.

Áp dụng phương pháp đào tạo theo tín chỉ giúp sinh viên có thể tự lựa chọn môn học, thời gian, thầy cô giảng dạy, buộc giảng viên phải đổi mới phương pháp giáo dục nếu không muốn bị bỏ lại phía sau. Chính việc áp dụng giáo dục theo hệ thống tín chỉ trong giáo dục VHCT là các trường đại học đang đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy vậy, trong đào tạo tín chỉ, giảng viên khó đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên như mong muốn, lý do là bởi sinh viên tự đăng ký môn học, lớp tín chỉ theo học nên giảng viên khó quản lý sinh viên đến từ nhiều chuyên ngành, nhiều khóa học khác nhau. Vì thế giảng viên cần tăng cường sử dụng một số phương pháp giáo dục hiện đại nhằm đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên.

Giảng viên có thể sử dụng *phương pháp đàm thoại*, tổ chức các cuộc đối thoại giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên với nhau dựa trên hệ thống câu hỏi, giúp sinh viên vận dụng vốn kiến thức của mình để tìm hiểu những vấn đề về VHCT. Phương pháp đàm thoại trong giáo dục VHCT cần được tiếp tục đổi mới vì nhiều lợi thế, chủ thể giáo dục cần tăng cường hỏi-đáp trong phương pháp đàm thoại này, bằng cách đưa ra các câu hỏi để sinh viên trả lời hoặc tranh luận, đưa ra ý kiến phản bác, từ đó sinh viên phải ghi nhớ được kiến thức, nội dung bài học, rút ra được bài học cho bản thân.

Phương pháp trực quan trong giáo dục VHCT cho sinh viên tạo cho sinh viên những biểu tượng và hình thành tri thức trên cơ sở trực tiếp quan sát hiện vật đang học hay đồ dùng trực quan. Những phương tiện giáo dục trực quan là chỗ dựa để sinh viên nhớ và hiểu sâu sắc kiến thức VHCT, phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ cho sinh viên. Khi các phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục nói riêng và các phương tiện truyền thông đại chúng nói chung đang phát triển rất nhanh như hiện nay, thì phương pháp trực quan trong giáo dục VHCT cho sinh viên sẽ có nhiều thuận lợi để thực hiện. Phương tiện giáo dục trực quan giúp các giảng viên tránh

được tình trạng dạy chay, tức là chỉ thuyết trình suông mà không có đồ dùng trực quan để tăng cường sự quan sát của sinh viên. Tâm lý sinh viên là trăm nghe không bằng một thấy, vì thế cho nên công cụ trực quan rất cần được đưa vào trường đại học để tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên, cũng là tăng cường hiệu quả giáo dục VHCT trong trường đại học.

Phương pháp nêu gương cần được tiếp tục triển khai trong đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, giảng viên có thể lấy một mẫu mực để sinh viên có hành động noi gương hay làm theo gương của mẫu mực đó. Trong giáo dục VHCT cho sinh viên, phương pháp nêu gương sẽ truyền cảm hứng tích cực, hình thành niềm tin chính trị cho sinh viên. Vì thế phương pháp này rất cần được tăng cường sử dụng nhằm tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Giảng viên cần áp dụng phương pháp nêu gương trong hoạt động giáo dục bằng cách sử dụng những tấm gương tốt để tuyên truyền, giáo dục sinh viên noi theo; sử dụng tấm gương xấu để răn đe, ngăn ngừa sinh viên không bắt chước. Chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại trường đại học và chính đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường phải tự biến mình thành tấm gương sáng để giáo dục sinh viên về VHCT. Một người biết nói điều hay, biết làm chủ phương tiện hiện đại và khoa học công nghệ nhưng không đủ phẩm chất đạo đức, không có văn hóa lối sống thì dù cho phương pháp giáo dục VHCT được đổi mới đến mấy, hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên cũng không đạt như mong đợi.

Phương pháp phát vấn là người dạy đặt ra những câu hỏi để người học suy nghĩ và trả lời. Có thể đặt câu hỏi để kiểm tra, gợi mở, định hướng cho việc tiếp thu kiến thức là một nhu cầu tất yếu trong quá trình dạy học, nhưng cần đặt câu hỏi phù hợp để khuyến khích sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động. Cách giảng viên nêu câu hỏi cũng đòi hỏi tính khóa học và nghệ thuật cao. Câu hỏi nếu quá khó sẽ gây áp lực cho sinh viên, gây ra không khí căng

thăng làm sinh viên mệt mỏi. Câu hỏi nếu quá đơn giản sẽ làm sinh viên không hào hứng. Câu hỏi phải có tính mở, phải có các gợi ý cụ thể. Ví dụ khi hỏi sinh viên về thể chế chính trị Việt Nam, về vai trò lãnh đạo của Đảng ta, giảng viên gợi ý cho sinh viên những nội dung quy định trong Hiến pháp. Khi đó sinh viên sẽ có căn cứ pháp lý để tư duy câu trả lời.

Trong môi trường chuyển đổi số hiện nay, tại một số giảng viên đã sử dụng *phương pháp tích hợp* trong giáo dục VHCT cho sinh viên. Giáo dục tích hợp là cách trình bày các khái niệm và các nguyên lý khoa học theo nguyên tắc hoạt động dạy kiến thức - kỹ năng - thái độ được tích hợp với nhau trong cùng một nội dung và hoạt động để hình thành và phát triển năng lực cho người học. Các trường đại học ở Hà Nội đã đưa vào áp dụng, tuy nhiên chưa phổ biến, vì thế phương pháp tích hợp trong giáo dục VHCT cho sinh viên cần được tiếp tục đổi mới để phù hợp với đặc điểm giáo dục VHCT tại các trường đại học. Phương pháp này rất cần được nhân rộng và lan tỏa trong thời gian tới, bởi vì trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cần đề cao phương pháp thực hành thông qua hoạt động thực tiễn, mang tính trải nghiệm thì mới hình thành được VHCT.

4.2.3. Nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới hình thức giáo dục

4.2.3.1. Tăng cường đổi mới hình thức giáo dục chính khóa, ngoại khóa

Các hình thức giáo dục chính khóa có thể diễn ra thông qua giáo dục trực tiếp tại giảng đường hoặc địa điểm tổ chức lớp học, nơi hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên được diễn ra. Giảng viên cần kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau trong giáo dục chính khóa, để vừa đạt được mục tiêu đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tiễn của các trường đại học. Ngay trong hình thức giáo dục chính khóa này, giảng viên có thể kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy khả năng của cá nhân, tạo ra một môi trường học tập thân thiện để sinh viên chủ động tìm hiểu tri thức VHCT, tăng cường kỹ năng thực hành trong lớp.

Để đổi mới hình thức giáo dục chính khóa VHCT cho sinh viên, các trường nên tổ chức lớp học với số sinh viên phù hợp, khoảng 25-30 người, vì khi lớp quá đông, giảng viên rất khó bao quát được không gian lớp học, khó kiểm soát sinh viên. Vì hình thức giáo dục chính khóa thường chia thời lượng ra hai phần: lý thuyết và thực hành, nên hoạt động thực hành trong giáo dục chính khóa có thể diễn ra dưới nhiều hình thức sinh động, tránh tình trạng học chay, lý thuyết suông gây tâm lý căng thẳng, nhàm chán trong quá trình học tập VHCT của sinh viên tại các trường đại học.

Các hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay cũng có thể đổi mới theo nhiều cách khác nhau. Có thể tiến hành *giảng dạy VHCT cho cả lớp*, là hình thức tổ chức dạy học VHCT mà đối tượng tiếp nhận kiến thức là toàn bộ sinh viên trong lớp học, thậm chí là cả khoa nếu đây là lớp ghép. Theo hình thức tổ chức này, giảng viên là người hoạt động chủ yếu, sinh viên làm việc ít và tiếp nhận thông tin một cách thụ động vì lớp đông nên giảng viên chủ yếu thuyết trình. Hình thức này thường sử dụng đối với sinh viên năm thứ nhất, thứ hai khi sinh viên đang học các môn chung, chưa học chuyên ngành. Để đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên, các trường đại học nên phối hợp hình thức giáo dục cho cả lớp với các hình thức giáo dục nhóm và giáo dục cá nhân.

Giáo dục nhóm tạo điều kiện cho mọi sinh viên đều được hoạt động tích cực, sinh viên trong nhóm giúp nhau tìm hiểu vấn đề trong không khí thi đua với các nhóm khác. Trong đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên, cần tăng cường sử dụng hình thức giáo dục này vì các kiến thức về VHCT không chỉ là lý luận suông, mà còn liên quan đến nhiều vấn đề xung quanh trong thực tiễn chính trị. Nội dung VHCT vốn khó hiểu như thể chế chính trị, thiết chế chính trị, tổ chức xã hội và tổ chức chính trị - xã hội... Giảng viên phải chuẩn bị kỹ, xem xét các nội dung liên quan, lựa chọn hình thức phù hợp với từng nội dung để tiến hành tổ chức giáo dục

nhóm cho sinh viên. Cần tạo môi trường trao đổi dân chủ và bình đẳng để sinh viên học hỏi lẫn nhau, phát biểu ý kiến của mình và nghe ý kiến của các bạn khác, trao đổi phản biện để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Khi đó hiệu quả dạy đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên sẽ được khẳng định, vì sinh viên có thể nhận rõ trình độ nhận thức của mình với nội dung VHCT trong bài học, thấy mình cần học hỏi thêm những gì; còn giảng viên sẽ có điều kiện quan sát theo dõi sự tiến bộ của sinh viên, giúp đỡ các hoạt động của sinh viên.

Tuy nhiên hình thức giáo dục nhóm thường bị hạn chế bởi không gian của giảng đường dễ gây ồn, ảnh hưởng tới các lớp học khác, thậm chí nhóm này cản trở hoạt động của nhóm kia. Vì thế cần đa dạng các hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên, không nên tổ chức hoạt động nhóm trong cả buổi học. Hình thức giáo dục nhóm có thể được tổ chức theo cách thảo luận một chủ đề; tìm hiểu nội dung một đề tài; xử lý một tình huống... Có thể tiến hành kiểm tra chéo giữa các nhóm theo tiêu chí do giảng viên đưa ra để các nhóm bổ sung cho nhau về nội dung VHCT mà giảng viên muốn trao truyền cho sinh viên tại các trường đại học.

Giáo dục cá nhân là hình thức giáo dục VHCT cần được sử dụng trong giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên các trường đại học hiện nay vì nhiều lý do khách quan và chủ quan: sinh viên cần cải thiện điểm, cần hoàn thành tín chỉ để ra trường, không học theo nhóm hay theo lớp được vì trong diện cách ly do tiếp xúc với FO, hoặc sinh viên có vấn đề về tâm lý... Hoạt động tích cực của cá nhân là cơ sở hình thành nhân cách của sinh viên, vì thế hình thức giáo dục này cần được áp dụng để giảng viên có thể giúp đỡ sinh viên các biệt, tạo ra môi quan hệ thân mật, hợp tác giữa giảng viên và sinh viên. Thông qua việc giao nhiệm vụ cho sinh viên, người học phải tích cực hoạt động, tự mình phát hiện ra kiến thức. Hình thức dạy học này cũng phù hợp với những lớp ghép như lớp tín chỉ, không phải lớp hành chính. Nhưng

hình thức này cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành nội dung bài học, vì thời gian dành cho hình thức giáo dục này cũng không dễ bố trí do quỹ thời gian dành cho môn học nằm trong kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Có một hình thức khác có thể áp dụng nhằm đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên hiện nay, đó là *thay đổi không gian lớp học*, tổ chức dạy học ngoài lớp, có thể trong khuôn viên nhà trường. Tổ chức dạy học ngoài lớp sẽ thích hợp cho việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực như tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động gây hứng thú cho sinh viên, giúp sinh viên tri giác và ghi nhớ tốt nội dung VHCT trong bài học. Trong khi cùng nhau tổ chức các hoạt động, sinh viên có cơ hội bộc lộ cá tính, sở trường, hình thành thói quen hợp tác, tương trợ học hỏi lẫn nhau. Tuy nhiên môi trường giáo dục phải đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe của giảng viên và sinh viên, không ảnh hưởng đến quy định văn hóa học đường hay nề nếp học tập chung của nhà trường. Ví dụ: hiện nay ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, lớp học VHCT có thể được tiến hành tại Trung tâm thông tin khoa học hay tổ chức ở phòng Truyền thống của Nhà trường, với điều kiện số lượng sinh viên không quá đông và những buổi học đặc biệt này không diễn ra thường xuyên. Bởi Trung tâm thông tin khoa học hay phòng Truyền thống của Nhà trường vốn không được thiết kế để tổ chức hoạt động giáo dục như một giảng đường.

4.2.3.2. Tăng cường giáo dục ngoại khóa và tự giáo dục của sinh viên

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 khoá XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ các cơ sở đào tạo, giáo dục muốn đổi mới hiệu quả thì phải “Chuyển từ chủ yếu học trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học” [37, tr.128-129]. Hoạt động ngoại khoá là hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp, có tác dụng góp phần nâng cao chất lượng học tập và giáo dục VHCT cho sinh viên, rất cần được đẩy mạnh. Hoạt động ngoại khoá rất cần thiết cho sinh viên trong xu thế

hội nhập quốc tế hiện nay. Mục tiêu của hoạt động ngoại khoá là củng cố kiến thức, phát triển các kỹ năng cho người được giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Hoạt động ngoại khoá tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất để người học phát huy vai trò chủ thể tích cực của mình trong học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện.

Trong đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên, tùy theo mục đích và nội dung kiến thức lý thuyết cụ thể, các chủ thể giáo dục có thể lựa chọn các hình thức tổ chức hoạt động ngoại khoá khác nhau, vận dụng linh hoạt các hình thức ngoại khoá như ngoại khoá *chính trị xã hội*: Diễn đàn, tọa đàm, trao đổi, thi Olympic các môn lý luận, thi báo cáo viên, tuyên truyền viên, bồi dưỡng phương pháp học tập rèn luyện; ngoại khoá *văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao*: tổ chức Hội diễn văn hóa văn nghệ; Hội thao, hội thi thể dục thể thao... Nội dung hoạt động ngoại khoá chủ yếu là thực hành những kiến thức VHCT đã được học trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên đào sâu, mở rộng kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành phục vụ cho các nội dung chính khoá. Hoạt động ngoại khoá có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Các trường đại học cần căn cứ vào mục đích, nội dung cần đạt được có thể linh hoạt lựa chọn những hình thức phù hợp. Căn cứ *nhu cầu của những người tham gia*, có thể tổ chức các hình thức hoạt động ngoại khoá có tính tự phát và hoạt động ngoại khoá tự giác; xuất phát từ nhu cầu của sinh viên có nhu cầu bổ sung, mở rộng một lĩnh vực kiến thức nào đó để tổ chức. Trong trường hợp này, ngoại khoá không cần sự tham gia quá chặt chẽ, sự can thiệp quá nhiều vào nội dung, cách thức tiến hành của chủ thể giáo dục mà chủ yếu là cố vấn, gợi ý, góp ý khi cần thiết. Sinh viên chủ động xây dựng nội dung, thiết kế chương trình và tổ chức thực hiện. Hoạt động ngoại khoá tự giác là hoạt động có trong chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, có nội dung và thời gian thực hiện cụ thể; có người phụ trách, có các yếu tố bảo đảm và được chuẩn bị chu đáo trước khi tiến hành. Căn cứ vào *nội dung của các môn học*, có thể tổ chức các hình thức ngoại khoá công tác chính trị tư tưởng; ngoại khoá

rèn luyện thể lực, ngoại khóa phương pháp học tập... Căn cứ vào *lĩnh vực đào tạo*, có thể tổ chức các hình thức ngoại khóa gắn với chính khóa là hoạt động củng cố mở rộng kiến thức hay ngoại khóa nâng cao...

Chính vì vậy, để tổ chức hoạt động ngoại khóa trong giáo dục VHCT cho sinh viên hiệu quả, cần phải nắm bắt rõ nhu cầu và năng lực thực tế của sinh viên mình quản lý, từ đó lựa chọn nội dung hoạt động ngoại khóa phù hợp, xác định thời gian, địa điểm, đối tượng... để xây dựng kế hoạch, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa theo hướng nâng cao năng lực thực hành của sinh viên. Hoạt động này góp phần rèn luyện bản lĩnh chính trị và nhân cách nghề nghiệp cho sinh viên. Hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa rất đa dạng, phong phú, bao gồm các hình thức tọa đàm, trao đổi, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hội thao, hội thi... Do đó, thực chất của giải pháp này đòi hỏi các chủ thể quản lý hoạt động ngoại khóa, theo phân cấp phân quyền cần chỉ đạo các bộ phận cấp dưới lựa chọn những hình thức hoạt động ngoại khóa phù hợp nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên. Thông qua các hình thức hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường như tham quan các di tích lịch sử văn hóa, phòng truyền thống... để bồi đắp, hình thành lòng tự hào truyền thống văn hóa dân tộc cho sinh viên, tăng thêm động lực học tập VHCT.

Để đổi mới hiệu quả hình thức hoạt động ngoại khóa trong giáo dục VHCT cho sinh viên, *cần đảm bảo các điều kiện cho hoạt động ngoại khóa*. Đảm bảo tốt về hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đáp ứng đúng với từng đảm bảo các điều kiện cho hoạt động ngoại khóa cụ thể, các địa điểm tổ chức đảm bảo các điều kiện cho hoạt động ngoại khóa đảm bảo có tính hiện đại, rộng rãi, khang trang, phù hợp với từng nội dung hoạt động; hệ thống âm thanh, loa đài, phương tiện công nghệ thông tin, ti vi; hệ thống các cơ sở vật chất phục vụ cho văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giáo trình, tài liệu tham khảo, băng rôn, áp phích... phải đầy đủ. Đảm bảo tốt các điều kiện về tài chính phục vụ cho mua sắm, trang bị, sửa sang, làm mới hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho từng đảm

bảo các điều kiện cho hoạt động ngoại khóa cụ thể. Đối với điều kiện đảm bảo về tinh thần, cần có cơ chế phù hợp nhằm động viên cán bộ, giảng viên, sinh viên tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa. Hiệu quả quản lý, sử dụng tài chính, cơ sở vật chất phụ thuộc chủ yếu vào cơ chế quản lý của Nhà trường.

Kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động ngoại khóa của sinh viên theo mục tiêu, yêu cầu của mỗi hoạt động là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, đảm bảo cho các nhà trường đổi mới tư duy trong kiểm tra, đánh giá kết quả đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Hiện nay, mục tiêu cơ bản trong hoạt động ngoại khóa là nhằm giúp cho sinh viên nâng cao trình độ VHCT, có kỹ năng, kỹ xảo và thái độ phù hợp trong tham gia các hoạt động chính trị thực tiễn. Theo đó, thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động ngoại khóa được đảm bảo khách quan; giúp cho các chủ thể hoạt động ngoại khóa ở từng nhà trường điều chỉnh việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động ngoại khóa của mình theo đúng mục tiêu, yêu cầu của từng hoạt động cụ thể. Đổi mới toàn diện các khâu, các bước trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động ngoại khóa theo hướng tập trung kiểm tra, đánh giá kết quả ở từng hoạt động cụ thể. Trong thực tiễn giáo dục, không phải sinh viên nào cũng ham thích VHCT và chủ động tìm kiếm thông tin chính trị, chủ động nghiên cứu các hoạt động chính trị. Nhiều sinh viên học VHCT vì đây là nội dung bắt buộc, hoặc vì học để có điểm thi. Chính vì vậy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, hoạt động ngoại khóa của sinh viên là rất cần thiết.

Tăng cường *ý thức tự giáo dục VHCT của sinh viên* là giải pháp cần thiết. Thực tiễn hiện nay cho thấy, bên cạnh việc thực hiện hoạt động ngoại khóa theo kế hoạch mà nhà trường xác định, từng khoa đào tạo đều tổ chức hoạt động ngoại khóa, giúp sinh viên tự giáo dục VHCT, nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên. Sinh viên là chủ thể nhận thức, chủ thể giáo dục có đổi mới phương pháp giáo dục VHCT đến mấy mà sinh viên không tương tác thì không đạt hiệu quả. Phát huy vai trò tự giáo dục rất quan trọng, vì theo Hồ Chí Minh: “phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học” [53, t.6,

tr.360]; phải “Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào” [53, t.5, tr.312]. Hồ Chí Minh luôn đề cao việc tự học, Người căn dặn: “Học tập ở trường của Đoàn thể không phải như học ở các trường lối cũ, không phải có thầy thì học, thầy không đến thì đùa. Phải biết tự động học tập” [53, t.6, tr.360]. Điều này cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh rất hiện đại. Bên cạnh việc “phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng”, Người còn khuyên: “đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ”, nghiên cứu từng vấn đề “đều phải đặt câu hỏi vì sao, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không” [53, t.11, tr.98-99].

Để phát huy vai trò tự giáo dục của sinh viên trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT, các trường đại học cần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, môi trường học tập thông minh phục vụ sinh viên. Trong môi trường học tập thông minh với những công nghệ mới, sinh viên tiếp cận tri thức một cách nhanh chóng, thuận tiện; sinh viên được sinh hoạt trong môi trường thi đua sôi nổi, hăng hái trong học tập, giúp giảm thời gian học tập trên giảng đường, tăng cường tự học và sự tương tác của sinh viên với nhau, với giảng viên. Nhà trường cũng cần xây dựng văn hóa học đường trong đó chú trọng các quan hệ xã hội lành mạnh, thân thiện, tích cực, tuân theo những quy định chung, phù hợp với những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, phù hợp với đặc điểm tâm lý của từng đối tượng sinh viên.

Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên để ổn định tư tưởng, củng cố niềm tin, giữ vững tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình học tập cũng là cách đảm bảo điều kiện để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vì các hoạt động văn hóa tinh thần với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp sinh viên có đời sống tinh thần lành mạnh, đẩy lùi văn hóa phẩm độc hại và những mặt tiêu cực từ mạng xã hội. Khi đời sống vật chất, tinh thần của sinh viên được nhà trường quan tâm, môi trường sống của sinh

viên cũng được lành mạnh hóa, khi đó nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên tăng lên, chính họ sẽ có nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục VHCT bằng cách tăng cường tự giáo dục VHCT cho mình.

4.2.4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ, phương tiện giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục

4.2.4.1. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất

Trong điều kiện hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, trình độ nhận thức của sinh viên được nâng cao, đổi mới phương thức giáo dục để nâng cao hiệu quả hoạt động này đã trở thành tất yếu. Vì vậy, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học là vấn đề cần thiết, nhất là khi các trường đại học đang chuyển mình trong môi trường chuyển đổi số quốc gia hiện nay.

Ngày 03/6/2020, Chính phủ đã ra Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Thực hiện quyết định đó, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 chủ trương đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 cũng đã được ban hành. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường đại học đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, đa dạng hóa nội dung, đổi mới phương thức giáo dục, tăng cường sử dụng các phương tiện và công nghệ hiện đại, các phương tiện truyền thông xã hội trong hoạt động giáo dục của nhà trường. Theo đó, các trường đại học đã tổ chức giảng dạy, tọa đàm khoa học, đối thoại chính trị bằng hình thức trực tuyến; quản lý, theo dõi sự phấn đấu, rèn luyện của sinh viên qua hệ thống máy móc nhờ sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Các trường đại học cần tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai các hệ thống quản lý sinh viên, quản lý dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Muốn vậy phải đầu tư cơ sở vật chất để trường lớp khang trang, phù hợp với môi trường chuyển đổi số. Trong thời gian tới, các trường cần tăng cường đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục VHCT,

tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác hiệu quả Thư viện, Nhà truyền thống của trường để phục vụ giáo dục VHCT cho sinh viên.

Các trường đại học cũng cần quan tâm sưu tầm hiện vật, trưng bày và tổ chức giới thiệu truyền thống của nhà trường cho học viên trong các hoạt động ngoại khóa, bổ sung kiến thức thực tiễn chính trị cho sinh viên, mặc dù trong thời đại 4.0, cách mạng khoa học, công nghệ kỹ thuật bùng nổ, việc sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại, thông minh không còn xa lạ và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các trường đại học cần đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cán bộ, giảng viên, sinh viên để xây dựng xã hội học tập, trong đó tập trung xây dựng kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cho các trường. Nhờ được đầu tư công nghệ, các trường kết nối trao đổi kinh nghiệm trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT, kết nối thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội chặt chẽ, đầy đủ hơn.

4.2.4.2. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

Đây là hướng đi mà các trường đại học ở thành phố Hà Nội cần tiếp tục triển khai. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào trong phương pháp giáo dục VHCT giúp chủ thể giáo dục và sinh viên khai thác tốt các phần mềm thiết kế cơ bản như: Word, Excel, Powerpoint,... để đổi mới phương thức giáo dục VHCT. Giảng viên và sinh viên cần tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, khai thác ưu thế của khoa học kỹ thuật, tăng cường sử dụng Internet và các nền tảng mạng xã hội một cách khoa học để nghiên cứu và tham khảo thông tin, xây dựng các giáo án điện tử chất lượng. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục VHCT mang đến nhiều lợi ích vì cách tiếp cận này phù hợp với thế giới hiện đại, phù hợp với xu hướng sử dụng công nghệ thông tin của sinh viên, phù hợp với mục đích của đổi mới phương pháp giáo dục, giúp sinh viên tiếp cận và lĩnh hội nhanh, nhiều kiến thức về VHCT trong các trường đại học.

Chỉ thị số 14/CT-TTg là chỉ đạo rất cần thiết và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Nhờ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nên giáo dục VHCT cho sinh viên cũng được hỗ trợ nhiều trong đổi mới phương thức giáo dục. Các trường đại học cần thường xuyên bổ sung các bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng phục vụ giáo dục VHCT vào kho học liệu số, để giảng viên và sinh viên có cơ hội sử dụng, khai thác thông tin. Hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học, phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ sinh viên, giảng viên cũng liên tục được cập nhật, phương pháp dạy và học thông minh được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn. Thực tế thời gian qua cho thấy, nhờ ứng dụng công nghệ thông tin mà nhiều trường đã đổi mới phương pháp dạy học VHCT, nhiều giảng viên đã nghiên cứu, sáng tạo tổ chức bài giảng theo cách mới, sinh viên hào hứng với cách học này.

Tuy nhiên, mặc dù hiện nay cơ sở hạ tầng viễn thông, tiện ích công nghệ thông tin đã phát triển nhưng khi nhiều sinh viên cùng truy cập đã xảy ra hiện tượng không đăng nhập được, hoặc đang học bị thoát ra, bị gián đoạn, chất lượng hình ảnh, âm thanh kém nên ảnh hưởng đến truyền tải kiến thức. Hạ tầng công nghệ thông tin cần được đầu tư nhiều hơn, các đơn vị viễn thông cần ưu tiên nâng cấp đường truyền cho dạy học trực tuyến. Việc đánh giá kiểm tra chất lượng dạy và học trực tuyến cũng cần triển khai công bằng, minh bạch, khách quan. Vì thế thực hiện đúng Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ là để hạ tầng công nghệ thông tin trong hệ thống giáo dục cần được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng đầu tư xứng tầm hơn.

4.2.4.3. Tiếp tục đầu tư phương tiện giáo dục hiện đại

Phương tiện giáo dục hiện đại có vai trò hết sức quan trọng trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học. Do đó, các trường phải tăng cường các phương tiện giáo dục VHCT, các phương tiện hiện đại như phương tiện nghe - nhìn, các máy kiểm tra, máy dạy học như thiết bị ghi - đọc tiếng băng từ/máy ghi âm; thiết bị ghi hoặc ghi - đọc đĩa CD;

thiết bị học ngoại ngữ, máy chiếu qua đầu; máy chiếu slide; máy chiếu vật thể; máy tính và mạng máy tính...

Trong thời gian qua, các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có nhiều đổi mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải thiện phương tiện, thiết bị dạy học; thay đổi, điều chỉnh các hoạt động dạy học. Các phương tiện phục vụ đổi mới phương thức giáo dục nói chung, giáo dục VHCT nói riêng đã được tăng cường, đầu tư. Các kho học liệu tại các trường đại học như phần mềm tương tác, tài liệu trực tuyến, ngân hàng video,.. được đăng tải để sinh viên khai thác trên internet thông qua các website, zalo, youtube, facebook, tạo điều kiện cho các trường có thể sử dụng hoặc chia sẻ với nhau. Những đổi mới tích cực này cần được tiếp tục nhằm đạt hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên, bên cạnh việc đầu tư máy chiếu, máy vi tính và các loại thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học của giảng viên, sinh viên.

Phương tiện cần dễ sử dụng để phù hợp với thời lượng, nội dung quy định, vì nếu không sẽ làm phân tán chú ý khiến sinh viên không lĩnh hội được những nội dung chính của bài học. Giảng viên căn cứ vào nội dung để lựa chọn phương tiện thích hợp, đảm bảo được sự quan sát đầy đủ của sinh viên, phát huy được tính tích cực của sinh viên trong giáo dục VHCT, thực hiện được mục đích đề ra trong thực tiễn, hỗ trợ tích cực các hoạt động giáo dục VHCT cho sinh viên. Phương tiện công nghệ cũng giúp kích thích hứng thú học tập cho sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người học lĩnh hội kiến thức, hình thành và rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo; cung cấp thêm kiến thức, kinh nghiệm trực tiếp liên quan đến thực tiễn xã hội và môi trường sống.

Không thể đổi mới thành công hình thức, phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học mà không tiếp tục đầu tư phương tiện giáo dục hiện đại, vì chính các phương tiện giáo dục hiện đại làm thay đổi căn bản hình thức, phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Tại các trường đại học trong phạm vi nghiên cứu của luận án như Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Đại Nam, Trường

Đại học Nguyễn Trãi đã cho thấy phương tiện giáo dục hiện đại giúp tạo ra môi trường giáo dục hiện đại, tạo ra nhu cầu đổi mới phương thức giáo dục nói chung, giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng.

Đến lượt mình, phương tiện giáo dục hiện đại chính là điều kiện để đảm bảo đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên đạt mục đích, tạo điều kiện để giảng viên đổi mới cách dạy và sinh viên đổi mới cách học, các chủ thể khác sẽ đổi mới cách lãnh đạo, quản lý công tác giáo dục nói chung, giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng. Trong môi trường tự chủ giáo dục như hiện nay, các trường đại học cần nhanh chóng đổi mới đồng bộ từ nội dung, phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên đến đầu tư phương tiện kỹ thuật, công nghệ dạy học hiện đại như các phần mềm Microsoft teams, Zoom, Google Meet, Moodle,... Các trường cần xây dựng thêm các phòng máy chuyên dụng, phòng máy công nghệ thông tin để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên.

4.2.4.4. Xây dựng môi trường giáo dục

Môi trường giáo dục rất quan trọng trong hoạt động giáo dục VHCT nói chung, tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học ở thành phố Hà Nội nói riêng. Bởi vì theo khoản 1 Điều 2 Nghị định 80/2017/NĐ-CP thì môi trường giáo dục là tất cả các điều kiện về vật chất và tinh thần có ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục, học tập, rèn luyện và phát triển của người học. Vì thế các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học cần tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục VHCT, tiếp tục truyền thông các thông tin chính trị chính thống cho sinh viên thông qua các fanpage, group mạng xã hội facebook, website nhà trường; tổ chức các hoạt động văn hóa lành mạnh, tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện; xây dựng những giá trị mới từ việc đạt danh hiệu Sinh viên 5 tốt các cấp; thành lập Câu lạc bộ Sinh viên 5 tốt để kết nối, hỗ trợ giữa các sinh viên, tạo môi trường thuận lợi cho quá trình đổi mới phương pháp giáo dục VHCT trong các trường đại học.

Cần tăng cường giáo dục chuẩn mực và kỹ năng ứng xử trên mạng xã hội cho sinh viên, để sinh viên xây dựng cho mình văn hóa ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Luật An ninh mạng năm 2018 và Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội đã được Bộ Truyền thông và Thông tin ban hành năm 2021. Trên cơ sở quy tắc ứng xử chung, mỗi trường đại học cần xây dựng Bộ quy tắc ứng xử phù hợp với tình hình thực tế tại trường mình, áp dụng như nội quy để xây dựng văn hóa học đường. Bộ quy tắc ứng xử của nhà trường phải được lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ quản lý, cán bộ công chức, viên chức, giảng viên, sinh viên trước khi ban hành. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường có trách nhiệm quán triệt đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên biết nội dung cụ thể để họ tự giác thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của nhà trường. Nội dung của Bộ Quy tắc ứng xử phải được niêm yết tại các bảng tin, bảng thông báo, website của nhà trường để đảm bảo tính công khai, minh bạch. Nhà trường cần thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử, khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử để điều chỉnh kịp thời nếu thấy cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Các trường đại học ở thành phố Hà Nội cần xây dựng môi trường giáo dục bảo đảm an ninh trật tự, bảo đảm an toàn cho sinh viên trong quá trình học tập và thực hiện các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ; không để xảy ra hành vi quấy rối, xâm hại đối với sinh viên của nhà trường. Cần tăng cường phối hợp giữa nhà trường với địa phương trong việc bảo đảm an ninh, an toàn cho sinh viên. Nhà trường cần xây dựng và phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử nội bộ, tăng cường trao đổi thông tin để giáo dục văn hóa giao tiếp, ứng xử cho sinh viên. Khi tổ chức các hoạt động hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động từ thiện, hoạt động vì cộng đồng, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho sinh viên, các trường đại học cần nghiên cứu các văn bản theo quy định hiện hành, xem xét khả năng của nhà trường và nhu cầu của sinh viên. Các

trải nghiệm, ngoại khóa, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phải được lập kế hoạch theo học kỳ hoặc năm học trước khi tổ chức. Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho sinh viên, tổ chức các sự kiện văn hóa để sinh viên có cơ hội thể hiện năng lực và sức sáng tạo của mình.

Tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho sinh viên; an toàn cho các hoạt động giáo dục, các cuộc giao lưu văn hóa xã hội. Đó cũng là cách để đổi mới phương thức giáo dục nhằm tăng cường giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 4

Chất lượng giáo dục có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục con người, xây dựng thương hiệu nhà trường, đảm bảo điều kiện phát triển bền vững theo nhu cầu xã hội. Để nâng cao chất lượng giáo dục trong trường đại học, thì cần phải tiến hành đổi mới giáo dục, trong đó có đổi mới phương thức giáo dục, đầu tư nguồn lực cơ sở vật chất cho đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đổi mới chương trình và nguồn học liệu, thiết bị dạy học... Cần phải tăng cường đầu tư cho giáo dục, kết hợp với nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy và học tập VHCT để phát huy khả năng thích ứng của người học với môi trường. Điều này càng khẳng định quan điểm cần tăng cường đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

Để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên trong các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới, luận án đã xác định các

quan điểm cơ bản. Đó là (1) Tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học; (2) Tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT gắn với đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, gắn với đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; (3) Đảm bảo tính kế thừa và phát triển, tính khoa học và sáng tạo trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; (4) Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên phải gắn với xây dựng môi trường văn hóa, gắn với định hướng phát triển của đất nước và Thủ đô.

Để giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực trạng, luận án đã đề xuất 4 nhóm giải pháp cơ bản. Đó là (1) nhóm giải pháp về chủ thể giáo dục, bao gồm chủ thể lãnh đạo, quản lý, chủ thể trực tiếp giáo dục và chủ thể tham mưu, phối hợp trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên; (2) nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục; (3) nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới hình thức giáo dục, trong đó có hình thức tự giáo dục của sinh viên; (4) nhóm giải pháp về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ, đầu tư phương tiện giáo dục hiện đại, xây dựng môi trường giáo dục phù hợp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp luận án đề xuất là tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

KẾT LUẬN

Luận án nghiên cứu vấn đề *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay*. Sau quá trình nghiên cứu, NCS rút ra những luận điểm sau:

1. VHCT là yếu tố căn bản quyết định tính chất và hiệu quả của hoạt động chính trị. Trong bất kỳ xã hội nào, VHCT đều có vai trò quan trọng. VHCT chi phối nhận thức và hành vi của cá nhân và cộng đồng, VHCT tạo thành lối sống, tạo nên nhân cách chính trị. VHCT là nền tảng của sự phát triển xã hội, muốn xã hội phát triển thì các chủ thể chính trị phải có VHCT. Vì thế, giáo dục VHCT là hoạt động thu hút sự quan tâm của cả hệ thống chính trị. Lĩnh vực văn hóa đặc thù này cần được xây dựng không chỉ trong đội ngũ các nhà lãnh đạo, các nhà hoạt động chính trị, mà cho tất cả mọi người. Sinh viên là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, nguồn lực để phát triển đất nước, đối tượng này rất cần được trang bị tri thức và năng lực chính trị, cần được giáo dục VHCT.

2. Giáo dục VHCT góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, mà chất lượng giáo dục VHCT lại được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó có phương thức giáo dục. Vì vậy, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên là để đảm bảo chất lượng giáo dục VHCT cho sinh viên, là sự phù hợp năng lực của sinh viên với chuẩn đầu ra của một quá trình hay một chương trình giáo dục. Quan điểm đó được rút ra từ nghiên cứu cơ sở lý luận và phân tích thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội trong phạm vi nghiên cứu của luận án.

3. Quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (khóa XI) của Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, thời gian qua, các trường đại học đã đẩy mạnh

áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, tự giác, sáng tạo của người học, coi trọng rèn luyện kỹ năng thực hành, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng. Các trường cũng chủ động mua sắm trang thiết bị dạy học, đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa giảng đường, bổ sung phương tiện hiện đại. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn đề đòi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên vẫn còn một số hạn chế nhất định. Quy trình đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục mặc dù đã đầu tư, bổ sung, song vẫn còn bất cập, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới.

4. Để giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội, luận án đã xác định các quan điểm cơ bản và đề xuất các nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội thời gian tới. Những giải pháp mà luận án đề xuất đều có tính khả thi, có thể được thực hiện để đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

5. Chúng ta đang hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục Việt Nam cần tăng tốc để cạnh tranh trong thị trường cung cấp nhân lực trong nước và quốc tế dựa trên việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ giảng viên và đổi mới phương thức giáo dục cho sinh viên, đổi mới phương thức quản trị đại học. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học đang là nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, không thể không thực hiện đổi mới phương thức giáo dục cho sinh viên nói chung, đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên nói riêng./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

1. Phan Hoàng Quỳnh (2022), “Đổi mới phương thức giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền trước yêu cầu mới, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2022*.
2. Phan Hoàng Quỳnh (2022), “Phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, số tháng 7-2022, tr.43-47.
3. Phan Hoàng Quỳnh (2022), “Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 536, tr.81-87.
4. Phan Hoàng Quỳnh (2022), “Những yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, số tháng 11-2022, tr.73-77.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Văn An, Dương Xuân Ngọc (2011), *Hỏi và đáp những vấn đề cơ bản của chính trị học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
2. Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam – Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội
3. Đào Duy Anh (1996), *Giản yếu - Hán - Việt từ - điển*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Bí Thư (2014), Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 *Về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*.
6. Ban Bí Thư (2018), Chỉ thị số 23 về *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*. Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 35*, Hà Nội
10. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *Nghị quyết số 33-NQ/TW: Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người việt nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*
11. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (2003), *Thực trạng và giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn khoa học*

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia.

12. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2005), *Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục, học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng*, Hà Nội.
13. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bảo tàng Hồ Chí Minh (2006), *Về công tác giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2014), *Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014): *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ IX Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
16. Hoàng Chí Bảo (2003), *Văn hóa chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Hoàng Chí Bảo (2015), *Chính trị và văn hoá chính trị đối với phát triển bền vững, nhìn từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam*, Website Học viện Báo chí và tuyên truyền.
18. Hoàng Chí Bảo (2016), *Văn hóa trong chính trị vì mục tiêu phát triển con người*, Báo Quân đội nhân dân, tháng 10/2016.
19. Hoàng Chí Bảo (2018), *Xây dựng văn hóa trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản tháng 12/2018.
20. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học *Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội*, mã số: 01X-11-2018-2.
21. Vũ Đình Bảy - Nguyễn Phước Dũng (2015), *Đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị ở đại học, cao đẳng theo định hướng năng lực*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, (4).

22. Vũ Thanh Bình (2012), *Vấn đề chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên LLCT, Hà Nội.
23. Lê Thanh Bình (2021), *Truyền thông phát triển xã hội, văn hóa, ngoại giao văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Vũ Xuân Cảnh (2018), *Xây dựng văn hóa chính trị cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 406, tháng 4-2018.
25. Doãn Thị Chín, Lê Thị Thảo (Đồng chủ biên- 2016), *Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với việc giáo dục lối sống cho sinh viên*, Nxb Chính trị Quốc gia– Sự thật, Hà Nội.
26. Nguyễn Trọng Chuẩn (2020), *Bàn về văn hóa chính trị* - Tạp chí Tuyên giáo số 7 (350), tr.19-20.
27. Tạ Thành Chung (2017), *Văn hóa chính trị của Công an nhân dân trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
28. Vũ Quốc Cường (2018), *Xây dựng văn hóa chính trị của sinh viên học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay*, Đề tài NCKH, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
29. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
30. Nguyễn Phước Dũng (2011), *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Tạp chí Khoa học chính trị, (3), Hà Nội.
31. Vũ Tuấn Dũng – Nguyễn Chí Mỹ (2019), *Nghĩ về phai nhạt lý tưởng cách mạng*, Tạp chí Báo cáo viên, Ban Tuyên giáo Trung ương số 4.
32. Cao Văn Dũng (2022), *Xây dựng văn hóa chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Báo Đồng khởi ngày 07/2/2022.

33. Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2012), *Từ điển Xã hội học Oxpord*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2017), *Nghị quyết về đổi mới mạnh mẽ phương pháp - tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học*, Hà Nội.
41. Phạm Duy Đức và Vũ Thị Phương Hậu (2022): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam- một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Trần Thanh Giang (2017), *Tăng cường giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, (2), tr.73 - 78.
43. Ngô Văn Hà (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy và việc xây dựng đội ngũ giảng viên đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Văn Hải (2001), *Về văn hoá chính trị*, Tạp chí Lý luận chính trị, (5), tr.81-84.

45. Trần Ngọc Hiên (2005), *Phát huy ưu thế của nền văn hoá chính trị Việt Nam tạo động lực cho công cuộc đổi mới*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, tháng 6, tr.17-21
46. Đoàn Đức Hiếu - Phùng Thế Anh (2015), “Đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, (6).
47. Lương Khắc Hiếu (chủ biên) (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 1,2 Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng Sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
49. Đình Hiệp – Khánh ly (2021), *Tiếp tục giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam, thực sự là "nền tảng tinh thần", "soi đường cho quốc dân đi"*, đăng trên báo Hà Nội mới ngày 24/11/2022.
50. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2011), *Đổi mới phương pháp giảng dạy và học các môn chuyên ngành giáo dục chính trị ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
51. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013): *Tập bài giảng Chính trị học – hệ CCLLCT* - Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
52. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2011), *Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
54. Hội đồng quốc gia (2003): *Từ điển bách khoa Việt Nam*, (4 tập), Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội.
55. Hội sinh viên Việt Nam- BCH thành phố Hà Nội: *Báo cáo Tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên Thủ đô năm học 2020 – 2021*, số 44-BC/SVHN, ngày 28/5/2021

56. Quang Hùng (2016), *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
57. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Tiếp cận triết học về văn hoá chính trị và xây dựng văn hoá chính trị Việt Nam hiện nay*, Bản tin thông tin chính trị học, (1 và 2).
58. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn hoá và văn hoá chính trị từ cách tiếp cận của triết học chính trị mácxít*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (19/7).
59. Nguyễn Văn Huyền (2009), *Bước đầu tìm hiểu những giá trị văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Nguyễn Văn Huyền (2009), *Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 Về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.
62. Nguyễn Minh Khoa (2016), *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh với việc xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Phạm Đình Khuê (2016), *Ý thức chính trị của sinh viên nước ta hiện nay - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
64. Phạm Huy Kỳ (2010), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
65. Phạm Huy Kỳ (2010), *Văn hóa chính trị Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2010/652/Van-hoa-chinh-tri-Viet-Nam-trong-thoi-ky-doi-moi.aspx>

66. Phạm Huy Kỳ (2015), *Từng bước đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, (4).
67. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng”
68. Bùi Thị Ngọc Lan (2012), *Phương pháp giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường cao đẳng, đại học*, Tạp chí Thiết bị dạy học, (86).
69. Hoàng Thúc Lân (2014), *Phát triển năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Trần Thị Tùng Lâm (2017): *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay* - Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
71. Nguyễn Hữu Lập (2015), *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
72. Phạm Văn Linh (chủ biên - 2017), *Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Nguyễn Văn Lượng, Hà Thị Bích Thủy (2022), *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*, Tạp chí Tuyên giáo, ngày 24/11/2022
74. Trần Viết Lưu (2021), *Văn hóa chính trị - ngọn đuốc thắp sáng tương lai dân tộc*, đăng trên báo Hà Nội mới, ngày 29/11/2021.
75. Khuất Trọng Nam (2017), *Một cách tiếp cận về văn hóa chính trị*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 3925 tháng 5, Hà Nội
76. Nghiêm Thị Thu Nga (2017), *Văn hóa chính trị thời Trần qua triết lý về quyền lực của người cầm quyền*, Thông tin Văn hóa và Phát triển, (54), tr.18-23.

77. Nghiêm Thị Thu Nga (2018), *Văn hóa chính trị thời thịnh Trần*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
78. Phạm Quang Nghị (2003), “Ôn lại những giá trị soi đường của Đề cương văn hóa Việt Nam 1943”. Báo Nhân dân cuối tuần (36) 762 ngày 7/9.
79. Dương Xuân Ngọc (2016), *Vấn đề đổi mới chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế theo tinh thần Đại hội XII của Đảng*, Tạp chí Lý luận chính trị, (8).
80. Hoàng Phê (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
81. Nguyễn Hồng Phong (1998), *Văn hóa chính trị Việt Nam: truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
82. Bùi Đình Phong (2021), *Văn hóa nói chung, văn hóa chính trị nói riêng phải lấy dân làm gốc*- Báo điện tử dangcongsan.vn.
83. Đồng Văn Phường (2016), *Phương pháp của giảng viên và điều kiện học tập của sinh viên khi chuyển sang đào tạo theo tín chỉ*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, (2).
84. Phạm Ngọc Quang (1995), *Văn hoá chính trị và việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
85. Phạm Hồng Quang (2012), *Xây dựng và hoàn thiện môi trường giáo dục đại học*, Tạp chí giáo dục 2012, số 278, tr2-4
86. Đào Duy Quát (2022), *Xây dựng văn hóa học đường, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 25/8/2022.
87. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
88. Phan Hoàng Quỳnh (2022), *Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị số 536 (10-2022).

89. Nguyễn Thái Sinh (2010), *Phát triển văn hoá chính trị người sĩ quan biên phòng trong tình hình mới*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học, Học viện Chính trị, Hà Nội.
90. Phan Xuân Sơn – Chu Thị Thanh Huyền (2016), *Vấn đề văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Lý luận chính trị (3).
91. Phan Xuân Sơn (2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học*, Nxb Chính trị hành chính, Hà Nội.
92. Tạ Ngọc Tấn (2014), *Phát triển văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
93. Thành ủy Hà Nội (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025*, Nxb Thông tấn, Hà Nội
94. Ngô Văn Thạo (2008), *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
95. Nguyễn Thanh Thảo (2016), *Nhu cầu và điều kiện học tập lý luận chính trị của sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, luận án Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
96. Nguyễn Thị Toàn Thắng (2022), *Xây dựng nhân cách văn hóa chính trị*, Báo điện tử Sài gòn giải phóng ngày 19/12/2022.
97. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
98. Ngô Đức Thịnh (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống và biến đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Nguyễn Thị Thu Thủy (2014), *Quản lý đào tạo giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Đại học Giáo dục, Hà Nội.
100. Nguyễn Thị Ngọc Trâm (2021), *Xây dựng môi trường văn hoá trong các cơ sở giáo dục và đào tạo - Thực tiễn tại Trường Chính trị tỉnh*

Bình Phước - Thông tin Lý luận và thực tiễn, trường Chính trị tỉnh Bình Phước.

101. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
102. Nguyễn Trung, Hà Bình, Lan Ngọc (2021), *Văn hóa chính trị và góc nhìn đạo đức người cán bộ*, Tạp chí Xây Dựng Đảng.
103. Nguyễn Quang Trung (2015), *Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên trong đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
104. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (2006), *Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các trường đại học, cao đẳng khối ngành kỹ thuật*, Báo cáo tổng hợp Đề tài NCKH cấp Bộ.
105. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2012), *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
106. Đỗ Minh Tuấn (2016), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền/ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
107. Lâm Quốc Tuấn (2004), *Kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá chính trị Việt Nam*, Tạp chí tư tưởng văn hoá, (tháng 10).
108. Phạm Hồng Tung (2021): *Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Phạm Hồng Tung (2008), *Văn hoá chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hoá chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
110. Nguyễn Trọng Tứ (2015), "Thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và

- thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10).
111. Nguyễn Thị Ứng (2018), *Tư tưởng yêu nước trong văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam*, Tạp chí Mặt trận (tháng 8/2018).
 112. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998
 113. Trần Thù Vân (2015), *Vấn đề xây dựng văn hóa chính trị cho sinh viên hiện nay*, Báo An ninh thủ đô, tháng 9 năm 2015.
 114. Viện Chính trị học (2013), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị hành chính, Hà Nội
 115. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị- tư tưởng trong học viên các học viện Quân sự ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
 116. Nguyễn Văn Vĩnh, *Bàn về sức sống của văn hóa chính trị Việt Nam*, Tạp chí Tuyên giáo, ngày 2-4-2015.
 117. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
 118. Dương Trung Ý (2007), *Ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn Hà Nội*, Đề tài khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

119. Almond G. (1956), "Comparative Political System", in: *The journal of Politics* (8), pp.12-15.
120. Almond G. and Verba S. (1963), *The Civic Culture – Political attitudes and Democracy in Five Nations*, Boston: little, Brown & Co.G.
121. Ball A.R. (1977), *Modern Politics and Government*, 2nd ed, London, Macmillan.

122. Harrigan J.J. (1995), "Political Culture and Public opinion" in: Politics and the American future, Dilemmas of Democracy, The McGraw – Hill Companies, Inc, pp.80-105.
123. I.X.Pirôvaróp (1994), "Political Culture", Mátxcova, Inhion.
124. Pye L. (1968), "Political Culture", in: International Encyclopedia of the Social Sciences, 12, London, Macmillan.
125. Row E. (1974), Modern Politics, London, Routledge and Kegan Paul.
158. Sodaro M.J. (1995), "Political Culture and Political Psychology", in Comparative politics: A global Introduction, The George Washington University, The McGraw – Hill Companies. Inc., Aimis Custom Publishing, pp. 361-385.
126. Tocqueville A. (1996), Democracy in America, ed. By J.P. Mayer, trans. By George Lawrence, NewYork: Happer &Row.
127. Walter A.Rosenbaum (1975), Political Culture, London: Nelson. 161.
- Wildavsky, Aaron (1987), Choosing Preferences by Constructing Institutions: A cultural Theory of Preference Formation, in: American Political Science Review, (81), No.1 March.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Xin chào bạn !

Chúng tôi đang nghiên cứu vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hà Nội. Để cung cấp thêm dữ liệu khoa học nhằm đánh giá thực trạng, tìm ra giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, rất mong bạn vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây một cách thẳng thắn. Để chọn phương án trả lời, bạn hãy đánh dấu X vào số thứ tự của phương án mà bạn lựa chọn.

Câu 1: Bạn cho biết việc tiếp cận thông tin thời sự chính trị của mình:

- *Mức độ quan tâm của bạn đến tình hình chính trị - xã hội của đất nước?*

1. Không quan tâm 2. Ít quan tâm 3. Quan tâm 4. Rất quan tâm

- *Thời lượng xem ti vi trong ngày của bạn làphút?*

- *Chương trình nào trên tivi dưới đây mà bạn thường xuyên xem nhất?*

1. Thời sự 2. Thể thao 3. Phim truyện 4. Khác

- *Phương tiện và mức độ tiếp cận thông tin thời sự chính trị của bạn như thế nào? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ tiếp cận)*

Phương tiện	Mức độ tiếp cận			
	1. Không tiếp cận	2. Bình thường	3. Thường xuyên	4. Rất thường xuyên
<i>Báo in</i>	1	2	3	4
<i>Truyền hình</i>	1	2	3	4
<i>Phát thanh</i>	1	2	3	4
<i>Báo mạng</i>	1	2	3	4
<i>Mạng xã hội</i>	1	2	3	4

Câu 2: Theo bạn, hình thức nào đem lại hiệu quả nhất trong việc học tập và tìm hiểu thông tin VHCT? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ)

Phương án	Mức độ hiệu quả			
	1. Không hiệu quả	2. Hiệu quả thấp	3. Hiệu quả	4. Hiệu quả cao
<i>Học tập trên lớp</i>	1	2	3	4
<i>Sinh hoạt hội, đoàn</i>	1	2	3	4
<i>Các kênh thông tin đại chúng</i>	1	2	3	4
<i>Sách, báo, tài liệu</i>	1	2	3	4
<i>Mạng xã hội</i>	1	2	3	4

Câu 3: Bạn có hiểu biết về mục tiêu phát triển đất nước theo tinh thần đại hội Đảng lần thứ XIII không?

1. Không hiểu 2. Hiểu một ít 3. Hiểu rõ

Câu 4: Bạn đánh giá như thế nào về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước sau 35 năm đổi mới và phát triển?

1. Tiêu cực nhiều hơn tích cực
2. Có chuyển biến tốt nhưng tiêu cực cũng tăng
3. Có chuyển biến tương đối tích cực
4. Có chuyển biến to lớn, tích cực

Câu 5: Bạn có hứng thú với việc học các môn Khoa học Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh trên giảng đường không? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ)

Môn học	Mức độ hứng thú			
	1. Không hứng thú	2. Hứng thú không nhiều	3. Hứng thú	4. Rất hứng thú
<i>Khoa học Mác - Lê nin</i>	1	2	3	4
<i>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	1	2	3	4
<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	1	2	3	4

Câu 6: Bạn có hài lòng với phương pháp thuyết trình có kết hợp đối thoại, nêu vấn đề... trong giảng dạy VHCT hiện nay không?

1. Không hài lòng 2. Hài lòng 3. Rất hài lòng

Câu 7: Theo bạn phương pháp nào sau đây mang lại hiệu quả giáo dục VHCT tốt nhất cho sinh viên? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ hiệu quả)

Phương án	Mức độ hiệu quả			
	1. Không hiệu quả	2. Hiệu quả không cao	3. Hiệu quả	4. Rất hiệu quả
<i>Phương pháp tự nghiên cứu</i>	1	2	3	4
<i>Phương pháp thuyết trình</i>	1	2	3	4
<i>Phương pháp đối thoại</i>	1	2	3	4
<i>Phương pháp thảo luận nhóm</i>	1	2	3	4
<i>Sử dụng các phương tiện hiện đại</i>	1	2	3	4

Câu 8: Theo bạn, đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT tại trường bạn hiện nay là:

1. Không cần thiết 2. Đổi mới theo từng nội dung 3. Cần đổi mới căn bản, toàn diện

Câu 9: Nếu có cơ hội, bạn có muốn tham gia hoạt động ngoại khóa thay thế hình thức học chính khóa môn VHCT tại trường bạn không?

1. Có 2. Không

Câu 10: Đánh giá của bạn về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên được triển khai thực hiện tại trường bạn đang học?

STT	Thực trạng	Đồng ý	Không đồng ý
1	Đáp ứng được yêu cầu	☐	☐
2	Có đổi mới, sáng tạo	☐	☐
3	Có cố gắng đổi mới, sáng tạo nhưng chưa thường xuyên	☐	☐
4	Còn rập khuôn, ít sáng tạo	☐	☐
5	Cụ thể, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với tiếp nhận của sinh viên	☐	☐
6	Có lúc chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với thực tiễn	☐	☐
7	Ý kiến khác...	☐	☐

Câu 11: Mức độ tham gia của bạn đối với các hoạt động của Đoàn các cấp?

(Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ tham gia)

Phương án	Mức độ tham gia			
	1. Không tham gia	2. Không thường xuyên	3. Thường xuyên	4. Rất thường xuyên
Chi đoàn	1	2	3	4
Liên chi đoàn	1	2	3	4
Đoàn trường	1	2	3	4
Các hoạt động tình nguyện	1	2	3	4

Câu 12: Mức độ tham gia vào các buổi lễ kỷ niệm, các sự kiện ở trường hay ở địa phương của bạn?

1. Không tham gia
2. Tham gia nhưng không thường xuyên
3. Thường xuyên
4. Rất thường xuyên

Tại sao ?.....

Câu 13: Theo bạn, đổi mới phương thức giáo dục VHCT là gì?

1. Loại bỏ các phương thức cũ
2. Kế thừa có sáng tạo phương thức giáo dục truyền thống
3. Vừa kế thừa có sáng tạo phương thức giáo dục truyền thống, vừa sáng tạo phương thức mới cho phù hợp với sử dụng phương tiện hiện đại

Câu 14: Trong thời gian học tập tại trường, bạn đã được tham gia những buổi tọa đàm, hội thảo, thảo luận về VHCT nào chưa?

1. Chưa bao giờ
2. Thỉnh thoảng
3. Nhiều lần tham gia
4. Tham gia thường xuyên

Câu 15: Bạn đánh giá như thế nào về chất lượng của các chương trình, hoạt động về VHCT do nhà trường tổ chức

1. Kém
2. Trung bình
3. Khá
4. Tốt
5. Rất tốt

Câu 16: Bạn đánh giá như thế nào về các phương tiện trong giáo dục VHCT cho sinh viên của nhà trường hiện nay?

1. Không thiết thực, phù hợp
2. Thiết thực, phù hợp
3. Rất thiết thực, phù hợp

Câu 17: Theo bạn, sách, báo, tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập VHCT của nhà trường hiện nay như thế nào?

1. Nghèo nàn, lạc hậu
2. Tương đối đầy đủ, hiện đại
3. Rất đầy đủ, hiện đại

Câu 18: Bạn đánh giá như thế nào về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên và vai trò của nhà trường trong việc này? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ)

Phương án	Mức độ quan trọng			
	1. Rất không quan trọng	2. Không quan trọng	3. Quan trọng	4. Rất quan trọng
<i>Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay</i>	1	2	3	4
<i>Vai trò của Nhà trường trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên</i>	1	2	3	4

Câu 19: Bạn đánh giá như thế nào về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giảng viên dạy VHCT của nhà trường hiện nay? (Mỗi dòng lựa chọn 1 mức độ đánh giá)

Phương án	Mức độ đánh giá				
	1. Kém	2. Trung bình	3. Khá	4. Tốt	5. Rất tốt
<i>Tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy</i>	1	2	3	4	5
<i>Đạo đức, lối sống, tác phong</i>	1	2	3	4	5
<i>Trình độ chuyên môn và tri thức khoa học</i>	1	2	3	4	5
<i>Mức độ truyền đạt bài giảng</i>	1	2	3	4	5
<i>Mức độ sử dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện hiện đại.</i>	1	2	3	4	5

Câu 20: Theo bạn, để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay, cần phải làm những gì? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, giảng viên
2. Đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên

3. Tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hóa phương tiện giáo dục
4. Xây dựng môi trường văn hóa học đường
5. Tăng cường quản lý mạng xã hội, quản lý báo chí truyền thông
6. Phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên
7. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, giáo dục về VHCT cho sinh viên
8. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường
9. Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Câu 1: *Mức độ quan tâm của bạn đến tình hình chính trị - xã hội của đất nước?*

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHDN	
Mức độ quan tâm	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không quan tâm	17	6.91%	2	0.83%	1	0.43%	3	1.25%
Ít quan tâm	34	13.82%	25	10.37%	31	13.19%	60	25.00%
Quan tâm	189	76.83%	178	73.86%	157	66.81%	96	40.00%
Rất quan tâm	6	2.44%	36	14.94%	46	19.57%	81	33.75%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

- Chương trình nào trên tivi dưới đây mà bạn thường xuyên xem nhất?

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHDN	
Mức độ quan tâm	Số phiếu	%	Số phiếu	Số phiếu			Số phiếu	%
Thời sự	17	6.91%	11	11	11	4.68%	11	4.58%
Thể thao	97	39.43%	79	79	28	11.91%	79	32.92%
Phim truyện	112	45.53%	123	123	160	68.09%	123	51.25%
Chương trình khác	20	8.13%	27	27	36	15.32%	27	11.25%
Tổng	246	100.0	240	240	235	100	240	100

- Phương tiện và mức độ tiếp cận thông tin thời sự chính trị của bạn như thế nào?

HVBCTT								
Phương tiện	Mức độ tiếp cận							
	1. Không tiếp cận		2. Bình thường		3. Thường xuyên		4. Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Báo in	117	47.56%	69	28.05%	52	21.14%	8	3.25%
Truyền hình	14	5.69%	7	2.85%	116	47.15%	109	44.31%
Phát thanh	113	45.93%	94	38.21%	17	6.91%	22	8.94%

Báo mạng	3	1.22%	65	26.42%	141	57.32%	37	15.04%
Mạng xã hội	1	0.41%	90	36.59%	147	59.76%	8	3.25%
ĐHKHXHNV								
Phương tiện	Mức độ tiếp cận							
	1. Không tiếp cận		2. Bình thường		3. Thường xuyên		4. Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Báo in	127	52.70%	52	21.58%	42	17.43%	20	8.30%
Truyền hình	119	49.38%	43	17.84%	67	27.80%	12	4.98%
Phát thanh	129	53.53%	34	14.11%	41	17.01%	37	15.35%
Báo mạng	8	3.32%	22	9.13%	133	55.19%	78	32.37%
Mạng xã hội	2	0.83%	17	7.05%	161	66.80%	61	25.31%
ĐHNT								
Phương tiện	Mức độ tiếp cận							
	1. Không tiếp cận		2. Bình thường		3. Thường xuyên		4. Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Báo in	178	75.74%	17	7.23%	39	16.60%	1	0.43%
Truyền hình	18	7.66%	21	8.94%	74	31.49%	122	51.91%
Phát thanh	201	85.53%	16	6.81%	13	5.53%	5	2.13%
Báo mạng	22	9.36%	8	3.40%	67	28.51%	138	58.72%
Mạng xã hội	4	1.70%	20	8.51%	94	40.00%	117	49.79%
ĐHĐN								
Phương tiện	Mức độ tiếp cận							
	1. Không tiếp cận		2. Bình thường		3. Thường xuyên		4. Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Báo in	70	29.17%	37	15.42%	105	43.75%	28	11.67%
Truyền hình	22	9.17%	18	7.50%	107	44.58%	93	38.75%
Phát thanh	151	62.92%	65	27.08%	22	9.17%	2	0.83%
Báo mạng	7	2.92%	132	55.00%	72	30.00%	29	12.08%
Mạng xã hội	0	0.00%	13	5.42%	135	56.25%	92	38.33%

Câu 2: Theo bạn, hình thức nào đem lại hiệu quả nhất trong việc việc học tập và tìm hiểu thông tin VHCT?

HVBCTT								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả thấp		3. Hiệu quả		4. Hiệu quả cao	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Học tập trên lớp</i>	32	13.01%	44	17.89%	123	50.00%	47	19.11%
<i>Sinh hoạt hội, đoàn</i>	148	60.16%	76	30.89%	22	8.94%	0	0.00%
<i>Các kênh thông tin đại chúng</i>	113	45.93%	60	24.39%	24	9.76%	49	19.92%
<i>Sách, báo, tài liệu</i>	113	45.93%	65	26.42%	20	8.13%	48	19.51%
<i>Mạng xã hội</i>	91	36.99%	68	27.64%	47	19.11%	40	16.26%
ĐHKHXNV								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả thấp		3. Hiệu quả		4. Hiệu quả cao	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Học tập trên lớp</i>	31	12.86%	44	18.26%	123	51.04%	43	17.84%
<i>Sinh hoạt hội, đoàn</i>	134	55.60%	75	31.12%	22	9.13%	10	4.15%
<i>Các kênh thông tin đại chúng</i>	93	38.59%	61	25.31%	24	9.96%	63	26.14%
<i>Sách, báo, tài liệu</i>	113	46.89%	65	26.97%	22	9.13%	41	17.01%
<i>Mạng xã hội</i>	91	37.76%	68	28.22%	49	20.33%	33	13.69%
ĐHNT								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả thấp		3. Hiệu quả		4. Hiệu quả cao	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Học tập trên lớp</i>	187	79.57%	16	6.81%	22	9.36%	10	4.26%
<i>Sinh hoạt hội, đoàn</i>	115	48.94%	21	8.94%	97	41.28%	2	0.85%
<i>Các kênh thông tin đại chúng</i>	186	79.15%	13	5.53%	13	5.53%	23	9.79%
<i>Sách, báo, tài liệu</i>	20	8.51%	8	3.40%	90	38.30%	117	49.79%
<i>Mạng xã hội</i>	9	3.83%	14	5.96%	79	33.62%	133	56.60%
ĐHĐN								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả thấp		3. Hiệu quả		4. Hiệu quả cao	

	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Học tập trên lớp</i>	20	8.33%	79	32.92%	85	35.42%	56	23.33%
<i>Sinh hoạt hội, đoàn</i>	170	70.83%	13	5.42%	36	15.00%	21	8.75%
<i>Các kênh thông tin đại chúng</i>	112	46.67%	21	8.75%	22	9.17%	85	35.42%
<i>Sách, báo, tài liệu</i>	109	45.42%	51	21.25%	41	17.08%	39	16.25%
<i>Mạng xã hội</i>	98	40.83%	51	21.25%	18	7.50%	73	30.42%

Câu 3: Bạn có hiểu biết về mục tiêu phát triển đất nước theo tinh thần đại hội

Đảng lần thứ XIII không?

	HVBC TT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không hiểu	94	38.21%	88	36.51%	78	33.19%	71	29.58%
Hiểu một ít	122	49.59%	150	62.24%	124	52.77%	120	50.00%
Hiểu rõ	30	12.20%	3	1.24%	33	14.04%	49	20.42%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100%	240	100

Câu 4: Bạn đánh giá như thế nào về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã

hội của đất nước sau 35 năm đổi mới và phát triển?

	HVBC TT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Đánh giá	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Tiêu cực nhiều hơn tích cực	11	4.47%	9	3.73%	9	3.83%	18	7.50%
Có chuyển biến tốt nhưng tiêu cực cũng tăng	84	34.15%	73	30.29%	68	28.94%	91	37.92%
Có chuyển biến tương đối tích cực	90	36.59%	68	28.22%	156	66.38%	95	39.58%
Có chuyển biến to lớn	61	24.80%	91	37.76%	2	0.85%	36	15.00%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 5: Bạn có hứng thú với việc học các môn Khoa học Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh trên giảng đường không?

HVBCTT								
Môn học	Mức độ hứng thú							
	1. Không hứng thú		2. Hứng thú không nhiều		3. Hứng thú		4. Rất hứng thú	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Khoa học Mác - Lê nin</i>	101	41.06%	84	34.15%	38	15.45%	23	9.35%
<i>Đường lối cách mạng của Đảng</i>	148	60.16%	61	24.80%	22	8.94%	15	6.10%
<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	133	54.07%	60	24.39%	24	9.76%	29	11.79%
ĐHKHXHN								
Môn học	Mức độ hứng thú							
	1. Không hứng thú		2. Hứng thú không nhiều		3. Hứng thú		4. Rất hứng thú	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Khoa học Mác - Lê nin</i>	91	37.76%	74	30.71%	52	21.58%	24	9.96%
<i>Đường lối cách mạng của Đảng</i>	134	55.60%	98	40.66%	6	2.49%	3	1.24%
<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	101	41.91%	61	25.31%	24	9.96%	55	22.82%
ĐHNT								
Môn học	Mức độ hứng thú							
	1. Không hứng thú		2. Hứng thú không nhiều		3. Hứng thú		4. Rất hứng thú	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Khoa học Mác -</i>	128	54.47%	16	6.81%	22	9.36%	69	29.36%

Lê nin								
Đường lối cách mạng của Đảng	115	48.94%	21	8.94%	75	31.91%	24	10.21%
Tư tưởng Hồ Chí Minh	218	92.77%	8	3.40%	2	0.85%	7	2.98%
ĐHĐN								
Môn học	Mức độ hứng thú							
	1. Không hứng thú		2. Hứng thú không nhiều		3. Hứng thú		4. Rất hứng thú	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khoa học Mác - Lê nin	111	46.25%	43	17.92%	77	32.08%	9	3.75%
Đường lối cách mạng của Đảng	194	80.83%	41	17.08%	1	0.42%	4	1.67%
Tư tưởng Hồ Chí Minh	172	71.67%	47	19.58%	17	7.08%	4	1.67%

Câu 6: Bạn có hài lòng với phương pháp thuyết trình có kết hợp đối thoại, nêu vấn đề... trong giảng dạy VHCT hiện nay không?

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không hài lòng	58	23.58%	63	26.14%	34	14.47%	49	20.42%
Hài lòng	177	71.95%	168	69.71%	196	83.40%	188	78.33%
Rất hài lòng	11	4.47%	10	4.15%	5	2.13%	3	1.25%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 7: Theo bạn phương pháp nào sau đây mang lại hiệu quả giáo dục VHCT tốt nhất cho sinh viên?

HVBCTT								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả không cao		3. Hiệu quả		4. Rất hiệu quả	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Phương pháp tự nghiên cứu</i>	121	49.19%	69	28.05%	49	19.92%	7	2.85%
<i>Phương pháp thuyết trình</i>	123	50.00%	61	24.80%	40	16.26%	22	8.94%
<i>Phương pháp đối thoại</i>	98	39.84%	44	17.89%	54	21.95%	50	20.33%
<i>Phương pháp thảo luận nhóm</i>	35	14.23%	60	24.39%	90	36.59%	61	24.80%
<i>Sử dụng các phương tiện hiện đại</i>	11	4.47%	28	11.38%	147	59.76%	60	24.39%
ĐHKHXHNV								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả không cao		3. Hiệu quả		4. Rất hiệu quả	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Phương pháp tự nghiên cứu</i>	135	56.02%	60	24.90%	44	18.26%	2	0.83%
<i>Phương pháp thuyết trình</i>	113	46.89%	51	21.16%	50	20.75%	27	11.20%
<i>Phương pháp đối thoại</i>	118	48.96%	54	22.41%	34	14.11%	35	14.52%
<i>Phương pháp thảo luận nhóm</i>	39	16.18%	61	25.31%	88	36.51%	53	21.99%
<i>Sử dụng các phương tiện hiện đại</i>	11	4.56%	38	15.77%	133	55.19%	59	24.48%
ĐHNT								

Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả không cao		3. Hiệu quả		4. Rất hiệu quả	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Phương pháp tự nghiên cứu</i>	93	39.57%	16	6.81%	22	9.36%	104	44.26%
<i>Phương pháp thuyết trình</i>	96	40.85%	38	16.17%	80	34.04%	21	8.94%
<i>Phương pháp đối thoại</i>	122	51.91%	17	7.23%	37	15.74%	59	25.11%
<i>Phương pháp thảo luận nhóm</i>	76	32.34%	36	15.32%	80	34.04%	43	18.30%
<i>Sử dụng các phương tiện hiện đại</i>	92	39.15%	40	17.02%	83	35.32%	20	8.51%
ĐHĐN								
Phương án	Mức độ hiệu quả							
	1. Không hiệu quả		2. Hiệu quả không cao		3. Hiệu quả		4. Rất hiệu quả	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Phương pháp tự nghiên cứu</i>	94	39.17%	25	10.42%	121	50.42%	0	0.00%
<i>Phương pháp thuyết trình</i>	165	68.75%	15	6.25%	6	2.50%	54	22.50%
<i>Phương pháp đối thoại</i>	164	68.33%	25	10.42%	49	20.42%	2	0.83%
<i>Phương pháp thảo luận nhóm</i>	34	14.17%	120	50.00%	72	30.00%	14	5.83%
<i>Sử dụng các phương tiện hiện đại</i>	16	6.67%	100	41.67%	91	37.92%	33	13.75%

Câu 8: Theo bạn, đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục VHCT tại trường bạn hiện nay là:

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không cần thiết	8	3.25%	11	4.56%	32	13.62%	5	2.08%
Đổi mới theo từng nội dung	216	87.80%	193	80.08%	162	68.94%	225	93.75%
Cần đổi mới căn bản, toàn diện	22	8.94%	37	15.35%	41	17.45%	10	4.17%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 9: Nếu có cơ hội, bạn có muốn tham gia hoạt động ngoại khóa thay thế hình thức học chính khóa môn VHCT tại trường bạn không?

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Đã tham gia	212	86.18%	203	84.23%	119	50.64%	199	82.92%
Chưa tham gia	34	13.82%	38	15.77%	116	49.36%	41	17.08%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 10: Đánh giá của bạn về thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên được triển khai thực hiện tại trường bạn đang học?

HVBCTT					
STT	Thực trạng	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Đáp ứng được yêu cầu	49	19.92%	197	80.08%
2	Có đổi mới, sáng tạo	40	16.26%	206	83.74%
3	Có cố gắng đổi mới, sáng tạo nhưng chưa thường xuyên	54	21.95%	192	78.05%
4	Còn rập khuôn, ít sáng tạo	86	34.96%	160	65.04%
5	Cụ thể, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với tiếp nhận của sinh viên	90	36.59%	156	63.41%
6	Có lúc chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với thực tiễn	147	59.76%	99	40.24%

ĐHKHXHN					
STT	Thực trạng	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Đáp ứng được yêu cầu	44	18.26%	197	81.74%
2	Có đổi mới, sáng tạo	50	20.75%	191	79.25%
3	Có cố gắng đổi mới, sáng tạo nhưng chưa thường xuyên	62	25.73%	179	74.27%
4	Còn rập khuôn, ít sáng tạo	77	31.95%	164	68.05%
5	Cụ thể, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với tiếp nhận của sinh viên	81	33.61%	160	66.39%
6	Có lúc chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với thực tiễn	123	51.04%	118	48.96%
DHNT					
STT	Thực trạng	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Đáp ứng được yêu cầu	43	18.30%	192	81.70%
2	Có đổi mới, sáng tạo	100	42.55%	135	57.45%
3	Có cố gắng đổi mới, sáng tạo nhưng chưa thường xuyên	31	13.19%	204	86.81%
4	Còn rập khuôn, ít sáng tạo	87	37.02%	148	62.98%
5	Cụ thể, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với tiếp nhận của sinh viên	186	79.15%	49	20.85%
6	Có lúc chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với thực tiễn	43	18.30%	192	81.70%
DHĐN					
STT	Thực trạng	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Đáp ứng được yêu cầu	123	51.25%	117	48.75%
2	Có đổi mới, sáng tạo	81	33.75%	159	66.25%
3	Có cố gắng đổi mới, sáng tạo nhưng chưa thường xuyên	177	73.75%	63	26.25%
4	Còn rập khuôn, ít sáng tạo	17	7.08%	223	92.92%
5	Cụ thể, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với tiếp nhận của sinh viên	105	43.75%	135	56.25%
6	Có lúc chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với thực tiễn	123	51.25%	117	48.75%

Câu 11: Mức độ tham gia vào các buổi lễ kỷ niệm, các sự kiện ở trường hay ở địa phương của bạn?

	HVBC TT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Phương án	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không tham gia	11	4.47%	12	4.98%	13	5.53%	23	9.58%
Tham gia nhưng không thường xuyên	107	43.50%	164	68.05%	51	21.70%	122	50.83%
Thường xuyên	90	36.59%	52	21.58%	85	36.17%	68	28.33%
Rất thường xuyên	38	15.45%	13	5.39%	86	36.60%	27	11.25%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 12: Theo bạn, đổi mới phương thức giáo dục VHCT là gì?

	HVBC TT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Phương án	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Loại bỏ các phương thức cũ	6	2.44%	17	7.05%	35	14.89%	29	12.08%
Kế thừa có sáng tạo phương thức giáo dục truyền thống	90	36.59%	66	27.39%	59	25.11%	75	31.25%
Vừa kế thừa có sáng tạo, vừa sáng tạo phương thức mới phù hợp với phương tiện hiện đại	150	60.98%	158	65.56%	141	60.00%	136	56.67%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 13: Trong thời gian học tập tại trường, bạn đã được tham gia những buổi tọa đàm, hội thảo, thảo luận về VHCT nào chưa?

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Phương án	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Chưa bao giờ	11	4.47%	12	4.98%	67	28.51%	7	2.92%
Thỉnh thoảng	6	2.44%	17	7.05%	41	17.45%	12	5.00%
Nhiều lần tham gia	178	72.36%	131	54.36%	47	20.00%	221	92.08%
Tham gia thường xuyên	51	20.73%	81	33.61%	80	34.04%	0	0.00%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 14: Bạn đánh giá như thế nào về chất lượng của các chương trình, hoạt động về VHCT do nhà trường tổ chức

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Phương án	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Kém	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Trung bình	11	4.47%	13	5.39%	11	4.68%	12	5.00%
Khá	44	17.89%	34	14.11%	24	10.21%	56	23.33%
Tốt	170	69.11%	152	63.07%	104	44.26%	122	50.83%
Rất tốt	21	8.54%	42	17.43%	96	40.85%	50	20.83%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 15: Bạn đánh giá như thế nào về các phương tiện trong giáo dục VHCT cho sinh viên của nhà trường hiện nay?

	HVBCTT		ĐHKHXHN		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Không thiết thực, phù hợp	33	13.41%	29	12.03%	29	12.34%	38	15.83%
Thiết thực, phù hợp	134	54.47%	153	63.49%	143	60.85%	183	76.25%
Rất thiết thực, phù hợp	79	32.11%	59	24.48%	63	26.81%	19	7.92%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100	240	100

Câu 16: Theo bạn, sách, báo, tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập VHCT của nhà trường hiện nay như thế nào?

	HVBCTT		ĐHKHXHN		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Nghèo nàn, lạc hậu	25	10.16%	15	6.22%	8	3.40%	63	26.25%
Tương đối đầy đủ, hiện đại	159	64.63%	167	69.29%	204	86.81%	118	49.17%
Rất đầy đủ, hiện đại	62	25.20%	59	24.48%	23	9.79%	59	24.58%
Tổng	246	100.0	241	100.0	235	100.0	240	100

Câu 17: Bạn đánh giá như thế nào về đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên và vai trò của nhà trường trong việc này?

HVBCTT									
Phương án	Mức độ quan trọng								
	1. Rất không quan trọng		2. Không quan trọng		3. Quan trọng		4. Rất quan trọng		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<i>Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay</i>	11	4.47%	24	9.76%	89	36.18%	122	49.59%	
<i>Vai trò của Nhà trường trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên</i>	9	3.66%	13	5.28%	76	30.89%	148	60.16%	
ĐHKHXHNV									
Phương án	Mức độ quan trọng								
	1. Rất không quan trọng		2. Không quan trọng		3. Quan trọng		4. Rất quan trọng		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<i>Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay</i>	24	9.96%	17	7.05%	94	39.00%	106	43.98%	
<i>Vai trò của Nhà trường trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên</i>	13	5.39%	28	11.62%	86	35.68%	114	47.30%	
ĐHNT									
Phương án	Mức độ quan trọng								
	1. Rất không quan trọng		2. Không quan trọng		3. Quan trọng		4. Rất quan trọng		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<i>Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay</i>	19	8.09%	9	3.83%	47	20.00%	160	68.09%	

<i>Vai trò của Nhà trường trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên</i>	35	14.89%	18	7.66%	159	67.66%	23	9.79%
ĐHĐN								
Phương án	Mức độ quan trọng							
	1. Rất không quan trọng		2. Không quan trọng		3. Quan trọng		4. Rất quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay</i>	17	7.08%	23	9.58%	72	30.00%	128	53.33%
<i>Vai trò của Nhà trường trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên</i>	10	4.17%	36	15.00%	188	78.33%	6	2.50%

Câu 18: Bạn đánh giá như thế nào về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giảng viên dạy VHCT của nhà trường hiện nay?

HVBCTT								
Phương án	Mức độ đánh giá							
	1. Kém		2. Trung bình		3. Khá		4. Tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy	2	0.81%	24	9.76%	131	53.25%	89	36.18%
Đạo đức, lối sống, tác phong	3	1.22%	13	5.28%	154	62.60%	76	30.89%
Trình độ chuyên môn và tri thức khoa học	11	4.47%	34	13.82%	129	52.44%	72	29.27%
Mức độ truyền đạt bài giảng	8	3.25%	22	8.94%	133	54.07%	83	33.74%
Mức độ sử dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện hiện đại.	9	3.66%	17	6.91%	161	65.45%	59	23.98%

ĐHKHXHN								
Phương án	Mức độ đánh giá							
	1. Kém		2. Trung bình		3. Khá		4. Tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy	12	4.98%	17	7.05%	89	36.93%	123	51.04%
Đạo đức, lối sống, tác phong	13	5.39%	21	8.71%	74	30.71%	133	55.19%
Trình độ chuyên môn và tri thức khoa học	15	6.22%	16	6.64%	50	20.75%	160	66.39%
Mức độ truyền đạt bài giảng	21	8.71%	8	3.32%	73	30.29%	139	57.68%
Mức độ sử dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện hiện đại.	16	6.64%	22	9.13%	97	40.25%	106	43.98%
ĐHNT								
Phương án	Mức độ đánh giá							
	1. Kém		2. Trung bình		3. Khá		4. Tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy	4	1.70%	13	5.53%	139	59.15%	79	33.62%
Đạo đức, lối sống, tác phong	7	2.98%	16	6.81%	205	87.23%	7	2.98%
Trình độ chuyên môn và tri thức khoa học	10	4.26%	26	11.06%	107	45.53%	92	39.15%
Mức độ truyền đạt bài giảng	8	3.40%	0	0.00%	151	64.26%	76	32.34%
Mức độ sử dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện hiện đại.	5	2.13%	19	8.09%	200	85.11%	11	4.68%

ĐHĐN								
Phương án	Mức độ đánh giá							
	1. Kém		2. Trung bình		3. Khá		4. Tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy	6	2.50%	23	9.58%	206	85.83%	5	2.08%
Đạo đức, lối sống, tác phong	16	6.67%	11	4.58%	188	78.33%	25	10.42%
Trình độ chuyên môn và tri thức khoa học	3	1.25%	58	24.17%	177	73.75%	2	0.83%
Mức độ truyền đạt bài giảng	4	1.67%	19	7.92%	93	38.75%	124	51.67%
Mức độ sử dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện hiện đại.	8	3.33%	14	5.83%	142	59.17%	76	31.67%

Câu 19: Theo bạn, để tiếp tục đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay, cần phải làm những gì?

	HVBCTT		ĐHKHXHNV		ĐHNT		ĐHĐN	
Mức độ	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GVien	79	32.11%	90	37.34%	43	18.30%	45	18.75%
Đổi mới phương thức giáo dục VHCT	149	60.57%	149	61.83%	224	95.32%	178	74.17%
Tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hóa phương tiện	125	50.81%	128	53.11%	81	34.47%	141	58.75%

giáo dục								
Xây dựng môi trường văn hóa học đường.	215	87.40%	113	46.89%	191	81.28%	61	25.42%
Quản lý mạng xã hội, báo chí truyền thông	33	13.41%	18	7.47%	91	38.72%	188	78.33%
Phát huy tính tích cực, chủ động của SV	238	96.75%	197	81.74%	63	26.81%	24	10.00%
Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, giáo dục VHCT	144	58.54%	125	51.87%	176	74.89%	100	41.67%
Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường	88	35.77%	46	19.09%	25	10.64%	218	90.83%
Tổng	246	100.0	241	100	235	100	240	100

PHỤ LỤC 2: PHÒNG VẤN SÂU

Để có thêm căn cứ đánh giá thực trạng đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hà Nội, NCS đã tiến hành phỏng vấn sâu các cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác giáo dục VHCT cho sinh viên và các chủ thể giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học trong phạm vi khảo sát của luận án.

Thời gian phỏng vấn sâu: ngày 28/5/2022 và ngày 30/5/2022.

Hình thức phỏng vấn : trực tiếp.

Người thực hiện: tác giả luận án.

CÂU HỎI PHÒNG VẤN

Kính thưa Thầy/ Cô! Chúng tôi đang nghiên cứu vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hà Nội. Xin Thầy/ Cô vui lòng trả lời giúp chúng tôi một số câu hỏi sau. Xin cảm ơn Thầy/ Cô đã giúp đỡ chúng tôi!

1. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về thực trạng giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay ạ ?
2. Vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội được Thầy/ Cô đánh giá như thế nào ạ?
3. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về các phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
4. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về các hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
5. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về các phương tiện giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
6. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
7. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về hiệu quả đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
8. Đây là những vấn đề đặt ra trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
9. Các trường đại học cần phải làm gì để tăng cường đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?
10. Các chủ thể lãnh đạo, quản lý giáo dục chính trị- tư tưởng cho sinh viên các trường đại học cần phải làm gì để tăng cường đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay?

NỘI DUNG TRẢ LỜI

PVS1: Tôi đánh giá tốt kết quả giáo dục VHCT cho sinh viên tại các trường đại học hiện nay. Nhận thức chính trị của nhiều sinh viên đã được nâng cao, hành vi chính trị có nhiều chuyển biến tích cực. Sinh viên các trường đại học ở Hà Nội được giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, được trao truyền kiến thức về đường lối, chủ trương của Đảng, về pháp luật của Nhà nước nên họ có kiến thức chính trị- pháp luật cơ bản, có niềm tin vào Đảng và Nhà nước, tin vào con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Phần đông sinh viên có phẩm chất chính trị, có lập trường tư tưởng vững, có lối sống phù hợp với những đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn đời sống.

Trong thời gian qua, các trường đại học đã sử dụng phương pháp mới, phù hợp với nội dung và đối tượng. Đó là các phương pháp giáo dục hiện đại với quan điểm lấy người học làm trung tâm, còn gọi là phương pháp giáo dục chủ động, phương pháp giáo dục tích cực, đề cao hoạt động của sinh viên trong tư duy, nhận thức, phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các giảng viên đã sử dụng phương pháp tích hợp trong giáo dục VHCT, năng lực của người học được tăng cường vì được thực hành, củng cố, tôi luyện và luôn được sự hỗ trợ từ giảng viên. Các giảng viên kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau trong giáo dục chính khóa trên giảng đường, để vừa đạt được mục tiêu đổi mới hình thức giáo dục VHCT cho sinh viên, vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tiễn của các trường đại học. Các trường đại học ở Hà Nội đã có nhiều đổi mới trong việc sử dụng phương tiện giáo dục hiện đại như khai thác và sử dụng các phần mềm, linh hoạt trong sử dụng các ứng dụng hỗ trợ tích cực trong công tác giáo dục VHCT cho sinh viên. Ví dụ khi đại dịch Covid -19 diễn ra, nhiều trường đã nhanh chóng ứng dụng Microsoft Teams để tổ chức dạy học online, các giảng viên đã khai thác lợi thế của công nghệ thông tin, sử dụng Google form để giao bài tập cho sinh viên và kiểm tra kết quả học tập của sinh viên. Các trường cũng đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch, xây dựng ngân hàng đề thi và đăng tải trên website của nhà trường để sinh viên nắm bắt, chủ động nghiên cứu nội dung từng chuyên đề, từng bài học. Những đổi mới tích cực này cần được tiếp tục nhằm đạt hiệu quả giáo dục VHCT cho sinh viên.

PVS2: Giáo dục VHCT cho sinh viên là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục và công tác tư tưởng của Đảng. Thời gian qua, giáo dục VHCT cho sinh viên đã đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều sinh viên không chỉ học tốt, mà còn vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng ngay từ trên giảng đường. Tuy nhiên công tác giáo dục

VHCT cho sinh viên tới đây cần được đổi mới. Đổi mới là quy luật khách quan, vì đất nước ta đang đổi mới đồng bộ và toàn diện để chủ động hội nhập quốc tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo cũng đang đổi mới căn bản để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay. Quá trình đổi mới đó đòi hỏi phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên cũng phải được đổi mới toàn diện, sâu sắc.

PVS 3: Chúng tôi cũng có nhiều đề tài nghiên cứu về giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học. Tôi thấy vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên đã được thực hiện và thu được kết quả tích cực. Đội ngũ giảng viên đã có kỹ năng lựa chọn nội dung như điểm nhấn trong bài giảng VHCT, tránh lan man dàn trải, giúp sinh viên nắm được đề cương chi tiết môn học. Giảng viên đã có kỹ năng lựa chọn, nghiên cứu và xử lý tài liệu liên quan đến nội dung giáo dục VHCT cho sinh viên; xây dựng đề cương bài giảng; lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ, văn phong trong khi thuyết trình; kỹ năng điều khiển sự chú ý và trả lời câu hỏi khi thực hiện đối thoại với sinh viên... Để đạt mục đích giáo dục, tạo khả năng thu hút sự chú ý của người nghe, nội dung thuyết trình đã được chuẩn bị kỹ để mang đến cho sinh viên những thông tin mới hoặc là thông tin được làm mới bằng kỹ năng của chủ thể giáo dục.

Việc đưa những kiến thức thực tiễn vào bài giảng rất quan trọng vì nó làm mềm đi sự khô cứng của kiến thức, vì thực tiễn là cơ sở, điểm xuất phát, là động lực cho sự phát triển của lý luận, đồng thời là tiêu chuẩn kiểm tra chân lý. Khi giảng cho sinh viên, nhờ dẫn chứng thực tiễn mà các em hào hứng tiếp thu bài giảng hơn. Tuy nhiên nhiều bài giảng của giảng viên còn thiếu tính thực tiễn do chính vốn sống, vốn kinh nghiệm thực tiễn của nhiều giảng viên dạy VHCT còn ít. Vì thế cần gắn kết hơn lý luận và thực tiễn trong đổi mới phương pháp giáo dục.

PVS4: Tôi cũng từng là sinh viên và bây giờ cũng đang làm công tác sinh viên nên tôi thấy vấn đề đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học có ý nghĩa rất quan trọng. Đổi mới không chỉ từ phương pháp, hình thức học tập trên giảng đường, mà còn qua các hoạt động ngoại khóa. Phong trào sinh viên các trường đại học tại Hà Nội được triển khai sâu rộng, hình thức hấp dẫn, nội dung phong phú, thu hút đông đảo sinh viên tham gia, hoạt động đó đã tạo ấn tượng sâu sắc trong sinh viên và lan tỏa rộng trong cộng đồng. Các cuộc vận động, các chương trình công tác lớn được triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả từ thành phố tới cơ sở, góp phần củng cố và xây dựng tổ

chức Hội sinh viên, tạo sức hấp dẫn cho hình thức giáo dục VHCT đặc thù này trong các trường đại học.

PVS 5. Tôi thấy phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học đã và đang được đổi mới hiệu quả. Các giảng viên đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT, hướng nội dung vào những vấn đề bức xúc trong thực tiễn chính trị, tuyên truyền các tấm gương tốt trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; giải đáp kịp thời những vấn đề mà sinh viên đặt ra. Đây cũng là một trong những cách thức nâng cao tính cấp thiết, tính thời sự của VHCT, là kỹ năng đổi mới phương pháp thuyết trình VHCT cho sinh viên đã được các trường đại học áp dụng. Hiện nay các chủ thể giáo dục đã kết hợp đa dạng các phương pháp giáo dục, sáng tạo phương pháp mới phù hợp với nội dung và đối tượng, làm mới phương pháp giáo dục VHCT bằng cách tạo tính đối thoại có sự tham gia của đối tượng giáo dục. Nhà trường đã có nhiều hội thảo, tọa đàm, những giờ thảo luận trong các môn học về VHCT Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học, tọa đàm trao đổi, tổ chức thảo luận trong khi giảng dạy các môn học về VHCT. Các giảng viên đưa ra những chủ đề liên quan đến nội dung Nghị quyết 35, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, bảo vệ đường lối đổi mới của Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Những hoạt động này giúp cho sinh viên tăng cường nhận thức và kỹ năng khi tham gia các nền tảng mạng xã hội. Thực tế qua các hoạt động của nhà trường, có nhiều sinh viên tiến bộ nhanh, có sinh viên ngay từ năm thứ nhất đã bộc lộ sở trường và năng lực cá nhân, tích cực tìm hiểu các tri thức về VHCT, phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

PVS 6. Hiện nay, tôi thấy đội ngũ giảng viên đã và đang tích cực đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên. Ví dụ phương pháp thuyết trình đã được kết hợp với phương pháp làm việc nhóm đã được thực hiện trong đổi mới phương pháp giáo dục. Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm trong đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Nhiều giảng viên kết hợp thuyết trình với phương pháp tình huống, cũng là đổi mới. Đây là đổi mới phương pháp giáo dục vì đã thực hiện quan điểm lấy người học làm trung tâm, tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục. Bản chất của đổi mới phương pháp ở đây là tạo ra sự trao đổi, tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua các hành động cụ thể, giúp sinh viên tiếp thu nội dung kiến thức, rèn luyện kỹ năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. Thực tế trong hoạt động giảng dạy VHCT cho sinh viên, đội ngũ giảng viên đã thực hiện phương pháp này. Kết quả tương tác khá tích cực, sinh viên

học tập hào hứng. Thuyết trình về VHCT không còn khô cứng nữa khi các kỹ năng của chủ thể giáo dục đã nghệ thuật hóa phương pháp thuyết trình truyền thống, làm mới nó bằng chính những dẫn chứng sinh động từ thực tiễn.

PVS 7. Rất cần đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hà Nội, vì để tăng cường kỹ năng nói và viết cho sinh viên. Mà muốn nói tốt, viết tốt, phải có hiểu biết về VHCT. Để sinh viên yêu thích các môn VHCT, các thầy cô phải đổi mới phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên, tăng cường sử dụng phương tiện hiện đại, phải truyền lửa cho sinh viên bằng những giờ giảng ngày càng hấp dẫn. Hiện nay, các đơn vị giảng dạy trong nhà trường, đặc biệt là đối với các đơn vị, giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy VHCT đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch tích hợp lồng ghép nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào bài giảng của giảng viên. Theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường, của khoa, đơn vị chuyên môn, giảng viên xây dựng kế hoạch bài giảng cho từng chuyên đề môn học, có sự kiểm tra, đánh giá của lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo khoa và đơn vị chuyên môn để triển khai thực hiện. Việc thiết kế các nội dung tích hợp về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào bài giảng thông qua xây dựng mục tiêu bài giảng, kết cấu nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy, hoạt động giảng dạy trên lớp và tích hợp trong hoạt động kiểm tra, đánh giá. Đây là những đổi mới tích cực, cần được phát huy.

PVS 8. Phương thức giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay cần đổi mới vì nhiều bài học chỉ mang tính lý luận khô khan, không làm cho sinh viên muốn nghe vì có nghe cũng không hiểu. Cách truyền giảng của thầy cô vẫn mang tính kinh viện, không liên hệ với thực tiễn hoặc có liên hệ thì lại gắn với phong trào công nhân quốc tế, với lý luận văn hóa hay đường lối văn hóa của Đảng qua các thời kỳ lịch sử, sinh viên không thấy được tính hữu ích của bài học nên không muốn ghi nhớ hay tìm hiểu sâu. Có người còn cho rằng bây giờ là thời đại công nghệ thông tin, cứ sử dụng nhiều phương tiện hiện đại là phương pháp giáo dục đã đổi mới, bài giảng đã thu hút sinh viên rồi. Vì thực tế, sinh viên không quan tâm đến nội dung các môn kinh tế chính trị, triết học Mác-Lênin đâu.

Tuy nhiên, hiện nay một hình thức khác đã được giảng viên áp dụng nhằm đổi mới hình thức giáo dục VHCT chính khóa cho sinh viên hiện nay, đó là thay đổi không gian lớp học, tổ chức dạy học ngoài lớp. Một số tiết học đã được giảng viên tiến hành tại Phòng Truyền thống của nhà trường hoặc tại Trung tâm Thông tin khoa học – tức là Thư viện.

Hình thức tổ chức dạy học chính khóa nhưng được tổ chức ngoài lớp thích hợp cho việc tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động gây hứng thú cho sinh viên, giúp sinh viên tri giác và ghi nhớ tốt nội dung VHCT trong bài học. Nhà trường cũng đa dạng hóa các hoạt động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, triển khai linh hoạt có hiệu quả các các hoạt động bồi dưỡng chính trị, tư tưởng cho sinh viên. Tổ chức nhiều hoạt động để giúp sinh viên có cơ hội thể hiện năng lực của mình, tìm thấy sức hút của việc học các môn VHCT như tổ chức các tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học sinh viên. Các em viết tham luận và thăng thấn trao đổi những ý kiến mà trong giờ học các em không có cơ hội thể hiện. Các nền tảng xã hội như facebook, zalo, youtube đã tạo điều kiện cho sinh viên chủ động chia sẻ với giảng viên, với cố vấn học tập những khúc mắc của mình về VHCT. Những đổi mới này trong hình thức giáo dục mới được sinh viên thích thú.

PVS 9. Trong thực tế làm việc, chúng ta thường tiếp xúc với các tình huống có vấn đề, những khó khăn cần giải quyết. Nhưng khi học tập tại trường đại học, các sinh viên về cơ bản chỉ được dạy lý thuyết, ít có dịp thực hành, không có nhiều cơ hội xử lý các tình huống giống như trong thực tế, nên các em thiếu năng lực lồng ghép nhiều kiến thức, kỹ năng xử lý các tình huống của nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều vấn đề thực tiễn diễn ra không giống như lý thuyết các em được học trên giảng đường, nên nhiều sinh viên sau học tốt ở trường nhưng sau khi tốt nghiệp lại không tự tin trong xử lý tình huống thực tiễn. Vì vậy dạy học liên quan đến tình huống hiện đang được áp dụng phổ biến. Việc kết hợp các tình huống làm tăng tính thuyết phục và đẩy nhanh tốc độ hình thành năng lực nghề nghiệp của người học, được sinh viên đánh giá cao.

PVS 10: Thực tế vẫn có những giờ thuyết trình hấp dẫn với nội dung cô đọng, rõ ràng, giảng viên cung cấp tri thức VHCT cho sinh viên một cách khoa học và nghệ thuật, giúp sinh viên có thêm động cơ học tập, say mê khám phá tri thức mới, khiến cho sinh viên không thấy sợ sự khô cứng của các phạm trù VHCT. Chính vì thế, phương pháp thuyết trình vẫn có vị trí không thay thế được trong phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên. Tuy nhiên để tăng tính hấp dẫn của môn VHCT, phương pháp thuyết trình cần được đổi mới. Phương pháp thuyết trình có kết hợp đối thoại, nêu vấn đề... trong giảng dạy VHCT hiện nay thường được kết hợp cùng với trình chiếu slide về nội dung bài giảng là cách đổi mới phương pháp giáo dục VHCT cho sinh viên hiện nay, đang được các trường đại học tiến hành khá hiệu quả.